

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• **SUYỀN**

Không thua gì thuốc ngoại quốc

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

Kiểm-đuyệt số 536/HĐKD Saigon ngày 9-10-1961
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon
Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIỆN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 68 — I - II - 1961

| | | |
|---|-------------------------|---------|
| 1.— Chúng ta hãy cứu trợ | Thanh Phong | 5 |
| 2.— Phổ Thông đệ tam chu niên | Nguyễn-Vỹ | 6 — 9 |
| 3.— Sinh viên Nhật ngày nay | Nông Bằng Giang | 10 — 16 |
| 4.— Giữa dòng (truyện ngắn) | Mỹ Khanh | 17 — 22 |
| 5.— Thu buồn, mắc cạn (thơ) | Tùng Dinh, Nghiêntử Hàn | 23 |
| 6.— Người đàn-bà của các nhà văn Nho-học | Châu Hồi Kỳ | 24 — 28 |
| 7.— Người em trai của Tuyên-Phi. | Nguyễn Triệu | 29 — 33 |
| 8.— Tôi thương (thơ) | Tâm Tinh | 34 |
| 9.— Chiếc áo (thơ) | Thu-Loan | 35 |
| 10.— Nhân vật xuân thu : Tân-mục-Công .. | Thiếu Sơn | 36 — 42 |
| 11.— Con cò | Trần Nhâm Thân | 43 — 46 |
| 12.— Tuấn, chàng trai nước Việt | Nguyễn Vỹ | 47 — 53 |
| 13.— Nụ hoa (truyện ngắn) | Tôn-nữ Hoài-Vy | 54 — 60 |

14.— *Chung quanh nghi án lịch sử :*

| | | |
|---|-----------------|-----------|
| « Vua Quang-Trung chết » | Nguyễn Lê Thọ | 61 — 69 |
| 15.— <i>Correspondances (thơ)</i> | Baudelaire | 70 — 71 |
| 16.— <i>Ký giả thuở trước</i> | Té Xuyên | 72 — 77 |
| 17.— <i>Mình ơi!</i> | Diệu Huyền | 78 — 87 |
| 18.— <i>Alice (truyện ngắn)</i> | Nguyễn Thu Minh | 88 — 94 |
| 19.— <i>Nhà lá mà dỗi nhà gạch</i> không dỗi | Vương Hồng Sên | 95 — 103 |
| 20.— <i>Một giấc mơ hoa</i> | Duyên Hồng | 104 — 109 |
| 21.— <i>Khi người đẹp thất vọng</i> | Hoàng Thăng | 110 — 117 |
| 22.— <i>Mồ hôi nước mắt</i> | Nguyễn Vỹ | 118 — 123 |
| 23.— <i>Phổ Thông đã lên ba</i> | Thiếu Sơn | 124 — 127 |
| 24.— <i>Sách báo mới</i> | Phổ Thông | 128 |
| 25.— <i>Đáp bạn bốn phương</i> | Diệu Huyền | 129 — 148 |

● **Hình Bìa :** Cô KIM-CÚC, một nữ sinh Trung-học, độc-giả trung thành của **PHỔ-THÔNG** tạp-chí, thân tặng bạn đọc **PHỔ-THÔNG**, trong dịp **Đệ-Tam** chu-niên.

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** không chịu trách nhiệm về các bài lai cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt-Nam.

CHÚNG TA HÃY CỨU TRỢ

NẠN NHÂN BỊ BÃO LỤT

LỜI TÒA SOẠN.— Nhân biền-cổ buồn thảm này, tạp-chí **Phổ-Thông** xin thành-thật tỏ tình thông-cảm và lo-âu cùng toàn-thể Đồng-bào và bạn đọc **Phổ-Thông** ở các tỉnh bị bão lụt.

PHỔ-THÔNG tạp-chí

★★★

Than ôi!
Trời nổi tai ương,
Đất mang thảm họa.
Ngậm miệng xót thương,
Hở môi buồn bã.

Sóng Cửu-long nước bạc, to góm
to ghê,
Miền Lục-lĩnh dân đen khổ sao
khô quá!
Suốt một dãy từ Châu-đốc, Vĩnh
long

Xuống Kiến-trường, Rạch-giá
dắt diu nhau tìm đến non cao,
Trải mấy tuần nào trâu bò, nhà
cửa với của cải, hoa màu, bỗng
bệnh sóng trôi ra biển cả.
Bốn mươi vạn đồng bào,
Mấy trăm ngàn mẫu mạ.
Vô số nhà bị hư,
Bao nhiêu đường bị phá.
Bốn ngàn năm văn hiến, tu
nhân lịch đức

giống Lạc-Hồng hỏi tội tình chi
Non nửa triệu nhân dân, cuộc
bầm cày sâu,

Con Tào-hóa chơi tại ác lạ.
Ô hô hô!
Bớ lão Diêm Vương
Hỡi anh Hà Bá
Chớ có lần khăn
Đừng theo quấy phá
— Dân Việt-Nam chúng tôi
đứng dậy, nắm tay đoàn kết,
nhẹ tiền tài mà đề nặng anh em.
— Cuộc Lạc quyền toàn quốc
hô lên, mở lượng từ bi, xa
đường sát nhưng rất gần bụng dạ.
Hết các quận các miền,
Khắp mọi thôn mọi xã.
Hề mỗi kẻ mỗi cho,
Chắc một ngày một khá.
Một giọt máu đào hơn ao nước
lã, tình tương thân bao xiết
nổi, đau lòng!
Một miếng khi đói hơn gói khi
no, nghĩa hỗ trợ thật vô vàn
cảm tạ!

THANH-PHONG

Phổ-Thông

đệ-tam chu-niên

*Lưu cảm ơn
Bạn đọc thân mến,*



H ù N G tôi kiểm-điểm lại công-việc làm của Phổ-Thông tạp-chí sau ba năm cố gắng, tự nhận thấy còn nhiều khuyết-điểm.

★ Về hình thức, chúng tôi muốn tiến tới một kỹ-thuật ấn-loát tương-đương với các loại tạp-chí ngoại-quốc, nhưng mặc dầu với tất cả thiện-chí chúng tôi cũng chỉ mới thực hiện được một phần nào sở-nguyện của chúng tôi mà thôi. Muốn in cho thật đẹp, với tất cả những kỹ-thuật ấn-loát tối tân của Âu-Mỹ, ở xứ ta cần phải tốn rất nhiều tiền. Một tạp-chí ngoại-quốc có thể làm được dễ-dàng là nhờ máy-móc của họ nhiều, kỹ-thuật của họ đã tinh-xảo, hoàn toàn, mà giá tiền sở hụi lại rẻ, tiếng nước họ được thông-dụng nhiều nơi trong hoàn-cầu, cho nên họ có thể phát hành mỗi kỳ hàng triệu số gọi bán khắp cả trong thế-giới. Kinh-tế họ dồi-dào, các kỹ-nghệ

phát-triển mạnh, nên tạp-chí hay tờ báo của xứ họ đầy đặc những quảng-cáo đắt tiền, nhờ đó mà báo chí và kỹ-nghệ cùng được phát đạt mạnh-mẽ song-song với nhau.

Tạp-chí Phổ-Thông phát-hành số đầu ngày 1-11-1958 chỉ vốn-vẹn có 10.000 số. Sự ấn-loát rất là sơ-sài, sự sắp-đặt về kỹ-thuật hây còn luộm-thuộm, bê-bối, chậm-chạp, báo ra không đúng kỳ-hạn, có số trễ gần 5 ngày. Đến nay, số bán đã lên gần đến 25.000, sự phát-hành đã tiếp-tục đều-đặn và đúng kỳ, nhưng kỹ-thuật ấn-loát của nó vẫn chưa làm sao tiến tới trình-độ thẩm-mỹ cao hơn được. Mặc dầu anh em ấn-công, và tòa soạn chúng tôi, hết sức cố gắng trong mỗi kỳ báo, vẫn không làm sao tránh được một vài khuyết-điểm trong các công việc sắp chữ, sửa bài, in báo nhiều màu, đóng báo, xén báo, v.v... Chúng tôi thiếu một vài phương tiện vật-chất để vượt qua những khó-khăn về kỹ-thuật. Nhưng chúng tôi hy-vọng rằng với sự tăng-gia cố-gắng thêm mãi, chúng tôi sẽ dần-dần đạt được mục-dích: làm một tạp-chí Văn-hóa không kém các tạp-chí ngoại-quốc bất cứ về phương-diện nào, nhất là về kỹ-thuật ấn-loát và trình bày.

Về bìa báo cũng thế. Chúng tôi đặt ra nguyên-tắc là in trên bìa những thắng cảnh Việt-Nam xen lẫn với các thắng-cảnh ngoại quốc. Nhưng chúng tôi cũng chỉ thực hiện được một phần nào mà thôi, vì chúng tôi thiếu hình.

Chúng tôi được một số bạn đọc thân mến ở Sài Gòn, và các tỉnh thỉnh-thoảng gửi cho các hình ảnh chụp các thắng cảnh địa-phương để chúng tôi làm bản kèm in offset bìa 4 màu. Nhờ đó trong 3 năm nay bìa Phổ-Thông đã trình bày được nhiều phong-cảnh đẹp ở Sài Gòn, Hà Tiên, Phan Thiết, Dalat, Nha Trang, Qui-nhơn, Quảng Ngãi, Đà nẵng, Huế v.v... Nhưng Việt-nam ta còn rất nhiều thắng cảnh, ở nhiều tỉnh khác, mà chúng tôi chưa biết làm cách nào để trình bày được trên bìa *Phổ Thông*. Nhân-viên Tòa-soạn không có thì-giờ để đi chụp hình khắp trong nước. Chúng tôi đã nhờ nhiều bạn tìm kiếm mua tại các hiệu sách của các tỉnh, nhưng cũng ít có nơi bán phong cảnh đẹp có danh-tiếng. Chúng tôi vẫn hy-vọng rằng dần dần chúng tôi sẽ cố gắng tiếp tục tìm các ảnh đẹp của các thắng cảnh

Việt-nam để trình bày trên bìa *Phổ-Thông*, cho người ngoại-quốc xem.

Chúng tôi xin thành thật tạ ơn tất cả các bạn xa gần đã có thiện-tình gửi hình ảnh về cho chúng tôi làm bìa.

Về các hình-phong cảnh ngoại-quốc đã đăng trên bìa, chúng tôi xin cảm ơn các tòa Đại-sứ Anh, Nhật, Ấn, Mỹ, Đức, ở Saigon, và các bạn sinh-viên Việt-nam ở Hải ngoại, đã có nhâ-y gửi hình biểu chúng tôi liên-tục từ ba năm nay.

★ Về nội-dung.

Về nội-dung, chúng tôi cũng không tránh được khuyết-điểm. Thứ nhất là việc đăng bài của bạn đọc. Nguyên tắc của chúng tôi là mặc dầu Bộ Biên-tập của *Phổ-Thông* rất đông, chúng tôi vẫn cứ để dành trong mỗi kỳ báo một số trang để đăng những bài có giá-trị do Bạn đọc có nhâ-y gửi về tòa-soạn. Nguyên-tắc ấy, chúng tôi vẫn tôn-trọng từ trước đến nay. Nhưng có điều rất tiếc, là tạp-chí *Phổ-Thông* chỉ ra mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ chỉ 132 trang, và đăng ít nhất là 21 bài, nhiều nhất là 24 bài, trong số đó chúng tôi chia ra như sau đây :

Tòa soạn = 11, hoặc 14 bài,

Các bạn ở ngoại quốc = 2 bài

Bạn đọc trong nước = 8 bài. (kể cả Thơ)

Nhưng số bài nhận được của Bạn đọc thì lại nhiều quá. Có tháng đến 20, 30 bài, hầu hết là về văn chương, lịch sử, khoa-học và chuyện ngắn. Do đó, Tòa soạn phải lựa chọn thật kỹ và thường thường là vài ba tháng sau, có khi năm tháng sau khi nhận bài, những bài đã lựa chọn ấy mới có thể đăng được. Sự lựa chọn rất cần thiết, vì có một số bài của *Phổ-Thông* thường được trích dịch đăng trong vài ba tạp-chí ngoại quốc. Trường hợp đặc biệt nhất là *Thơ*. Tính trung-bình, mỗi ngày chúng tôi nhận được 20 bài thơ, do các bạn khắp nơi gửi về. Như vậy, mỗi tháng, bạn đọc gửi về chúng tôi trên dưới 500 bài. Mỗi kỳ *Phổ-Thông* cố gắng làm vừa lòng các bạn cũng chỉ đăng được 3 hoặc 4 bài là nhiều. Bạn nào gửi thơ về, cũng yêu-cầu chúng tôi đăng, (có bạn muốn thấy thơ mình được đăng ngay trong số tới), nhưng chúng tôi rất tiếc, và rất buồn, là không biết làm cách nào để vừa lòng hết thấy các bạn thi sĩ bốn phương. Để tỏ công-tâm của chúng tôi, chúng tôi đã đăng thơ của Bạn đọc ở khắp nơi trong nước, (ghi rõ địa-phương ở dưới tên tác giả),

không phân-biệt là của ai. Trái lại, theo quyết-định của anh Chủ-bút, chính thơ của anh và của anh em Tòa-soạn cũng không được đăng thường xuyên, «*để nhường chỗ đăng thơ của bạn đọc và của các Thi-hữu bốn phương*».

Không đăng được nhiều hơn nữa các bài thơ của các bạn gửi về, đó cũng là một khuyết-điểm mà chúng tôi xin nhìn nhận. Chúng tôi sẽ cố gắng làm vừa lòng quý bạn hơn được chừng nào hay chừng nấy.

Lại có những bạn muốn chúng tôi mở thêm nhiều mục khác đại khái như : *Triết-học phổ-thông*, chơi *Tem quốc-tế*, «*Lịch-sử của mỗi quốc-gia trên Thế-giới*», «*Day Anh-ngữ, Pháp-ngữ, Đức-ngữ, theo phương-pháp thực-hành*» v.v... Hầu hết các điều yêu-cầu của bạn đọc đều rất chính đáng. Chúng tôi hoàn-toàn thông-cảm. Nhưng tiếc thay khuyết-điểm của *Phổ-Thông* là có một số trang nhất định để bán một giá nhất-định, và tối thiểu là 10 đồng một cuốn. Chúng tôi không thể nào tăng thêm số trang lên được nữa, vì báo của chúng tôi còn phải in thuê, (chúng tôi không có nhà in), chúng tôi phải hy-sinh rất nhiều giữ mãi được giá bán phổ-thông 10 đồng, để tạp-chí phổ-biến rộng rãi trong nhân-dân. Chúng tôi cũng không sao bỏ bớt được các mục thường-xuyên đã được đại-da-số bạn đọc mến chuộng, để thay thế vào đó các mục khác. Trái lại, một số bạn đọc khá đông lại còn muốn chúng tôi «*đăng dài hơn nữa*» những mục mà đa số các bạn đã nhận thấy là bổ-ích. Nhưng chúng tôi cũng đành chịu, không thể «*đăng dài hơn nữa*» được, vì còn phải để chỗ đăng các mục khác.

Trung-bình, chúng tôi đăng mỗi bài 5 trang, Một đôi bài có tính-cách đặc biệt, có thể dài đến 7, hoặc 8 trang.

★ Mục «*Đáp bạn bốn phương*»

Mỗi ngày, chúng tôi nhận được từ 30 đến 40 bức thư, có khi 50, 60, hỏi về tất cả các vấn-đề. Tiếc rằng *Phổ-Thông* là một tạp-chí văn-hóa, cho nên chúng tôi không thể trả lời những câu hỏi không có liên-quan đến việc phổ-biến văn-hóa. Còn những bạn hỏi về văn-hóa, chúng tôi đã cố-gắng trả lời sớm chừng nào hay chừng nấy, vì thư hỏi nhiều như thế, làm sao chúng tôi phúc đáp hết tất cả được trong mấy trang báo mỗi kỳ ?

Chúng tôi cũng nhìn nhận khuyết-điểm ở mục này vì chúng tôi không có đủ thì giờ (và số trang có giới hạn) để làm thỏa-mãn được hết các bạn nào nóng-này muốn được trả lời ngay. Nhưng, chúng tôi sẽ cố gắng hơn nữa để phục-vụ các bạn.

★ Độc-giả của *Phổ-Thông*

Hiện nay độc-giả của *Phổ-Thông* nhiều nhất là các giới Giáo-sư và Sinh-viên Đại-học, Trung-học, các giới trí-thức ở Saigon, các tỉnh, và các quận. *Phổ-Thông* cũng đã được phổ-biến khá rộng về hương-thôn ở miền Nam và miền Trung. Nó cũng được gửi ra ngoại quốc khá nhiều, nhất là đến các giới sinh-viên Việt-nam ở Pháp, Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Phi-luật-Tân, và Ấn-độ. Ngoài ra, nó vẫn được trao đổi thường-xuyên với một số tạp-chí văn-hóa ở các nước ngoài. Các tòa Đại-sứ ngoại-quốc vẫn liên-lạc với nó về phương-diện trao đổi văn-hóa.

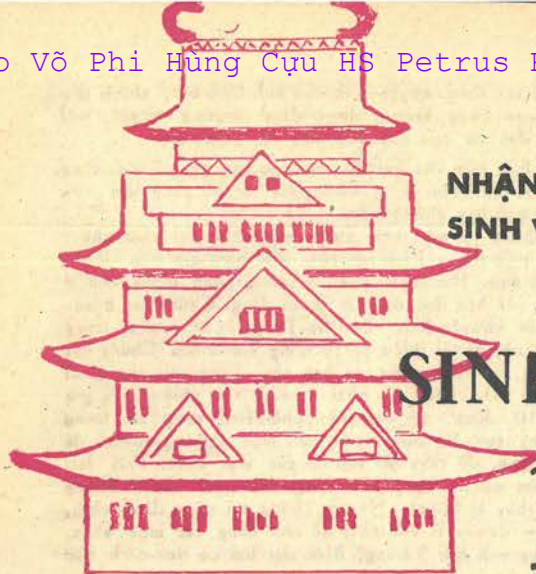


Hôm nay, nhân ngày kỷ-niệm đệ-tam chu-niên của *Phổ-Thông*, chúng tôi xin trình bày những khuyết-điểm mà chúng tôi đã nhận thấy như trên, để yêu cầu quý bạn đọc thông-cảm cho, và nhân tiện đề các bạn rõ đại-khái tình-hình sinh-hoạt của tạp-chí. Chúng tôi xin hứa sẽ cố-gắng tránh bớt những khuyết-điểm, và phục-vụ bạn đọc một cách đầy-đủ hơn.

Chúng tôi xin trân-trọng cảm ơn toàn thể bạn đọc thân-mến, ở trong Nước và Hải ngoại, đã ủng-hộ chúng tôi.

Tòa-soạn

PHỔ-THÔNG tạp-chí



**NHẬN XÉT CỦA MỘT
SINH VIÊN VIỆT-NAM VỀ :**

**SINH VIÊN
Nhật**

NHỮNG ai đã ở Nhật bản lâu ngày, thì không còn lạ gì cái dáng vẻ, và bộ đồng phục sinh-viên Nhật bản. Đối với những sinh viên như chúng tôi, còn có thể nhận họ rõ ràng hơn, bằng cách nhìn phù hiệu của họ để hiểu họ là sinh viên của trường Đại học nào, hoặc ban nào. Họ có cái dáng vẻ lù khù, im lặng trầm ngâm. Nam sinh-viên thường có bộ mặt buồn ngủ, lãnh đạm trông đến dễ ghét. Với tất cả những nét ấy mà được đóng khung trong bộ đồng phục của họ, thì quả thật sinh viên Nhật-bản lại càng có tác phong của một sĩ quan trừ bị. Nữ sinh viên Nhật-bản thì được

NGÀY NAY

★ NÔNG BẰNG GIANG

tùy thích màu sắc trang-phục, với chiếc phù hiệu nhỏ xinh-xinh lưng chừng ở ngực, nên trông họ càng duyên dáng dễ thương nhiều.

Sinh viên Nhật-bản ngày nay có thể nói ngật đồng. Đâu đâu chúng tôi cũng thấy hình bóng sinh viên. Ở thành phố Tokyo này từ 7 giờ sáng — đại-học bắt đầu từ 8 giờ 30 sáng — chúng tôi đã bắt gặp họ chen lấn, để tìm

một chỗ đứng trên xe điện, hoặc trên xe ô-tô-buýt, xe điện ngầm. Trong xe dù là xe điện, hoặc ô-tô-buýt, xe điện ngầm chẳng nữa, sinh viên Nhật chỉ có hai việc quen lẹ, là xem sách hoặc ngủ, trên đường đi trường hoặc ngược lại. Ngoài hai việc ấy, họ không hề nhìn ngoang, nhìn dọc để tìm bóng mỹ nhân.

Chúng tôi có thể nói, xã hội Nhật-bản ngày nay, từ những nhân vật cao cấp nhất, Thủ-tướng, các Bộ-trưởng, Nghị-sĩ..., cho đến nhóm dân buôn bán tầm thường đều là những phần tử xuất thân từ các trường đại-học. Điều này cũng không lấy gì làm lạ lắm, vì như chúng ta biết Nhật-bản là một nước nghèo, đất hẹp, núi nhiều, lại gặp nhiều thiên tai như bão, cuồng phong, địa chấn., cho nên số 700.000 sinh viên của 237 đại học, mỗi năm độ 100.000 sinh viên tốt nghiệp đại học thì làm thế nào tránh khỏi tình trạng thất nghiệp, như là đối với những sinh viên tốt nghiệp ở những trường đại học tư lập, hoặc là ở những đại học không có danh tiếng gì cả. (Tài

liệu lấy ở văn-phòng học vụ trường đại học Tokyo Kogyo Daigaku). Số sinh viên thất nghiệp nhiều như thế là sau thời kỳ đại chiến thứ hai, vì trong lúc chiến tranh 1945 có đến 64% sinh viên bị động viên, và tất cả các trường đại học đều đóng cửa. Sau chiến tranh ngày 15-8-1945, tổng số sinh viên bị tử nạn tại các công xưởng lên đến 11.000. Tuy nhiên số sinh-viên giải ngũ quá đông, mà các công trường xí nghiệp bị chiến tranh



↑ Bộ đồng - phục của nam Sinh-viên Nhật.

tàn phá quá nhiều, do đó tình trạng thất nghiệp của sinh viên mới nhiều như thế.

● **Đời sống sinh viên Nhật-Bản**

Nói đến sinh viên Nhật, nhiều người đã lầm tưởng rằng nam nữ sinh viên Nhật đều chơi hời, cuồng nhiệt, thác loạn v.v... Ở đây tôi không có ý bênh vực

giới sinh viên Nhật, tôi cũng không chỉ trích, phê bình nghiêm khắc họ, mà tôi chỉ muốn trình bày mẫu người sinh viên Nhật bản dưới mắt tôi, qua những năm sống chung với họ.

Sinh viên Nhật-bản thường rất trẻ, trung bình từ 18 tuổi trở lên. Đề có một nhận xét, so sánh rõ ràng hơn, tôi xin trình bày ở đây một bản thống kê chính xác của bộ Quốc-gia Giáo-dục, và bản thống kê dân số của văn phòng thống kê chính phủ :

| Tổng số Nam Nữ Toàn quốc (đơn vị 1.000) | | | | Nam Nữ sinh viên đang tại Đại-học (đơn-vị 1.000) | | | |
|---|-----|-----|---------|--|----|-----|-----------------------------|
| Tuổi | Nam | Nữ | Tổng số | Tổng số | Nữ | Nam | Đại-học Năm thứ |
| 18 | 779 | 770 | 1.549 | 275 | 67 | 208 | 1) Đại-học |
| 19 | 840 | 836 | 1.676 | 176 | 42 | 134 | 2) cấp Cử-nhân, |
| 20 | 881 | 871 | 1.752 | 126 | 15 | 111 | 3) Kỹ-sư |
| 21 | 892 | 831 | 1.723 | 132 | 14 | 118 | 4) (Bachelor) |
| 22 | 851 | 849 | 1.700 | 5 | 0 | 5 | 1) Đại học viện cấp tiến-sĩ |
| 23 | 826 | 826 | 1.652 | 5 | 0 | 5 | 2) (master degree) |
| 24 | 833 | 835 | 1.668 | 1 | 0 | 1 | 1) Đại học viện cấp bác sĩ |
| 25 | 824 | 827 | 1.651 | 1 | 0 | 1 | 2) (Doctor degree) |

Sinh-viên Nhật bản theo như tôi nhận thấy, và cũng là ý kiến của anh em ở đây, hầu hết họ trông hầy còn khù khờ ở năm thứ nhứt, và năm thứ hai Đại-học. Nhứt là sinh viên của hai trường Đại học quốc lập danh tiếng nhứt ở Nhật bản, Đại-học TOKYO DAIGAKU thường được gọi tắt là TODAI và trường Đại học TOKYO KOGYO DAIGAKU thường gọi tắt là TOKODAI. Trái lại, sinh viên của những Đại học tư lập thì rất láo lĩnh, ăn chơi nổi tiếng ở đây, nhứt là sinh viên của các trường Đại-học Waseda Daigaku, Keio Daigaku. Những sinh viên Nhật nói chung, thường từ năm thứ ba, thứ tư Đại-học trở đi thì mới hòa mình vào cuộc sống xã hội, và đã tỏ ra kha khá về phép xã giao ngoài xã hội. Điều này có lẽ do hoàn cảnh xã hội tạo cho họ một lối sống như thế, để chuẩn bị một nếp sống mới sẽ bắt đầu với họ sau khi tốt nghiệp Đại-học.

Những sinh viên từ các tỉnh xa xôi, về Tokyo học phần lớn ở trong ký túc xá Đại-học. Đối với sinh viên ở các trường Đại học quốc lập, thì khoản tiền

phòng mỗi năm họ phải trả, chỉ tốn tiền ăn thôi. Và khoản tiền ăn cũng tùy họ, ăn ít trả ít, ăn nhiều trả nhiều, vì tại ký túc xá có quán cơm sinh viên. Ở các đại học tư lập, thì sinh viên phải trả một món tiền nhỏ về khoản phí tiền phòng. Và mỗi phòng sinh viên ở ký túc xá thường có từ hai hay ba sinh viên sống chung học. Ký túc xá sinh viên thường thường bản, và rất tự do, cửa lớn, cửa nhỏ đều mở rộng, để chờ đón những sinh viên đi sớm về khuya. Tuy nhiên ký túc xá nữ sinh viên thì được đóng kín từ 10 giờ đêm, sau giờ ấy thì các nàng chỉ còn biết điện thoại để cầu cứu một ai đấy...

Những sinh viên từ các tỉnh xa lên Tokyo học, mà không muốn ở ký túc xá đại học vì họ muốn sống một đời sống âm thầm lặng lẽ, với những người mà họ hiểu thôi, thì họ sẽ sống ở trọ các gia đình tại Tokyo, hay là họ thuê apato (apartment) để ở. Phần lớn các cô cậu này đều có nhân tình cả, họ muốn đi lại với người yêu tự-do mà không có

một dư luận nào của chúng bạn cả. Tuy vậy, một số đông khác lại nghĩ rằng ký túc xá đại học quá tự do, và ồn ào khó học, sống chung với gia đình người chủ nhà mà họ ở trọ, cho nó có không khí gia đình hơn, dù họ đã xa gia đình.

Ngoài ra, sinh viên Nhật-bản cũng thường nghĩ đến chuyện đi làm arubaito. (do tiếng Đức arbeit) như đi dạy học, làm kế toán, thông dịch viên, chạy hàng cho các xí nghiệp, hãng buôn... Mục đích đi làm arubaito, không ngoài việc kiếm thêm tiền để xài vào khoản tiền sách, báo và giải



Nữ-sinh-viên Nhật, sau giờ học thảo.

trí hoặc để lấy kinh nghiệm chuẩn bị cho kỳ tốt nghiệp đại-học. Nhật là vào những tháng hè, thì sinh-viên các đại học được gửi đến các công trường, kỹ nghệ, để làm thực tập cho quen với học môn của họ tại đại học, tuy nhiên họ vẫn được trả lương gần tương đương với lương kỹ-sư đã tốt nghiệp.

● Sinh viên với vấn đề thi cử

Đối với sinh viên Nhật-bản, thi tuyển nhập học là một vấn đề khó khăn nhất ở đại học. Như chúng ta biết Nhật-bản có đến 237 đại học mà số đại học quốc lập chỉ có 72 trường thôi, còn lại là những đại học công lập hoặc tư lập. Mà ở tất cả những đại học quốc lập đều phải thi tuyển nhập học, và toàn quốc, ở các trường quốc lập Nhật bản, đều tổ chức kỳ thi tuyển sinh viên cùng một ngày. Ở vài đại học quốc lập danh tiếng, việc thi tuyển nhập học khó khăn vì điều kiện sống còn của họ, và vì lý do tương lai của họ sau này nữa. Như chúng tôi biết những năm gần

đây nhóm lãnh đạo ở trường chính trị Nhật-bản, là những người xuất thân từ đại học Tokyo Daigaku và Kyoto Daigaku, trái lại nhóm lãnh đạo kỹ nghệ, thương nghiệp Nhật bản là những người xuất thân ở Đại học Tokyo Kogyo Daigaku. Đối với sinh viên Nhật bản, nếu họ được trúng tuyển vào một trong ba đại học trên, thì điều chắc chắn mà họ biết, là sẽ không bao giờ thất nghiệp, và họ sẽ được một ít danh dự với bà con, làng nước, đồng thời sau khi tốt nghiệp, họ sẽ chiếm một địa vị xứng đáng ngoài xã hội, tương lai họ sẽ bắt đầu những bước dài sau này. Thường thường, những sinh viên nào muốn được trúng tuyển chắc chắn vào một trong ba đại học trên, thì ít ra cũng phải chuẩn bị từ 1 đến 2, 3 năm, kể từ khi tốt nghiệp ở bậc trung-học đệ-nhị cấp. Nam sinh viên của ba đại học này đặc biệt là mang kính trắng rất nhiều, nữ sinh viên phần đông không lấy gì làm đẹp lắm, số lớn vẫn mang kính cận thị khi vào giảng đường.

Sinh viên được trúng tuyển vào đại học có thể chia làm 3 hạng.

a) *Sinh viên muốn đi xa.* — Những sinh viên này có những đặc tính, mà giới sinh viên thường gọi là « gạo cội », họ không thích gia nhập các hiệp hội sinh viên, hoạt động chính-trị, mà chỉ gia nhập các hiệp hội có tính cách nghiên cứu, học hỏi về kỹ thuật, khoa học, văn chương triết học. Ngoài ra họ còn phải chuẩn bị một căn bản ngoại ngữ nhất là Anh ngữ và Đức ngữ, để cho họ có thể nghiên cứu, tham khảo các vấn đề có liên quan đến học môn của họ, qua các sách, báo, tạp chí Mỹ và Đức, khi họ đi đến cấp tiến sĩ ở Đại học viện. Những tháng hè họ cũng dành số lớn thì giờ để thực tập ở các công trường, hoặc ở các phòng thí nghiệm.

b) *Sinh viên tự mãn.* — Là những sinh viên đã có ý định sẽ ra đời, sau khi hết 4 năm ở Đại học, để tìm một chỗ đứng trong xã hội. Những sinh viên này thường được gọi là những sinh viên « tài tử », chỉ học những gì mà giáo sư giảng cho thôi, không thích đọc sách nhiều, do lẽ do cũng không cần giỏi ngoại ngữ

làm gì. Anh ngữ của những sinh viên tài tử này rất là bê bối!

c) *Sinh viên hoạt động.*— Là những sinh viên rất hăng hái, tha thiết với đời sống xã hội ngay lúc còn tại đại học. Họ tham gia rất nhiều hội và đảng phái, nào thiên tả, thiên hữu, đảng ái quốc, đảng xã hội... Họ thành lập các hiệp hội sinh viên, đề tổ chức những cuộc hội thảo, biểu-tình. Những vụ biểu tình chống cự Thủ tướng Kishi, và phản đối hiệp ước Mỹ Nhật tháng 6 năm trước, cũng là do các ông mãnh sinh viên này cả. Những sinh-viên này cũng được mệnh danh là sinh viên "bát". Họ "cúp cua" đề dự những cuộc biểu tình, họ ít khi đi trường, hay có đến trường cũng chỉ gặp họ ở hội quán sinh viên thôi, do lẽ đó họ thường được ghi danh ở trong bảng những sinh viên trượt. Và đồng thời, những chú cảnh sát ở Tokyo cũng biết rất nhiều về họ.

Sinh viên Nhật-bản, nói chung, phần đông dốt ngoại ngữ. Ngoại ngữ được sinh viên Nhật theo học, ngoài Anh-ngữ bắt buộc, là Đức ngữ, Nga, Tây-ban-Nha, Pháp, Ý. Hầu hết giáo sư Nhật bản ở đại-học đều biết tiếng Đức. Sinh viên cũng như giáo sư đại học đều có thể đọc và hiểu tiếng Anh qua các sách, tạp chí, tuy nhiên họ không nói được nhiều. Họ viết cũng thường sai văn phạm rất nhiều, chỉ riêng đối với những sinh viên ở các trường đại học ngoại ngữ, thì kha khá về khả năng ngoại ngữ thôi. Mặt khác, sinh viên Nhật-bản có rất nhiều khả năng về khoa học thực nghiệm, và khoa học toán, rất chịu khó học tập ở thư viện, cũng như ở phòng thí nghiệm. Họ cũng là những sinh viên rất có kỷ luật, ngay ở đại học đường cũng ở như ngoài xã-hội.

(Còn tiếp)



★ **Nghề viết văn**

François Mauriac, nhà văn danh tiếng Pháp, nói :

— Ngoài nghề viết văn, tôi không làm được việc gì cả.

Rồi ông tiếp bần giọng hài hước :

— Như thế tức là những kẻ không làm được việc gì cả đều có thể làm nghề viết văn.



GIỮA
DÒNG

★ **MỸ-KHANH**

Một người con gái khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, hình vóc mảnh mai ngồi trên mũi thuyền, thòng đôi chân xuống trước cửa khoang, trả lời mẹ :

— Trời gần tối, hết sợ máy bay oanh tạc rồi, mẹ ra ngoài một chút cho mát. Ông lái vẫn cho ghe đi sát bờ đó chớ có ra xa đâu !

Một ông khách bước ra sau lái châm thuốc hút, vừa chậm rãi nói :

— Bà Ba Huế khéo sợ quá thì thôi ! Chết sống có số cả. Đạn tránh người chớ người đâu có tránh được đạn ! Bà đi hoài biết

CHIỀU.

Mặt trời chưa khuất hẳn sau dãy núi phía Tây, ánh nắng còn vài tia yếu ớt dứt sót lại đó đây trên mặt sông mênh mông. Từng mảnh mây to màu vàng chen màu tím hiện ra ở đằng xa, phía chân trời, đứng sừng sừng như muốn ngăn lối người bước đến. Hơi lạnh đã bắt đầu tỏa ra từ làn nước xanh thẳm, nhấp nhô trước mũi thuyền. Một người đàn bà từ trong khoang nói ra, giọng nhỏ nhẹ pha lẫn sợ hãi :

— Con nói giùm với ông lái cho ghe đi sát vào bờ chút con !

mấy chuyến mà còn nhất gan quá. Như bữa thả bom Cầu Chợ Chùa, tôi nằm trong hầm cách cầu có mười thước tây, mười phần chắc chết mà té ra không hề chi. Còn ông giáo Bá ở làng mình đó kia, nằm xa hơn tôi năm thước mà toát óc !

Bà Ba Huế lom khom bò ra trước mũi. Bà ngược nhìn trời, lặng yên, lo lắng, đôi mày nhíu lại một cách khổ sở. Câu chuyện của ông khách dăng sau lái càng tăng nỗi sợ hãi mỗi lúc mỗi lên tội độ của bà. Bà lấy tay khoát khoát ra hiệu cho ông ta đừng nói nữa, đừng bàn tán đến những tai họa kinh khủng có thể xảy ra bất cứ chỗ nào, giờ nào và cho người nào trong thời buổi tao loạn này.

Trọn một năm rồi, vùng bà bị Tây chiếm. Bà nhớ lại đêm đầu tiên mà rừng mình. Cả làng đương ngủ mê man thì từ bên kia sông, từng loạt liên thanh nổ, từng loạt "moóc chề" nả qua bên làng bà, tiếng người kêu khóc, lửa cháy rực trời. Bà chỉ còn đủ thì giờ kịp quơ vội vài cái áo quần và dắt đứa con gái chạy lên làng phía trên cách nhà năm cây số.

Sáng ngày ra, mấy người ở gần bà chưa kịp chạy khi đêm, cũng lếch thếch kéo đến trong một tình trạng hết sức bi đát, báo cho bà biết tin lính Tây đã về cần quét sạch cả làng. Chồng bà cũng mất tích trong đêm ấy. Có kẻ quả quyết là ông ta đã bị giết. Một số dư luận khác cho rằng ông theo Tây vào đồn lái xe, vì trước kia ông đã thạo nghề.

Rồi mãi bận rộn ba đem đứa con độc nhất đi tìm nơi tương đối an toàn hơn, bà dần khuây được nỗi buồn tang tóc riêng và tìm kế sinh nhai bằng lối mua bán dôi chác giữa hai vùng xuôi ngược. Tình hình làng bà đã có phần êm dịu. Tỉnh thoảng Tây vẫn đến đóng quân, phá phách trong vài hôm rồi lại rút đi. Người dân đã quen với sự sống «chạy» ấy. Họ về lần lút làm ăn nhưng lúc nào cũng sẵn sàng xếp đặt đề tránh trớ các cuộc bao vây lùng bắt. Thành thử bà Ba cũng thỉnh thoảng lần mò về mua lén ngoại hóa từ thành đem vào đề rồi chở lên vùng trên bán. Ở đây đồng bào tản cư nhiều, mỗi chuyến hàng bà có thể cất tại chỗ mà vẫn bán chạy trong

mười ngày là sạch. Nhưng chỉ có một điều trở ngại là nạn máy bay oanh tạc. Bà ghê sợ cái giống lạnh như chớp có thể giết người trong một phút. Bà thường phàn nàn với mọi người : «Buôn bán để có lời quá, phải chi đừng có máy bay !» (Bà quên hẳn cái điều là chỉ trong thời kỳ chiến tranh giặc giả, hàng hóa mới khan hiếm đến thế).

Đi bộ một quãng gần gần, khi mới nghe tiếng động cơ máy bay vù vù từ xa, là kẻ đi đường đã lo lắng tìm kiếm một nơi trú ẩn rồi, hưởng hồ ngồi trong thuyền chậm chạp vượt một đoạn sông dài. Không có cái gì bảo đảm cho tính mệnh của người trong thuyền cả. Bà Ba luôn luôn nghe ngóng động tĩnh trên trời, thăm van vái cho xuôi buồm thuận gió. Mỗi chuyến về được đến nhà, bà mới biết là mình còn sống. Mà bà còn sống là số bạc lời cứ để thêm mãi. Từ ngày bắt đầu đi buôn, bà vẫn cho cô Mùi theo. Bà nói với người ngoài là cho cô theo để buôn bán, tập dạn dĩ cho quen và để kiếm tiền bạc giúp bà. Nhưng trong thâm tâm, bà nghĩ khác, đứa con là nguồn an ủi của bà, bà sống vì

con, bà xuôi ngược vất vả cũng vì con, trong thời buổi tên đạn này, mạng người mong manh lắm, bà muốn rằng dù chết đủ sống, bà cũng có mẹ có con. Bất giác, bà Ba ngược nhìn cô Mùi. Thoáng một giây, hình ảnh ông Ba Huế ngày mới gặp bà, hiện ra trong trí : một chàng trai da ngăm đen, có đôi tay rắn chắc và nét mặt cương quyết. Anh ta làm cai coi phu đắp quãng đường quốc lộ chạy qua làng bà. Mấy người phu cứ gọi là anh Ba Huế vì anh gốc người ở Huế vào, cứ thế dần rồi quen đi thành tên chính. Anh Ba vui tính, nói chuyện có duyên, lại không hay đàn áp phu làm nên được mọi người mến phục. Bà Ba hồi ấy là cô Năm Xuân, một cô gái đẹp mặn mà, đảm đang nhất vùng khiến bao cậu trai làng mê say ao ước. Cha mẹ mất sớm, cô ở với bà dì, ngày ngày gánh hàng ra chợ cho dì bán, rồi lại về nhà coi sóc trong ngoài, vẫn được tiếng là ngoan ngoãn. Sớm chiều, cô kiu kịt gánh hàng trên vai đi ngang qua đoạn đường có anh Ba đang điều khiển phu làm. Dần dần anh mến cô, ngỏ ý trao lời hứa kết bạn trăm năm. Đầu tiên,

cô Xuân e ngại, ngập ngừng. Cô e ngại chỗ anh ta người khác tính xa xuôi, không biết gốc tích thế nào, thêm cái giọng nói trợ trợ khó nghe quá ! Mà giá cưới về cái xứ Huế xa lắc xa lơ ấy, liệu làm sao cô ăn ở cho được. Nhưng lâu rồi, anh ta vẫn bền chí, cô cũng cảm được bởi cái nét hiền lành cái giọng nói êm êm mà có duyên chóe không khó nghe nữa. Và điều làm cho cô mãn nguyện hơn hết là ý trung nhân hứa sẽ không đem về xứ vì chàng ta cũng mồ côi sớm. Đôi bạn từ đó sống bên nhau; quê hương của cô Năm là quê hương vĩnh viễn của hai người. Đưa con gái ra đời làm hai vợ chồng mừng rỡ càng quấn quít nhau thêm. Anh Ba thôi làm cai phu, học nghề lái xe hơi và đi lái xe hàng cho một hãng xe ngoài tỉnh. Năm gần 40 tuổi, anh bị thương nhẹ trong một tai nạn xe đồ và nghỉ hẳn nghề. Đời sống ở thôn quê bắt đầu chật vật gay go thì những trận gầy gò cũng đã bắt đầu xuất hiện dưới mái gia đình con con ấy. Ông Ba sinh ra uống rượu và chơi bời không thiết gì đến vợ con. Cả ngày ông la cà các quán ăn đề rồi về nhà sinh sự. Bà Ba chỉ thờ dài nhìn cảnh

nhà tan nát và càng cố gắng tần tảo hơn để bù đắp phần nào vào những khoản thiếu hụt do chồng tạo nên. Đã có những đêm bà ôm con khóc trong bóng tối của gian nhà vắng lạnh. Chính cái đêm hôm chạy giặc, ông Ba cũng đã đi đâu từ chiều ! Rồi bật tin từ dạo ấy.

Mãi nhớ về dĩ vãng, bà Ba quên cả trời đã tối hoàn toàn. Con thuyền vẫn cứ lướt êm trên giòng nước. Bà thở ra, khoan khoái vì đã vào đêm tức là có thể thoát được hiềm nghèo. Bà trải chiếu đàng mũi, nằm lót hai bàn tay dưới gáy ngược mặt nhìn trời, thăm tính việc làm ngày mai, khi về đến nơi, hàng bán hết. Muôn nghìn vì sao nhấp nháy dưới vòm trời cao rộng như vui với nỗi vui thanh thản trong lòng bà.

Chợt một vệt sáng lòe lên đàng sau lái nhanh như chớp rồi vụt tắt. Do một linh tính tự nhiên, bà Ba ngồi nhổm dậy, trống ngực đánh thình thịch. Rồi có tiếng gì như nước sôi sùng sục giữa giòng sông chạy lên dần đến bên thuyền. Một tiếng kêu thất thanh của ai không biết vang lên trong đêm trường tĩnh mịch :

— « Trời ơi, Ca - nô Tây ! »
Hai vệt sáng nữa loé ra hai bên bờ và đồng thời một tràng súng nổ dồn dã trên mặt nước đen thẫm mới đây còn phẳng lặng. Ánh đèn dầu le lói của khoan lái vừa được tắt phụt thì một tiếng tòm nặng nề rơi xuống đáy nước rồi mất hẳn.



Bà Ba Huế rên rì, cựa mình, toàn thân đau buốt ê ẩm. Bà thử nhấc một cánh tay lên. Vô ích. Bà lấy tay kia quờ sang, nắm vào nơi cánh đụng nhằm một vật gì mềm mềm như vải mà lại có hơi ướt ướt, tanh tanh. Bà cố nhớ lại sự việc xảy ra : một lóe sáng chớp nhanh rồi một loạt súng nổ, bà ngã gục, không biết gì nữa. Con bà hiện ở đâu ? Ông lão lái thuyền ? Máy người khách ? ... Bao nhiêu câu bà muốn hỏi mà không có ai để bà hỏi. Bà cảm thấy khát nước, đôi môi bà mấp máy, đôi mắt bà hé mở :

— Đây là đâu ? Mùi đâu con ơi ? Cho tôi hợp nước ! ...

Hoàn toàn vắng lặng. Bà nghe người bà đang ở trên một cái gì bông bênh nhưng, nhìn quanh quẩn,

bà không nhận ra nét quen thuộc của chiếc thuyền đã chở bà xuôi ngược hằng mấy tháng rồi trên quãng sông này.

Trong khi ấy, trên một chiếc đờ không mui kèm theo ca nô, cô bé Mùi giờ chỉ gần là một cái xác trần truồng dương thu chút sức tàn bé bỏng cố dấy dựa thoát khỏi tấm thân to lớn của một thằng Tây đang ghì lấy cô. Chỉ một phút thôi rồi cái xác lặng yên và cứng đờ trong khoang ghe. Thằng Tây giơ thẳng bàn tay hộ pháp, nắm lấy đầu cái xác rồi vụt một cái quăng tòm xuống mặt nước đen thẫm.



Ông Ba Huế nhắc bổng cái tử thi người đàn bà lên, định vát xuống sông, theo lệnh truyền của chủ. Nấn cái túi áo trong còn hơi nặng ông reo lên một tiếng nhỏ, đặt cái xác xuống và bắt đầu một cuộc lục lọi. Một xấp bạc mới và mấy cái giấy tờ đồ tung ra. Ông định chỉ quơ bạc còn vò hết các giấy tờ không quan hệ gì đến ông, nhưng nghĩ thế nào, ông lại bật máy lửa soi sáng, lò dò đọc mấy hàng chữ trên một tấm thẻ bìa cứng :

« Nguyễn thị Xuân, chánh quán
Cầm-sa, Điện Bàn, 50 tuổi ».

Góc bên trái tấm thẻ dán một
chiếc ảnh cũ, nước thuốc đã phai,
ngả sang màu vàng lợt lợt. Ông
trố mắt nhìn chiếc ảnh, hai tay
run rẩy đê rơi chiếc thẻ xuống
sàn ca-nô bao giờ không hay.
Cặp đầu gối quỳ dầy, quỳ dầy và
ông gục xuống bên cạnh cái xác.
Đúng là chiếc ảnh mà vợ ông
chụp năm trước khi chưa chạy
giặc !

Lần đầu tiên trong cuộc đi tàn
sát, đôi mắt ông Ba Huế rớm lệ.



✧ Bà mẹ đẹp nhất

Hai đứa con sanh đôi của bà Hai, đi học về, hớn-hờ nói với
má :

— Má ơi, sáng nay trong lớp cô giáo biểu bỏ phiếu coi Má của
đứa nào đẹp nhất. Kết quả, là Má đẹp nhất.

Bà Hai tươi cười, hãnh-diện, rồi hỏi tại sao bà được hân-hạnh
ấy. Hai đứa con bảo :

— Vì đứa nào cũng bỏ phiếu cho Má nó là đẹp nhất. Nhờ tại
con hai đứa, nên Má thắng được 1 phiếu, Má đẹp n ấ đ

Ông lật cái khăn phủ tử thi,
chăm chú nhìn sát vào mặt. Hơi
lạnh lẽo tỏa từ cái xác hòa với
gió đêm làm ông rùng mình.

Bỗng ông nghiêng rặng, cương
quyết, đôi bàn tay nắm lại, mặt
ông trở nên dữ tợn lạ thường.
Trong đêm tối, ông mò mò đến
chỗ đặt súng. Một tràng tiếng
nổ quây về phía bọn Tây đương
say ngủ, xé tan cảnh thanh vắng.

Ông Ba Huế vội ôm lấy cái xác
vợ, nhảy xuống giữa dòng.

MỸ-KHANH



T H U
B U Ò N

Thuyền trăng chi chỡ, khách Thơ sông,
Đêm lạnh sương vẩy bốn cửa buồm.
Ngoài ngõ hình như hoa thôn-thức,
Bên nhà nghe rõ lá Thu buồn.
Tâm sự cuồng theo thác nước nguồn
Nhìn nghiêng sang trái bác tàn ruu ..
Ngày Thu mãi mãi ; Thu còn đó.
Sao lại riêng ta cứ lại buồn ? ! !

TÙNG-DINH
(Rừng Quảng-Đức)

mắc cạn

Thêm một lần thương nhớ
Buồn khép hai mi dài
Nghe linh hồn mắc cạn
Người đi người có hay.
Suốt đời sao nông nổi
Sao tới mãi chờ nhau
Áo hoa vàng nghệ cưới
Lứa tuổi nào mai sau ?
Còn chi mà mong đợi
Người đi người có hay
Mưa mù giăng mấy biển
Người về ai biết ai ?
Dưới một lần thương nhớ
Linh hồn tôi thơ ngây
Với cuộc đời nôn mữa
Tình yêu và bàn tay.

NGHIÊN-TỬ-HÀN

Ký thác tâm sự
vào

★ CHÂU-HẢI-KỲ



và qua lời thơ đó, vẫn thường kín-đáo ngỏ nỗi-niềm tâm-sự của chính mình.

Đề-tài được chọn đề gửi-gắm nỗi lòng có thể là những vật tâm-thường, giản-dị như : con bù-nhìn, cái chổi, cây quạt, lưới cày, ống diều lảo, giàn bầu, líp cải,

NGƯỜI ĐÀN - BÀ của các Nhà Văn NHO-HỌC

CÁC thi-nhân Việt-Nam ta xưa, khi gặp một chuyện gì hoặc một cảnh - ngộ nào thường hay làm thơ con trâu, cái vện, cây đa đầu làng, ngôi quán cuối thôn, ngõ chợ... Cũng có thể là những cảnh đẹp thiên-nhiên như : cánh đồng xanh lúa reo, làn ao gợn sóng nắng, cảnh «trăng lên, trăng uốn, trăng oằn cành tre», hay mái tranh nghèo khói lam chiều phủ, sân làng trai gái giã gạo hát hò...

Nhưng thường nhất là người đàn bà, con gái, mặc dù, theo quan-niệm «trọng nam khinh nữ», các nhà nho xưa chủ-trương kỳ việc dùng người phái yếu đề ám chỉ thân-thế, tư-tướng của một trang nam tử như mình.

Lý-do chọn người phái yếu đề giãi-mắc ý tình, gửi-gắm

tâm-sự theo ý-kiến của đôi bậc thức-giả, thì, có lẽ, chỉ vì người đàn bà thường giàu tình-cảm, tính-tình dễ bộc-lộ, rất thích-hợp đề mình mượn mà nói lên hết cả những vui, buồn, yêu, ghét, giận, hờn, sầu tủi đương dồn nén trong lòng. Làm thơ mà lấy đề tài người đàn bà thì chẳng khác mình đương thủ-thỉ tâm-tình cùng người tình-nhân thương tự bao giờ, cho nên tình-cảm dễ chân thành, dễ lộ liễu không sót một mây may. Mà người đọc thơ mình có thể cũng hứng trí hơn. Không nói đến đề tài để gợi sự lưu-ý, sự truyền lan và gây mối cảm-thông thế nào cũng sâu rộng hơn vì lời-cuốn được phái nữ-lưu cũng đọc.

Ngoài những lý-do trên, cũng có vị bảo rằng trong xã-hội phong kiến Đông-phương, người đàn bà là kẻ hãm phạm phải chịu nhiều nỗi thiệt thòi, đau khổ nhất : người đàn bà dễ bị khinh khi, ruồng rẫy, đọa-đày, đời người đàn bà thật không có gì là bảo đảm cả. Như vậy có khác gì kẻ nho-sĩ, sống dưới chế-độ quân-chủ chuyên-chế xưa, đem tài ba ra lập công-danh, sự-nghiệp giúp vua giúp nước,

nhưng nào có tránh được những trường hợp «cảnh bạc đen» bị dèm pha, bị bạc đãi, bị giáng chức, cắt chức...? Trong hoàn cảnh ấy, nho sĩ và người đàn bà có những niềm-trùng-hợp. Nên nhà nho chọn người đàn bà là kẻ vốn thường chịu cái tình cảnh éo le, khinh-bạc của xã-hội đề ngụ nỗi-niềm tâm-sự của chính mình.

— ĐẶNG-TRẦN-CÔN qua lời than vãn của người chinh phụ (vai chính trong tác-phẩm C.P.N. K.) đã kín đáo giãi-bày nỗi bất bình của mình đối với chiến tranh, cái thứ chiến-tranh để bảo-vệ đất đai, quyền-lợi cho các giòng họ vua chúa không làm xong phận-sự cùng là lòng tha-thiết mong mỗi hòa bình để dân-chúng khỏi phải dấn thân vào các cuộc chém giết vô-lý đến phải nhà tan, cửa nát, cha mẹ, vợ chồng, con cái ly tán :

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-
chiên,*

*Xanh kia thăm thẳm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi
này ?*

(Đoàn-Thị-Điểm diễn nôm)

— NG.-GIA-THIỆU, bằng người cung phi có tài có sắc trước được vua yêu chiều về sau bị chán bỏ tự thương cho kiếp má đào phận bạc cũng dễ giải tỏ trong C.O.N.K. nỗi lòng mình vừa uất-hận, vừa buồn đau trước thể cuộc rối ren, tình đời đen bạc...

*Hoa này bướm nở thờ ơ !
Đề gáy bóng thắm, đề xơ nhĩ
vàng.*

*Hóa Công sao khéo trêu người
Bóng đèn tà nguyệt, như mùi
kỳ sinh.*

*Bảy giờ đã ra lòng ruộng rẫy,
Đề thân này nước chảy hoa trôi.*

*Chống tay ngồi ngắm sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài kéo
cắm.*

— LÊ QUÍ-ĐỒN, một nhà nho uyên-bác của nước ta thời Lê mạt, mà trên bước đường công danh đã gặp nhiều sự bất như ý, cũng bằng người « gái quá thì » gửi-gắm những nỗi niềm đắng cay của mình trước cảnh đời ngang trái phú-phàng :

« Nửa đêm sức thức dậy, tiếc cho con người ta rằng : trắng tà xẽ bóng, nước chảy thâm canh ;

ngần-ngờ nỗi giây tình cát-cứ, buồn tênh thay cái số lênh-dênh ! »

... « Tương má hồng mà ngao-ngán những vì duyên, đành phận bạc chỉ phận nần vì cái số. Không có nhẽ lại đưa vào nơi thôn-dã, vàng lẫn thau chỉ lụy chú nông-phu ; phỏng bây giờ mà đưa đến công hầu, kim khắc mộc lại e người đổ-phụ. Trời đất nhẽ ! trăm năm đà mấy chốc, nông-nỗi này bởi vì đâu ? Chị em ơi ! hai mươi mấy tuổi rồi, tình duyên này ai có thấu ? Những nghĩ tài-tình trong làng nước, ngờ đâu lúng túng mấy năm trời. » (1)

— NGUYỄN-DU, trước một thực trạng thời-đại và xã-hội đầy rẫy thối nát, tráo-trờ, bất-công đã ký thác vào người con gái họ Vương cái ý-chí tranh đấu giải thoát thực cảnh tối-tăm, bức-bách, đề giữ lấy cho kỳ được cái quyền sống của mình.

— PHAN-HUY-VỊNH, nhà nho có tài văn-chương lối-lạc, từng được cử làm chánh sứ sang Trung quốc cũng như đã có lần thăng lên đến Lễ Bộ thượng thư, phải

(1) Tài liệu trong « Văn-học Việt-Nam » của Phạm-văn-Điêu.

chăng, cũng vì cái cốt-cách thanh cao của mình mà bị lận-dận trên hoạn lộ, thắm-thía vì tình đời nhỏ nhen nên phiên dịch Tỳ-bà hành có lẽ cũng không ngoài chủ ý như Tư-Mã Tương-Như xót thương người kỹ-nữ bên Tầm-Dương đề gián-tiếp thương xót cho đời mình, đề khơi rõ tâm-tư cho nhân thế hiểu ?

Cùng một lứa bên trời lận-dận.

*Lệ ai chan chứa hơn người,
Giang châu Tư Mã đượm mùi
áo xanh.*

— TÔN-THỌ-TƯỜNG, đã ba, bốn phen chọn người đàn bà làm đề-tài đề ký ngụ tâm-sự mình :

— Bằng cô-em gái Tôn Quyên, nhà nho quán phủ Tân-Bình, tỉnh Gia-dịnh, gửi-gắm cái tâm-sự « bất đắc dĩ phải theo Pháp » :

*Là Ngó bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng,
Son phấn đành cam dầy gió bụi,
Đá vàng chi đề thẹn non sông.
(Tôn phu nhân qui Thục)*

— Bằng nàng Kiều, ông thanh-minh chí-khí trung-trình của mình

sau bao nhiêu năm chịu đựng dần vật, đau khổ :

*Mười mấy năm trời nợ giữ xong,
Sông Tiền-Đường đục hóa ra
trong.*

*Mình duyên bình lãng còn nông-
nã,
Chút phận tang-thương lảm ngại-
ngàng.*

*Chữ hiểu ít nhiều trời đất biết,
Gánh tình nặng nhẹ chị em chung.
Tám lòng thiên-cổ thương mà trách
Chẳng trách chi Kiều, trách hóa-
cồng.*

(Thân-thế nàng Kiều)

— Và bằng người « Đi già đi tu », ông thổ-lộ nỗi lòng lúc đã chán-nản, đã về già :

*Chầy kình giống tình giắc Vu San,
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng.
Đài kính biếng soi màu phấn nhạt,
Cửa không đành gởi cái xuân tàn.
Trạnh niềm hoa liễu vài câu kệ,
An giấc tang du một chữ nhân.
Ngoảnh lại lầu xanh thương*

*những kẻ,
Trầm luân chưa khỏi nợ hồng nhan.*

— NGUYỄN KHUYẾN, nhà nho đạo mạo có tiếng cũng đã dùng con «Mẹ Mốc» vừa đẹp-đẽ vừa danh giá không ai bì mà tự làm xấu-xí đi để giữ tấm lòng son sắt với chồng con, để kỷ-thác tấm lòng kiên-quyết trung - trinh của mình đối với đất nước trước mọi sự quấy-rũ hay áp bức vào đường danh lợi:

*So danh giá ai bằng mẹ mốc !
Ngoài hình-hài, gấm - vóc, cũng
thêm ra.*

*Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xóa
nhòa :*

Làm thế để cho qua mắt tục.

*Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc;
Tâm trung thường thủ tự kiên
kim.*

*Như chồng con muốn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-đềm một tiết.*

*Sạch như nước, trắng như ngà,
trong như tuyết :*

*Mảnh gương Trinh vàng vạc quyết
không như.*

(Mẹ mốc)

Tóm lại người đàn-bà, đối với nhà nho ta xưa, là một đề-tài rất thích-ứng để các cụ gửi nỗi lòng, giải bày tư-tưởng, bộc-lộ hành - động của mình. Người đàn bà— dù là nhân vật trong tiểu-thuyết, trong sự-sách — các cụ vẫn tìm được mỗi cảm-thông và nguồn hứng đề cời mở nỗi lòng. Vấn-đề kỷ-thác vào người đàn-bà vì thế vẫn là sự thường trong giới nhà nho thuở trước vậy.



★ **Cấp dưỡng**

Trong một tòa-án Mỹ. Quan-tòa hỏi bị-cáo :

- Anh lấy tiền ở đâu mà cấp-dưỡng cho người vợ cũ của anh ?
- Thưa, tiền của người vợ hiện giờ đang sống với tôi.
- Vậy người vợ hiện giờ lấy tiền ở đâu ?
- Thưa, tiền của người chồng cũ của nàng.

người
em trai
của

●
● **TUYÊN**
●
P H I

★ NGUYỄN TRIỆU



GƯỜI ta đã đặt cho chàng cái huy-hiệu là «Cậu trời»..

Cậu Trời nguyên một tên dân vô-tài, vô học, chỉ nhờ thế-lực ở nơi cung cấm, miệt-thị pháp-luật, hoành-hành một cách hung tàn dâm-ác, khiến cho phụ-nữ trong chốn cố-đo này đã phải một phen khiếp sợ, lác đầu le lười bảo nhau :

*Kẻ nào có tội với đời,
Ra đường gặp phải Cậu-Trời bắt
đi.*

« Cậu Trời », chính tên là ĐẶNG-LÂN, em trai Đặng Tuyên-Phi, người vợ rất yêu-quý của Chúa Trịnh-Sâm về đời cuối Lê.

Trịnh-Sâm vốn là người thông minh, có tri quyết-đoán, nhưng từ khi say-đắm sắc đẹp của Tuyên-Phi, bỗng thành ra người u-mê nhu-nhược, hết thấy việc nhà, việc nước điều định phải trái bằng những tiếng oanh thỏ thẻ ở bên gối trong màn, khiến cho cơ nghiệp phi-thường «phi để phi bá» gây dựng đã trên ba trăm năm bị lán sóng khuynh-thành làm cho đổ-sập.

Đặng Tuyên-Phi từ khi đem nhan sắc cảm dỗ được Trịnh-Sâm, thường đem những việc riêng nài ép Chúa Trịnh làm theo ý muốn... Nhất là sau khi nàng đã sinh được một con trai là Trịnh-Cán, lại càng nũng nịu quấy rầy... Trịnh-Sâm đều nhất nhất nghe theo, chỉ sợ người yêu hờn giận...

Nàng có một em trai đã 20 tuổi, tính tình thô-xuất và hung bạo, lại thêm dốt nát không có học-thức, nàng cho gọi vào Cung bá-kiến Trịnh-Sâm rồi xin phong cho quan-tước...!

Cũng trọng tước vị của triều đình. Không dám lạm cho người vô-tài vô-học, Trịnh-Sâm do-dự không muốn cho, nhưng rồi cũng nể lời phải ban cho Đặng-Lân một quan hàm, lại kiêm cả cái địa-vị rất cao-sang Quốc-cửu.

Được làm Quốc-cửu, Đặng-Lân muốn tỏ mình cao-quý chẳng kém chi các bậc vương-hầu, tự lập ra phi-đệ rất tráng lệ nguy nga cùng một bọn vô-lại còn-đồ, cho mặc sắc phục riêng, gọi là đội lính hầu Quốc-cửu.

Hằng ngày Đặng-Lân chẳng

làm công việc gì, trừ mỗi buổi sáng vào cung hầu chị thỉnh-thác việc này việc nọ, lại chỉ cỡi ngựa đeo gươm đi dong khắp các phố phường, theo sau có một đội chó săn dữ tợn như hùm beo và một bọn lính hầu nhân-nháo như quỷ-sứ. Những lúc đi dong ấy, Đặng-Lân dùng đủ nghi trượng như các Vương-hầu quan quý, lại có cả cái khác thường nữa là đem theo cả đường màn cùng gối đệm. Đặng-Lân ngày nào cũng đi dong phố phường như thế chỉ có mục-dịch là đi «săn gái» ngông nghênh ngồi trên mình ngựa, cặp mắt điều-hầu, liếc nhìn tứ phía, hễ thấy ả nào có vẻ ưa mắt tức thì cho đòi hay bắt đến, rồi sai đặt giường quay lưng ngay ở đường phố để thỏa dục-tinh. ả nào không chịu lại dám chống cự, tức thì ra tay vùi hoa dập liễu, quá ra có đánh chết nữa cũng không ai dám nói gì. Những cách hành-động dâm-ác ấy cũng có khi lọt đến tai Trịnh-Sâm, nhưng Tuyên-Phi lại hết sức che chở cho em, còn tìm ra kẻ nào đã mách lẻo rồi bày mưu hãm hại là khác nữa... Được thế, Đặng-Lân lại càng hoành-

hành, nhân dân phố phường đều phải khiếp sợ... Nhất là các phụ-nữ, coi Đặng-Lân như một hung-thần, sợ quá đến nỗi gọi là «Cậu Trời» hễ thấy bóng đi đằng xa thì đã xô nhau chạy trốn.

Trịnh-Sâm có một quận-chúa do một người vợ khác sinh ra, mới 14 tuổi, nhan sắc rất xinh đẹp, Trịnh-Sâm rất thương yêu, sắp định kén chọn một thanh-niên yểu võ toàn tài cho làm phò mã. Ý ấy chưa ngỏ ra thì Tuyên-Phi đã nài xin gã cho em mình. Đã biết rõ Đặng-Lân không phải là người xứng đáng nhưng không tiện từ-chối, chỉ nói thác là quận-chúa còn nhỏ tuổi yếu sức, xin để thông thả sẽ bàn. Chẳng hiểu ý, Tuyên-Phi lại cứ khấn-khoản vật nài, quá nể lời, Trịnh-Sâm đành phải hứa gã quận-chúa cho Lân. Đắt lời. Tuyên-Phi xin cho cưới ngay. Lễ cưới một vị quận-chúa long trọng thế nào không cần phải nói.

Đã không phải là vui lòng gã, lại nghĩ con còn thơ yếu, đối với tên thô-bạo chịu sao nỗi sự dày vò, liền truyền chỉ cho Đặng-Lân phải tuân theo :

Dù cho làm lễ nghinh-hôn, nhưng quận-chúa còn trẻ-dại, cần phải học-tập lễ-nghi trong hai năm nữa cho biết đạo làm vợ, làm mẹ sau này... Trong thời kỳ quận-chúa còn học-tập, hãy tạm hoãn làm lễ nhập phòng hoa chúc.

Linh Vương - chỉ, chị em Tuyên-Phi xin tuân theo.

Đến ngày Đặng-Lân nghênh hôn về phủ riêng, muốn cho hẳn không được làm trái ý-chỉ. Trịnh-Sâm lại cử hai vị đại-thần đạo-mạo, nói là đi theo lễ hằng ngày dạy bảo quận-chúa học-tập nhưng thực là để giám-sát sự hành-động của Đặng-Lân.

Sau khi đã nghênh hôn, Đặng-Lân tuân theo Vương-chỉ, đối với quận-chúa chỉ giữ danh-nghĩa là vợ chồng, nhưng không dám sàm sỡ mon men đến bên người ngọc... Nhưng chỉ được mấy hôm đầu, rồi sau Đặng-Lân như quên cả cái oai-nghiêm của Vương-chỉ, nguồn đào chỉ trong gang tấc, Thiên-thai nào phải không lối đi vào... luôn luôn kiếm cơ vào hỏi chuyện quận-chúa..., nhưng lần nào cũng bị hai

vị đại-thần lấy lễ nghĩa trách bảo và ngăn trở... Nhưng đối với một con «quý-sắc» như Đặng-Lân, chỉ trách bảo, ngăn trở được tạm thời, không sao giữ được mãi vậy. Quả-nhiên mấy hôm sau nữa, Đặng-Lân hăm hăm đi sấn vào phòng quận-chúa, hai vị lão-thần kia lại lấy lời ngăn bao... Đặng-Lân nổi xung làm dữ, quát mắng om-xòm :

— À, chúng bay đến đây để giữ l... cho Chúa à ?

Vừa nói vừa đấm đá, hai vị lão-thần đều bị ngã chúi xuống... hồi lâu mới lóp ngóp bò dậy được cùng vội chạy về Vương-phủ để cấp báo.

Được tin báo, nhưng nề mặt Tuyền-Phi. Trịnh-Sâm chưa biết định đoạt ra sao, thì ngay hôm sau, đang lúc ngồi coi châu, bỗng thấy quan hộ-thành, binh mã sứ Nguyễn-Mại lật đật vào qui, tự lột mũ xin tâu :

— Tâu Thánh-vương, hạ-thần có tội đáng chết !

Ngạc nhiên, Trịnh-Sâm vội hỏi :

— Nhà ngươi có tội gì đáng chết ?

Nguyễn-Mại đem việc quốc-cửu Đặng-Lân hiếp dâm con gái ở ngay ngoài đường, thấy việc dâm cuồng đại-ác, khinh miệt quốc-pháp, vi chức-vụ bất buộc đã lập tức đem chém đầu... Nhưng vì giữ phép, đã trót phạm đến một vị quốc-thích, tự biết là có tội to, vậy xin thánh-thượng giết ngay hạ-thần cho khỏi hại đến tinh riêng trong cung-quyển.

Nghe tâu, Trịnh-Sâm dật mình biến-sắc, nhưng lại dịu ngay, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói :

— Biết làm đúng theo phép nước, nhà ngươi thực đáng khen, chẳng những không bắt tội, ta lại sẽ trọng thưởng cho, còn về tinh riêng để mặc ta đối phó.

Nguyễn Đặng-Lân hôm ấy vẫn ngهنh ngang hoành-hành như mọi ngày. Quan hộ-thành binh-mã sứ Nguyễn-Mại thấy vậy, vẫn muốn vì dân trừ hại, được tin lập tức đem quân lính đến nơi thấy quả nhiên Đặng-Lân đặt đường chằng mùng hăm-hiếp con gái ở giữa đường, liền hạ lệnh bắt trời, muốn đề tâu xin định-đoạt, sợ Trịnh-Sâm

lại nề lời Tuyền-Phi mà tha hán rời lập kế giết mình..

Chi bằng cứ giết trước đi rồi tâu sau, Tuyền-Phi muốn cứu em cũng không kịp nữa. Có vì thế mà mình bị giết chẳng nữa, cũng đã vì dân trừ được một cái hại lớn rồi !

Cũng may Trịnh-Sâm vốn là người thông-minh lại sẵn có ý chán ghét Đặng-Lân, nên tha tội cho Nguyễn-Mại.

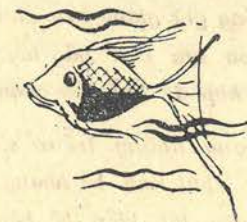
Còn Tuyền-Phi về sau thương em, khóc lóc xin giết Nguyễn-Mại để báo thù, Trịnh-Sâm đem cái lễ «Đại-nghĩa diệt-thần» mà

khuyên bảo :

— «Hiền-phi chắc cũng phải như ta, muốn cho Vương-nghiệp vững bền, tất phải tôn trọng phép nước. Phép nước đối với kẻ có tội, dù là thần-thích, cũng không dung thứ. Nay Nguyễn-Mại vì ta trọng giữ phép nước, lẽ nào ta lại vì tình riêng mà giết cho đành !»

Chẳng dám trái lễ, Tuyền-Phi đành phải nuốt giận ngậm bìn không dám nói hơn nữa.

NGUYỄN TRIỆU



★ Nói

Hai người bạn gái nói chuyện với nhau :

— Chị ấy nói với tôi rằng chị có nói với chị ấy những chuyện mà tôi đã nói với chị là đừng nói với chị ấy.

— Thế hả, thật chị ấy ngốc quá ! Tôi đã nói với chị ấy là đừng nói với chị rằng tôi đã nói chuyện ấy với chị ấy cơ mà !

— Thế thì thôi, chị cũng đừng nói lại với chị ấy rằng tôi có nói với chị là chị ấy có nói với tôi !

TÔI THƯƠNG



Tôi thương những trẻ mồ côi,
Không cha, không mẹ, không nơi nương nhờ.
Tháng ngày dài nắng, đêm mưa,
Ngủ : trông góc chợ, ăn : nhờ cơm dtr.

Tôi thương những bác xa phu,
Đầu không nón đội, chân kia chẳng giày.
Mồ hôi dãi bát cơm đầy,
Cam thân cực khổ, nuôi bầy con thơ.

Tôi thương những bậc già nua,
Không con, không cháu biết nhờ cậy ai ?
Muối dưa đắp dôi tháng ngày
Sống cho qua, một kiếp đầy đau thương.

Tôi thương thiếu phụ cô đơn,
Mong người chồng giữ giang sơn chưa về.
Bồng con tựa cửa nãi nề,
Ngày vui xum họp để huê còn chăng ?

Tôi thương những trẻ sơ sinh,
Con ai sao nữ chút tình bỏ hoang ?
Giận duyên, tủi kiếp, bẽ bàng,
Tội ai ? riêng để ai mang một mình !

Tình thương vương vấn bên mình,
Hỏi ai chẳng muốn chút tình yêu thương !
Ta đem reo khắp nẻo đường,
Họa chẳng có bớt trong muôn một nào !

TÂM-TÌNH (T. T. TH.)



CHIẾC ÁO

Chiều nay mây tím ngự trời thanh
Gió lạnh bàng khuâng viếng Huế thành
Nghệ sĩ, thân tôi manh vải mỏng
Vội tìm gắn tú áo len xanh.

Áo len xanh, chiếc áo dăm chiều,
Hiền vắng em đan với tịch liêu.
Tay ngọc vụng-về từng múi một,
Lặng nhìn, lời luyến những thương yêu.

Tháng ngày dẫu bề lẳng trôi mau
Áo ấm tôi mang đã trở màu
Nào thấy em ngồi trong nắng nhạt !
Nhờ ai mạng hộ chắm len sâu !

Nhớ thuở tôi đi, em dặn dò :
« Ngày về rách áo em khâu cho ! »
Mà nay giờ rét, đường len lạch
Ai đã chôn em tận đáy mồ ?

THU-LOAN

(Bến Ngự — Huế)



tần- mục- công

★ THIẾU - SƠN

Trung-Nguyên, có thể mở-mang đất nước ở những vùng hung-dịch và tránh được những cuộc tranh-chấp với các nước chư hầu.

Xuân Thu...

BÀ I trước tôi đã nói về cái địa-thể của nước Tần mà cả hai ông thừa-tướng Kiên-Thúc và Bá-lý-Hề đều đồng-thanh khen-ngợi, một địa-thể thừa-hưởng của nhà Châu từ ngày vua Bình-Vương thiên-dô qua Lạc-Ấp. Cái địa-thể đó giúp cho nhà Tần hùng-cứ một phương gần như biệt lập ra ngoài cõi

Tần-mục-Công đặc-biệt khai thác cái địa-thể nói trên và lần lần tiến lên giành-ngôi bá-chủ, một bá-chủ vững-mạnh và bền-bĩ nhưt, kéo dài tới hết đời chiến-quốc đề rồi sẽ kế-nghiệp nhà Châu mà thống-nhất Trung-Quốc.

Sự-nghiệp của Tần-Thủy-Hoàng sau này chính là khởi-diêm từ Tần-mục-Công và những ông vua kế-nghiệp

★

Tần-mục-Công là một vị minh quân, giàu lòng nhân-ái, biết chiêu hiền đãi sĩ và biết nghe lời phải. Đời ông có hai việc quan-trọng đáng kể. Một là ông chinh-phục Tây-Nhung để mở-mang bờ-cõi. Hai là ông đã giúp Tần, đánh Tần và thắng Tần là một cường-lân cũng giành ngôi bá-chủ với ông. Việc chinh-phục Tây-Nhung ông đã thi-hành một cách thần-diệu, lạ-làng và có kết quả mỹ-mãn. Nhưng thú-vị và hào-hưng nhưt lại là mối bang-giao và những sự tranh-chấp giữa hai nước Tần, Tần.

Như ta đã biết Tần Mục Công xin cưới con gái Tần-Hiến-Công là nàng Mục-Cơ và mối duyên Tần, Tần đã làm cho hai nước càng thêm thân-thiết.

Tần-Hiến-Công là một ông vua dâm-loạn có nhiều vợ và có rất nhiều con. Trong đám vợ của ông lại có một bà mẹ ghê và một cô vợ trẻ đẹp là nàng Ly-Cơ. Ly-Cơ đã bầy mưu, lập kế hãm hại Thế-Tử Thân-Sanh và ly-tán hai công-tử Di-Ngô và Trùng Nhĩ là những người con lớn của Hiến-Công.

Hiến Công chết, Ly-Cơ đem con nàng lên kế-nghiệp và làm rối loạn nước Tần trong một thời-gian.

Tần-Mục-Công đem binh đưa Công-Tử Di-Ngô về nước và chiếm được ngai vàng lấy hiệu là Huệ-Công. Khi chưa về nước Huệ-Công hứa sẽ cắt năm thành mà dâng ơn cho Tần-Quốc và có làm khế-ước hãn-hội. Nhưng khi đã lên ngôi liền bội-ước và lấy cớ rằng đất nước của tiên-quân bị Triều-dinh cản không cho đem dâng ngoại-Quốc.

Mục-Công không thêm hỏi tội mà còn gởi trả luôn bàn khế-ước năm xưa.

★

Tần-Huệ-Công từ ngày lên ngôi, lúa năm nào cũng xấu, đến năm thứ 5 thì thất mùa, kho lẫm không cạn, dân không có ăn. Huệ-Công muốn mượn lúa nước khác, nghĩ tới nước Tần ở gần gũi mà còn nghĩa xuôi-gia, ngại vì trước đã thất ước nên bây giờ khó mở miệng. Nhưng quần-thần đốc thúc rất cuộc Tần-hầu cũng cho người qua Tần mượn lúa.

Mục-Công bèn nhóm các quan thương-nghị. Có người nhắc tội

Huệ-công rồi đề-nghị không cho mượn lúa. Nhưng Bá-lý-Hề không đồng ý mà nói rằng: «Tai nạn trời làm nước nào cũng có. Thương người gần, giúp kẻ khốn cũng là lẽ thường, ta làm nghĩa thì Trời cho ta đặng phước.» Rồi chính Tần Mục Công cũng nói:

«Phụ ta là chúa Tấn, chịu đời là dân cùng, ta chẳng ước gì mượn lúa mà bỏ dân.» Ông liền truyền vận lúa vài muôn斛 ra sông Vị-hà, chở thẳng qua Châu Ung là ranh nước Tấn, ghe bên Tấn sang tiếp đờ chờ về. Nhân-dân nước Tấn người người đều cảm phục. Sử-quan có thơ khen Mục Công như sau:

*Tấn-quân vô-đạo mắc thiên-tai
Châu Giáng, châu Ung lúa chờ
hoài.*

*Ai nữ đem án mà trả oán
Mục-Công đức lượng đáng khen
thay.*

★

Qua năm sau nước Tấn thất mùa, nước Tấn lại trúng lã. Mục-Công thương-nghị với quần-thần tính chuyện qua đời lúa nước Tấn. Nhiều người tiên liệu rằng Tấn-hầu sẽ không trả. Mu

quả thật. Sứ-giã nước Tấn đi không rồi lại trở về không. Nghe lời bọn gian-thần Huệ-công đã dám mở miệng nói với Sứ-Tần như sau: «Nước ta nhiều năm thất bát, trăm họ điêu-linh, năm nay kha khá, dân trời nổi mới về, lúa dùng vừa đủ, chẳng có dư mà giúp lại cho đặng.» Tần sứ nói:

«Chúa của tôi nghĩ tình nuôi gia không đời đứt mà lại còn giúp lúa cho. Nghĩ rằng đồng nạn thương nhau, chúa tôi giúp chúa công khi ngặt, năm nay chúa của tôi túng mà chúa-công không trả giúp lại, kẻ hạ thần về không biết lời chi mà phúc-đổi cho đặng.» Huệ-Công không trả lời nhưng đã đề cho bọn gian-thần đáp lại: «Về nói Chúa người muốn ăn lúa của nước Tấn thì đem binh đến mà lấy.»

Tần-Sứ ngâm hờn cáo lui một nước. Một trung-Thần của Tấn than rằng: «Tấn-hầu bội đức làm cho lân-quốc gập hờn, họa ắt gần đến.»

★

Lần này Mục-Công không thể nhịn được nữa và buộc lòng phải

truyền hịch ra quân đề hỏi tội kẻ vong-ân bội-nghĩa.

Binh Tần độ qua sông Đông-Hà, đánh thẳng luôn ba trận, đại-binh kéo thẳng tới Hàn-Nguyên. Huệ-Công nghe binh Tần tới đất Hàn nhú mảy mà nói rằng: «Giặc đã gần tới ta tính thế nào?» Một trung-thần trả lời: «Giặc của vua mời vào sao lại còn hỏi.» Huệ - Công mắng át rồi truyền lệnh lui quân mười dặm và cho một tướng khác đi thám thính địch-tình. Tướng này về báo-cáo: «Binh Tần tuy ít mà cái chiến - khí nó hăm-hở bằng mười quân ta.» Huệ-Công hỏi: «Sao vậy?» Tướng đó trả lời: «Chúa-Công khi trước chạy qua ở đất Lương-Sơn của Tấn, vì có Tấn giúp đặng về nước lên ngôi. Sau nhờ Tấn giúp lúa cho khỏi đói. Tấn ba phen ra ơn mà Chúa-Công không một lần trả. Tôi, chúa người chứa giận đã lâu. Nay Tấn đánh ta, binh nó đã sẵn lòng oán ghét nên cái nhuệ- khí của nó lừng-lẫy như vậy đó.» Huệ-Công lại mắng át rồi cho qua nói với Tần-Chúa rằng: «Ta có binh xe sáu trăm cỗ sẵn chờ binh Tần. Nếu binh Tần lui thì tốt. Bằng chẳng lui ta cũng muốn

tránh cho khỏi, ngặt binh tướng không chịu nên không biết làm sao?» Mục-Công cười rằng: «Con nít mà kiêu chi vậy?» Rồi cho sứ qua nói với Huệ-Công: «Tấn-hầu ở đậu ta không đuổi, muốn nước ta giúp, muốn lúa ta cho. Nay muốn đánh, ta dám chẳng nghe sao?»

Chiến-cuộc tiếp-diễn một cách ác-liệt. Huệ-Công bị bao vây rồi bị bắt. Mục-công cũng bị bao vây nhưng được cứu-thoát và lãnh phần trọn thắng. Mục-Công sai người nói với Tấn-Hầu rằng: «Ông chẳng muốn tránh tôi, mà tôi cũng không tránh ông đặng. Xin chịu phiến theo quân về ấp của tôi, rồi sẽ xin lỗi.» Huệ-Công cúi mặt xuống không nói một lời. Mục-Công cho một trăm cỗ xe áp giải Tấn - hầu về nước. Bọn bại - tướng bỏ tóc xoắn, đi dật - dờ theo quân như một đám đờ tang. Mục - Công lại cũng sai người thăm họ và an ủi họ rằng: «Chúa tôi các người có lời nói như muốn ăn lúa Tấn thì phải đem binh tới mà lấy. Nay ta cảm chúa người tại đây đặng làm cho có lúa mà thôi, chứ không làm chi khác đâu. Các người đừng lo

không có chúa và cũng đừng thương cảm gì nhiều.»

Nói thì nói thế nhưng Mục-Công đã có ý giết Huệ-Công để tế Trời và giúp cho Trùng-Nhĩ về làm vua nước Tấn. Ông đem ý-kiến đó ra thương-nghị với quần-thần thì nhiều người can-gián và khuyên nên cho Huệ-Công trở về phục-vị với điều-kiện là phải dâng 5 thành như đã hứa và phải cho con là Thế-Tử Ngũ qua làm con tin ở Tần. Đồng thời Mục-Cơ phụ-nhơn cũng đòi thả anh bà về nước, dầu là người anh khác mẹ đã làm nhiều điều tội-lỗi và cả tội loạn-luân. Chính Huệ-Công đã cưỡng bức người vợ nhỏ của cha và lấy luôn làm vợ. Nội thị hỏi phu nhân sao lại quá thương xót một người anh như thế thì phu-nhân liền đáp :

«Ta nghe người tuy oán cũng chẳng quên bà con, tuy giận cũng chẳng bỏ lễ nghĩa, bằng Tấn-quân chết tại nước Tần thì ta cũng phải có như vậy».

Mục-Công hết lòng thương vợ nên đã tha chết cho Huệ-Công và thả cho về nước.



Nhắc lại khi Mục-Công bị quân Tấn vây khốn thì có một đội đồng-sĩ chừng 300 người từ phía Tây kéo tới và la lớn lên rằng : « Chớ hại ân-chúa ta ». Mục-Công ngoái lại xem thấy 300 người xoắn tóc, trật vai, chun đi giày cỏ, tay cầm đại-đao, lưng đeo cung-tiến, hung-hăng như Hồn-Thế Ma-Vương, ào ào xốc tới, chém binh Tấn như chém chuối, cứu được Mục-Công, giải vây cho binh Tần và đánh tan quân địch.

Mục-Công về đến trại. Ba trăm-sĩ vào lạy mừng. Mục-Công hỏi :

«Các người là những người ở đâu mà ra sức cứu ta như vậy ?» Bọn tráng sĩ thưa : «Chúa-Công chẳng nhớ năm xưa mất ngựa sao ? Chúng tôi là bọn ăn thịt ngựa đây.»

Nguyên hồi trước Mục-Công đi săn ở núi Lương-Sơn, trong đêm mất hết hai con ngựa hay bèn sai lính đi kiếm. Bọn này tìm đến mé núi Kỳ-Sơn có lối 300 người rừng dương xúm ăn thịt ngựa. Lính làm êm về báo với Mục-Công đề cho thêm người qua bắt quả tang trọn gói.

Mục-Công nghe chuyện than rằng : «Ngựa đã chết rồi mà giết người nữa thì trăm họ sẽ bảo ta quý vật mà hại người.» Nói rồi bèn dạy quân lấy rượu ngon vài chực ghè đem cho bọn ăn trộm ngựa rồi đọc lời mạng cho chúng nghe rằng : «Ta nghe ăn thịt ngựa hay mà không uống rượu thì không tiêu nên cho đem rượu ngon cho các người uống.»

Bọn người rừng đồng cúi đầu cảm ơn rồi chia nhau uống hết. Họ nói với nhau rằng : «Ăn trộm ngựa mà không làm tội, đại lo cho mình đau, cho đem rượu cho mình uống. Thiệt ơn rất lớn chẳng biết lấy chi đền.»

Chính nhờ cái ơn đó mà bọn người rừng rủ nhau xuống Hàn-Nguyên cứu giá. Nhớ tới chuyện năm xưa Mục-Công ngược mắt lên Trời mà than rằng : «Người rừng còn biết nghĩa mà trả ơn, còn Tấn-hầu là người gì mà tệ bạc đến thế ?» Mục-Công hỏi : «Ai muốn làm quan, ta ban tước lộc cho». Toàn thể đều thưa : «Chúng tôi là bọn tiểu nhơn, trả ơn chúa một chút mà thôi không ai chịu làm quan và cũng không ai ham tước-lộc». Mục-Công dạy đem bạc và lụa ra cho thì họ cũng từ chối, rồi từ tạ ra về.



Như bài trước đã nói Kiền-Thúc biết thuật xem người nên mỗi lần Bá-Lý-Hề muốn làm cho ai thì ông đều ngăn cản vì biết rằng người chủ đó nhứt định sẽ không làm nên sự nghiệp. Nhưng tới khi gặp Tần Mục-Công thì chẳng những ông không cản mà còn vui lòng thờ chung một chúa vì ông biết Mục-Công tất làm nên sự-nghiệp. Hơn nữa, chính ông đã khuyên Mục-Công : chớ tham, chớ giận và chớ gập. Tham thì mất, giận thì rối, gập thì sót.

Nhưng khuyên là một chuyện. Mà biết nghe lời khuyên lại là chuyện khác. Ở Tần-Mục-Công ta thấy lời khuyên đó thấm rất nhiều vì chính bản-thân người được khuyên cũng có rất nhiều ưu-điểm. Làm một vua chư-hầu trong đời Ngũ-bá ông không thể không tham, không giận và không gập được. Ông đã chinh-phục Tây-Nhung để mở-mang bờ cõi, ông đã đòi cho được năm thành của Tấn và đã có ý-định giết Tấn-hầu là anh vợ của ông. Nhưng phần nhiều là ông bị khiêu khích và đã tỏ ra nhản-

nại quá sức nhẫn-nại của con người.

Nếu ông tham, ông giận và ông gấp thì chưa chắc ông đã thắng Tấn một cách dễ-dàng và vẻ - vang như thế vì Tấn là một nước lớn, một nước mạnh, có tinh-binh và dóng tướng có phần trội hơn Tần. Nhưng lòng khoan - dung và chí nhẫn-nại của ông đã cảm-động tới nhân dân nước Tấn và chinh-phục cả được một số đại-phu của nước Tấn. Một lời nói của ông : «*Phụ ta là chúa Tấn, chịu đời là dân cùng, ta chẳng nở giận chúa mà bỏ dân.*» đủ làm cho dân Tấn cảm-phục biết bao nhiêu. Huống chi sau lời nói đó lại cả đoàn ghe lúa của Tần chở sang để cứu đói. Ngay trong hàng ngũ đại phu và tướng lãnh của Tấn biết bao nhiêu người đã bắt binh về sự vô ơn bạc nghĩa của Huệ-Công. Chính đã có người dám nói trắng-trợn với Chúa mình : «*Giặc của vua mời sao lại còn hỏi ?*»

Như thế là Tấn không có

chánh nghĩa, thất nhơn-tâm và thiếu đoàn-kết làm sao mà thắng được ?

Ngược lại, Tần có tất cả những cái gì mà đối - phương không có. Được vậy là nhờ cái đức-dộ của Mục-Công và thứ nhứt là nhờ ông biết trọng hiền-tài và biết nghe lời phải. Mỗi mỗi ông đều họp quần-thần để thương nghị và nhiều khi sau phiên-họp ông vui lòng hy-sinh những ý kiến sai lầm của ông để chấp nhận những lời bàn sáng suốt, hợp lý và hợp tình. Bí-quyết thành công của ông là ở chỗ đó.

Nhưng phải là người hiền mới biết nghe lời phải. Không hiền sao lại có chuyện cho rượu cho những kẻ ăn trộm ngựa của mình ? Ông đâu có nghĩ rằng bọn trộm ngựa sẽ có ngày biết ơn ? Ông chỉ nghĩ rằng không nên coi vật quý hơn người. Một người biết quý người hơn vật, biết tôn trọng cái sanh mạng của con người đã nêu một tấm gương cao-quí cho tất cả mọi người, nhứt là cho những kẻ nắm vận mạng của dân.

THIẾU-SƠN



CON CÒ

* TRẦN-NHÂM-THÂN

NẾ U chúng ta bước chân đến một cánh đồng mà trông thấy một con vật ốm yếu, mỏ nhọn và dài, cổ dài, cánh to, chân mảnh và cao : đó là Con Cò.

Cò sống bằng tôm, cá, ốc, hến v.v... Cò bắt ruồi rất giỏi; vì vậy, người ta thường-thường nuôi cò trong nhà để bắt ruồi. Đêm đến, Cò thường ngủ ở các bụi tre, cây rậm hoặc bờ ao, v.v...

Cò có nhiều loại. Loại cò trắng mỏ vàng nuôi rất khôn.

Loại cò lọ nôi (đen), cò-ma, cò lép v.v... đều trông không đẹp và không khôn bằng cò trắng.

Qua bài «con cò», ta thấy Nam-Hương tả màu lông con Cò trắng như sau :

*Con cò bay lả, bay la,
Bay từ cửa lờ, bay ra cánh đồng.
Khắp mình trắng nõn như bông,
Gió xuân thổi thoảng bợp lông
trên đầu.*

Dân ca (ca-đạo) ở Lạng-Sơn cũng có câu hát như sau :

Con Cò bay lả, bay la,
Bay ra cửa bể, bay về Đổng-Đặng,
Minh ơi! Minh nhớ ta chăng?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười!

Cò còn là đề-tài cho những
câu chuyện vui của trẻ em:

Con Cò mắc dò mà chết,
Con Bim-Bíp mua nếp làm chay.
Con Cu đánh trống ba ngày,
Chớp-Mao đội mũ làm thầy dạy
văn.

Con Quạ sắp sửa nấu ăn.
Một bầu Se-Sẻ mua sẵn đóng hòm.
Con Heo ụt-ụt ửi đất khiến chồn
Con Chó oăn-oăn gặm xương tối
ngày.

Đề chỉ một cánh-đồng phi-
nhiều xanh-tốt, tục-ngữ ta cũng
mượn con Cò làm tiêu-đề:

Cò bay thẳng cánh.
Chó chạy ngay đuôi.

Và đề nói một cuộc sống vì
danh-dự gia-tộc, dù có chết thì
xin chết cho trong sạch, đừng
làm bần-nhờ đề mang tiếng cho
con cháu về sau; ca-dao ta cũng
mượn con Cò để nói lên cuộc
sống thanh cao ấy.

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải canh mèm lộn cồ
xướng ao.

Ông ơi, Ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào Ông sẽ xáo
măng.

Có xáo thì xáo nước trong,
Chớ xáo nước đục đau lòng cò
con.

Xưa kia, đất Cao-Bằng hay
Cao-Bình (Bắc-Việt) là nơi được
làm căn-cứ của họ Mạc, giặc
Nùng-văn-Vân... để chống lại
nhà Lê và nhà Nguyễn.. Vì
vậy, đất Cao-Bằng đã xảy ra
nhiều trận binh-hỏa:
Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc
nỉ non.

Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh chầy thừ nước non Cao-
Bằng (1)

Cò vốn là vật thật-thà, hiền-
lành, ưa làm việc thiện:

Chó rình tham ăn, hay nuốt
vội,
Nhán một khi vui hội anh em.
Miếng ngon đương lúc miệng
thèm,
Chưa trói miếng gói, đã thêm
miếng dầu.

Cụ Nguyễn-công-Trứ đã lấy
câu hát này để viết lên bài
«Gánh gạo đưa chồng».

Phải cái xương mắc sâu trong
họng,
Phức mười đời Cò bỗng đi qua.
Chó rình mới gật chị ta,
Đến ngay thò mỏ gắp ra một
hòn.

(Nguyễn-văn-Vĩnh)

Thấy cò thật-thà, hiền-lành
nên các con vật khác hiếp-áp
cò, nhưng cò khôn ngoan, lanh
lợi:

Con cò, con Vạc, con Nòng,
Sao may dầm lúa nhà Ông hời
cỏ?

—Không không, tôi đứng trên bờ,
Mẹ con cái Vạc nó ngờ cho tôi.
Chẳng tin thì ông đi dúi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

Trong câu chuyện «Cáo và
Cò» có một ngụ-ý rất sâu-xa,
truyện có ý răn người: «Ở ác
gặp ác; hoặc đối xử tệ-bại với
người thì sẽ bị người xử-tệ lại.»

—Có một ngày, Cáo làm cỗ rồi
mời Cò đến dự. Cỗ gồm một đĩa
canh đậu. Cò vì mỏ nhọn và dài
nên không ăn được món ăn
lông. Cáo nhờ có chiếc lưỡi to
nên cứ việc lè lưỡi là liếm hết.

Cò tức giận, nên hôm sau, Cò
lại làm cỗ và mời Cáo đến dự.

Cò bày những thức ăn trong cái
lọ cổ hẹp, mùi thực-đơn bay
ra thơm phức... Cáo vì đầu to
nên thò đầu vào lọ không được.
Cò cứ việc lấy mỏ gắp ăn. Cáo
biết Cò trả thù mình nên lủi
mất.

Sau đây là câu chuyện «Cò,
Trai và lão ngư-ông» có ngụ-ý
rằng: — «hai kẻ cùng tranh-
giành, cấu-xé nhau về một
việc gì thì rốt cuộc chẳng nên
còn-cán chi cả. Trái lại, chỉ
đề cho kẻ thứ ba hời-hợt từ
đầu đến lại được việc»

Trai vì trời nắng nên há
miệng. Cò từ xa bay đến thấy
thịt trai ngon quá bèn mổ vào.
Trai ngậm miệng lại. Hai bên
giằng co, không bên nào
nhường bên nào. Chợt có
một lão ngư-ông đi ngang
trông thấy vậy liền tóm
lấy cả cò lẫn trai. Ca dao
có câu:

Cái Trai mày há miệng ra,
Cái Cò nó mổ muốn tha thịt
mày.

Cái Cò mày mổ cái trai,
Cái trai quặp lại muốn nhai thịt
Cò.

Nhân sự-tích này, cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ làm ra bài «Cỏ-Trai» :

*Trai dẫu chẳng biết tình con Cỏ,
Mày hở-hang chi nó mỡ cho.*

*Vi bằng mu dầy mà bí kín?
Ắt là mỡ nhọn phải treo khó
Hãy về bãi bễ cho êm thắm,
Mặc kệ bên sông nó gát gù.*

*Cỏ Trắng dẫu khôn dành gát mỡ,
Trai già chờ lúc lại phơi mu (1)*

Sau khi đọc vài chuyện về Cỏ, ta cũng nên biết thêm rằng thuở xưa, Cỏ lên lút ăn trong những ao-ruộng về đêm tối, vì những ao ruộng này đều thuộc về con vạc. Vì vậy có câu : «Con Cỏ mà ĐI ĂN ĐÊM».

Cỏ có bản tính chăm chỉ, siêng làm, biết dành-dụm, nên

gia-tài của Cỏ dần dần khá giả. Còn Vạc thì càng ngày càng cò bạc, rượu chè be-bét, hoang-phí của cải, nợ nần lung-tung nên Vạc dần dần đem bán ruộng đất của mình cho Cỏ. Do đó, ngày nay Cỏ đi ăn về ban ngày, còn Vạc phải đi ăn về đêm.

TRẦN-NHÂM-THÂN

(1) Bài này, cụ Tam-nguyên Yên-Đỗ còn dụng ý để nói một Thầy Chánh-Tông ở làng Sóng nhân toan việc quan mà bất nạt một người đàn bà góa, giàu có, ở làng Và. Thầy Chánh Tông bị người đàn bà ấy kiện nên Thầy phải thua.



★ Con chó săn

Một chú thợ săn dắt chó săn đi vô rừng một lúc trở về nhà. Người vợ ngạc nhiên hỏi :

— Ủa, sao mình trở về lẹ thế? Bộ hết đạn, trở về lấy thêm đạn phải không?

— Không. Về dắt con chó săn khác. Con Rick bị cọp ăn rồi.

TUẤN,

★ NGUYỄN-VỸ

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910 1960

(Tiếp theo P.T. số 67)
TUẤN ngồi bàn, coi theo sách Địa-dư bằng chữ Pháp, vẽ một bản đồ «Ngũ-Đại-Châu» trên một tờ giấy tây lớn, rồi tô màu. Một nhóm thanh niên Nho học năm sáu anh đứng chung quanh coi. Dụng-cụ học-sinh chưa có đâu bán nhiều, nhất là bút-chì màu và mực màu chưa có. Tuấn mài củ nghệ để làm màu vàng, hái một nắm lá ớt xanh đâm thật nhuyễn trong chén rồi nhỏ vào vài ba giọt nước lạnh để làm màu xanh lục, lấy năm sịu bao nhang ngâm nước rồi vắt ra làm màu đỏ. Tuấn đã biết trộn màu xanh và màu đỏ làm màu tím, và mài son làm màu gạch. Tuấn lấy bút nho tô lên bản-đồ Thế-giới có đủ Châu-Áu, Châu-Á, Châu-Phi, Châu-Mỹ, Châu-Úc, thành «Ngũ-Đại-Châu» rực rỡ năm màu.

Nhiều người trông thấy đẹp,

Dẫn. Chứng lịch sử và xã hội hiện đại

tuy không hiểu gì cả, cũng bảo Tuấn vẽ cho mỗi người một bản, tô màu, đề chữ quốc-ngữ, và họ ghi chữ Hán một bên, đem về nhà dán trên vách tường để coi chơi. Như một thầy giáo, trò Tuấn giảng cho mọi người nghe : trên Hoàn-cầu có năm Châu, và nước «An-Nam» ở về châu Á, v.v... Ai nấy nghe mê.

Mực viết, mà người ta gọi là «mực tây», cũng rất hiếm. Chỉ có vài nhà-hàng «các Chú» bán nhưng giá rất mắc, và chỉ có mỗi một thứ mực tím mà thôi. Không hiểu tại sao mực xanh và mực đỏ không có. Mực tím nước mỗi ve (mỗi bình) vuông-vức và nhỏ, mỗi bề độ 3 phân, giá bán 3 tiền một ve. Mực bột (chưa có mực viên) thì 1 tiền

một gói nhỏ đủ hòa ra được một bình.

Nhà Tuấn nghèo, không có tiền mua mực, Tuấn đi dạo khắp trong tỉnh thành, xem những nhà nào có trồng bông bụt (1), lên hái hoặc xin, đầy một thùng. Về nhà, Tuấn ngắt cuống, bỏ bông vào một nồi nước đun trên bếp lửa.

Mẹ Tuấn hỏi :

— Nấu bông bụt làm chi vậy con ?

— Dạ, thưa Mẹ, con bắt chước học trò ở Huế nấu mực tím, khỏi tốn tiền mua mực tây.

Tội nghiệp Tuấn ! Mùa nắng nực, buổi trưa oi-à mà Tuấn cứ phải ngồi chụm lửa, và cầm ống dang (2) thổi mãi cho lửa cháy phừng-phực để nước mau sôi. Tuấn mình-mẩy ướt đầm mồ-hôi như tắm mà cứ ngồi lì bên bếp lửa, tay cầm đôi đũa xáo trộn không ngớt những cánh bông bụt cho chín đều, cho thật nhuyễn... Nước sôi sùng-sục, khói tỏa nghi-nút, làm cay mắt Tuấn, nước mắt nước mũi chảy lờng-thờng. Một lúc lâu, nước cạn còn độ một tô, Tuấn mới bắt nồi xuống.

đem ra ngoài cửa có gió mát, ngồi chờ cho nước nguội. Tuấn lấy đũa vớt xác bông bụt bỏ đi, rồi nghiêng nồi đổ nước ra tô. Tuấn vui mừng, reo lên :

— Mẹ ơi ! Mẹ ! Ra coi con nấu được mực rồi đây nè !

Thím Ba ở nhà trên đang gọt khoai lang, liền bỏ dao trong thùng chạy xuống cửa bếp để coi. Thím cũng vui sướng và ngạc-nhiên thấy một tô mực tím, màu tím-tím đẹp quá ! Một hơi khói nhẹ còn bay lên từ tô mực, phảng-phất một mùi thơm.. Tuấn cười bảo :

— Mẹ ơi, màu tím này giống như màu áo tím của các cô gái Huế !

Thím Ba cười, nhờ một phẹt nước trâu ngoài sân rồi co ngón tay chọi trên đầu thằng con trai một cú, nói đùa với nó :

— M... , ch... mầy ! Coi chừng chớ làm như câu hát hồ : *"Học trò trong Quảng ra thi, thấy có gái Huế mà đi không đành"* . thì chết đó, nghe không con !

Tuấn tím-tím cười, đưa bàn

(1) tiếng Bắc = hoa dâm bụt.

(2) một loại tre dài ống.

tay lên xoa trên đầu chỗ Mẹ mới cú chọi mà đau điếng. Rồi Tuấn bảo :

— Mẹ ơi, con gái Huế, họ mẹ con chớ con không mẹ họ đâu !

— Thiệt hông ?

— Dạ, thiệt.

— Ừ, được đó. Con học sao cho đỗ Trạng-nguyên, Tiến-sĩ, rồi cưới con gái Vua, thì mẹ chịu. Chớ ở tỉnh mình đây, thằng Ký Thanh đỗ bằng ri-me lên làm được chức Thầy Ký ở Tòa Ông Sứ, rồi lấy cô Ba Hợi, con ông Bá Hộ đó, mà hai vợ chồng nó làm phách quá, nội cả tỉnh với hàng phố này ai cũng sợ, mà ai cũng ghét ! Mày cưới Công-chúa ở Huế về đây thì nó mới hết hồn !

Tuấn khẽ trút tô mực tím vào một chai không, độ một lít, còn dư một chút đủ rót vào bình mực nhỏ. Tuấn vừa làm vừa nói với Mẹ :

— Mẹ muốn con cưới Công-chúa, thì con sẽ cưới con gái Vua Duy-Tân.

Thím Ba hốt hoảng, liền bỏ nồi ở bên tai con :

— Con đừng nói tới Vua Duy-Tân, bị bỏ tù chết cha !

Mẹ Tuấn trở lên nhà trên, Tuấn ngồi gạch cửa bếp lặng-lẽ nhìn mây gió, và nghĩ đến vụ Hoàng-đế Duy-Tân... Mặt Tuấn bỗng xám lại... Tuấn háy còn trẻ tuổi, thế mà đã đa cảm, đa sầu. Nhớ vua Duy-Tân bị bắt bị đày, Tuấn rung rung hai ngón lệ...



TUẤN đang học ôn lại bài, nằm trên chiếc chiếu cũ trải ngoài vườn, bên góc cây mít. Lá mít rụng đầy chung quanh, lá vàng, lá xanh, lá úa đỏ. Trời vừa chạng vạng. Một con chim *Chia-vót* bay đậu trên sân, nhảy hai ba bước, đuôi dựng lên, y như chiếc chìa-vôi cắm trong miệng bình vôi-Gió mát. Tuy là cảnh phố phường, ở ngay tỉnh lỵ, nhưng yên lặng, vì không có tiếng xe, ít có tiếng người, không ồn ào náo nhiệt. Bỗng con chó Vện nằm cạnh chạn Tuấn sủa lên mấy tiếng. Tuấn ngó ra còng. Chú Thập (1)

(1) Thập : một chức trong làng, cũng như Tù-y-phát.

Điều từ ngoài bước vào, vừa đi vừa hỏi to :

— Có cậu Khóa (2) ở nhà hông?

Tuần ngồi dậy lên tiếng :

— Gì đó, chú Thập?

— Di với dượng gì ! Làng mời cậu ra Đình, coi giùm tờ giấy in của Cụ lớn trên Tỉnh gửi về, bằng chữ Quốc ngữ. Không ai đọc được hết trọn hết trơn. Thầy Xá nói họa may có trò Chuột hiểu được cái thứ chữ đó, chớ ai mà hiểu ! Thầy sai tui vô mời trò ra coi giùm, gấp gấp !

Thím Ba từ trong nhà, bước ra sân, hỏi :

— Gì đó, chú Thập? Sao hồng vô nhà uống nước, ăn trầu đã?

— Dạ thôi, thím Ba... Có việc gặp, thầy Xá biểu mời cậu Chuột ra đình coi giùm cái tờ giấy gì đó của Tỉnh gửi về. Một tờ giấy in chữ Quốc-ngữ thiệt lớn, có vẽ con Rồng...

Thím Ba gọi Tuần :

— Con vô mặc áo dài, đi con.

— Dạ.

Đến Đình làng, Tuần được mấy ông Hương-chức niềm-nở

mời ngồi trên ghế tràng-kỷ, và đưa «cậu khoá» xem hai tờ giấy in to tướng. Một tờ in chữ Quốc-ngữ dày-dặc, có một tựa thật lớn và một giòng chữ Hán bên cạnh, nhan đề :

«*Trung-kỳ Bảo-hộ công báo*»

Một tờ in hình một con Rồng vàng phun những đồng bạc trắng, trên đầu bức vẽ có in hai giòng chữ Quốc-ngữ nét đậm, màu đỏ:

Rồng Nam phun bạc,

Đánh đuổi Đức tặc ! (3)

Tuần đọc to lên cho cả làng nghe. Tờ «*Trung-kỳ Bảo-hộ Công-báo*» là một tờ báo của tòa Khâm-sứ ở Huế, gửi đi các tỉnh, tỉnh rồi về các làng. Tờ báo đăng tin nước Pháp-lang-Sa đang đánh giặc với nước Đức, gọi là nước Phò-lỗ-sĩ (4). Đức là

(2) Khóa sanh : Học-trò đã thi đỗ bằng tiều-học Pháp-Việt (Primaire), được gọi là «khóa-sanh»

(3) Hai câu này, của PHAM QUỲNH ở Hà-nội đặt ra.

(4) Phò-lỗ-sĩ = phiên-âm chữ Prusse.

Đức = phiên-âm chữ Deutsch. Hai danh-từ này đều chỉ nước Pháp-lang-Sa = France.

một nước «*dã-man, tàn-bạo*», bị Pháp-lang-sa đánh cho thua liềng-xiềng, binh lính Đức chết vô số, có cả hàng ngàn, hàng vạn, v.v... Nhưng trận giặc còn lâu dài, cho nên «*dân An-nam nhờ nước Pháp-lang-Sa bảo-hộ, phải giúp tiền giúp của và giúp binh lính sang Pháp để đánh lũ giặc mọi rợ...*» v.v... Giúp tiền bạc, bằng cách mua «*Phiếu Quốc-trái*» nghĩa là dân bỏ tiền ra mua Phiếu quốc trái, cũng như cho Nhà nước Bảo-hộ vay, mỗi năm tính lời, v.v... Bức vẽ «*Rồng Nam phun bạc*» là đề cõ động cho Phiếu Quốc-trái, con Rồng «*An-nam*» phun bạc ra như thế để «*đánh đuổi giặc Đức*». Lúc bấy giờ Đức đang chiếm - cứ cả miền Đông nước Pháp, gồm hai tỉnh Alsace-Lorraine, và đang hăm-dọa tiến vào kinh-dô Paris...

Dân làng, bất luận giàu, nghèo, đều phải góp tiền để mua Phiếu Quốc-trái... Hơn nữa, làng phải mộ dân tình-nguyện đi lính sang Pháp để «*đánh đuổi giặc*».

Sự thật, không có ai tình-nguyện cả. Sau cùng, phải bắt ép hai người thanh-niên khỏe mạnh, gọi là *tráng-đình*. Một

người tên là Năm Xin, con Bà Trác, góa chồng, nhà nghèo xác nghèo xơ, «*không có miếng đất để cắm dùi*». Người nữa là một chàng nho-sĩ, học-trò cũ của ông Tú Phong, bây giờ thôi học, lo làm ruộng.

Hầu hết lớp «*Lính tình nguyện*» này ở khắp xứ Trung-Kỳ, cũng như ở Bắc-Kỳ, và Nam-Kỳ, đều là thanh-niên Nho học từ 21, 22 tuổi đến 24, 25 tuổi.

Phong-trào mộ thanh-niên đi tòng-chinh sang «*Mẫu-Quốc*» (5)

(5) Danh-từ do các «*Quan An-Nam*» và các người «*trí thức*» ninh Tây đặt ra để «*suy-tôn*» nước Pháp, rất thông-dụng trong các giấy tờ công-văn, và trên báo chí. Mãi đến 1945, còn Pháp-thuộc, người ta vẫn còn thấy danh-từ *đua-nịnh* ấy trong một số bài ba tờ báo Việt ở Saigon, Huế, Hà-nội.

là một dịp cho các « Quan An-nam » từ Quan Tĩnh xuống Quan Huyện, cho đến cả các ông Hương ông Xá trong làng, đòi ăn hối lộ. Một số đông các ông này chơi ác, cứ nhè bắt bọn thanh-niên trai-tráng con nhà giàu, đi tưng-chinh. Thế là các bậc cha mẹ phú-hộ phải đem của tiền lo-lót, cho con khỏi đi. Phải lo-lót Xá một phần, lên lo-lót Huyện một phần, rồi lo-lót cả các Cự-lớn trên tỉnh nữa. Về thực-tế, phải nhìn-nhận rằng các Quan lại người Pháp không bao giờ ăn hối-lộ trong các vụ này, và hoàn-toàn không biết một tý gì về cái nạn hối-lộ của Quan « An-Nam ».

Hối-lộ gần như công - khai. Thiên-hạ đua nhau nhờ cậy chỗ này chỗ nọ, « chạy-chọt » ông này ông kia, bán cả ruộng đất, miễn làm sao cho đứa con trai, nhất là con trai trưởng trong gia - đình, khỏi bị bắt « tình-nguyễn » đi lính sang Pháp.

Thầy Ký Thanh nhờ làm Thư ký Tòa-sứ, cũng biết chụp cơ-hội để làm giàu được một vốn lớn ! Thầy biết trong xóm Cửa-Bắc có một ông nhà giàu, chủ một chiếc ghe bầu thường

dậu ở bến Tầm-Thương, và tháng nào cũng đi buôn nước mắm và muối ở miệt Phan-Thiết. Ông này có ba con trai, mà người con trưởng, đã có vợ, lại đỡ-dần hết mọi việc gia-đình cho ông, vì ông đã già yếu. Ký Thanh mời ông đến nhà, đề bảo với ông :

— Cự-lớn Cộng-Sứ biết ông có 3 người con, nên Cự Lớn biếu tôi làm giấy bắt cậu Hai đi lính sang Mầu-Quốc đánh giặc.

Chỉ một câu thế thôi. Thế là ông chủ ghe bầu thì - thăm thì-thọt, khóc - lóc năn-ni thầy Ký, « tay-chữn của Cự Sứ ». Suốt nửa tháng trời, hai cha con lo điều-đinh, vận - động với Thầy Ký. Rốt cuộc không có giấy của « Cự Sứ » bắt cậu Hai đi lính, và ông chủ ghe bầu và con trai của ông phải khăn đen áo-dài bưng đến nhà Thầy Ký để « dâng » lên Thầy : hai chai rượu, một cặp trà, bốn con gà mái tơ, một con gà trống thiếu, hai chục trứng vịt, một quả nếp, một trăm quan tiền, và một nén vàng !

Ký Thanh khoe với vợ, — Ba-Hội phu-nhân — vợ noãn-miệng cười duyên :

— Đó là Thầy (6) làm ơn làm phước cho người ta. Người ta đền ơn như vậy là ít đó.

Hôm chủ nhật, hai vợ chồng làm tiệc mời các bạn đồng-liêu trong Tòa-sứ đến ăn một bữa no say.

Hai cha con ông Chủ ghe bầu hú-hôn hú-vía ! Cha khỏi bị lia con, con khỏi bị xa cha, xa vợ, cũng lật-đật làm bữa tiệc cúng cô-hồn.

Làng xã được mời đến dự tiệc, được một bữa say-sưa túy-lúy. Rốt cuộc ai cũng vui-vẻ cả ! Chỉ có ông Sứ, — « Cự lớn Sứ », — hoàn toàn không biết một tý gì về vụ này, và không được ai mời uống rượu !

(6) Vợ Quan, vợ thầy Ký, thầy Thông, v.v... gọi chồng bằng « Thầy ».



★ THỊT GÀ

Một ông khách sang-trọng vào hàng cơm, kêu một con gà rô-ti. Ăn vài miếng, ông khách bảo chủ nhà hàng :

— Thịt gà cứng lắm, không ăn được.

Chủ nhà hàng nhã-nhận đáp :

— Thưa ông, chúng tôi dọn lên ông con gà mái danh tiếng nhất ở tỉnh này. Nó đã được giải thưởng để nhiều trứng nhất trong 6 năm liên-tiếp trong 6 kỳ thi nông-sản.

nụ hoa



★ TÔN NỮ HOÀI-VY

MINH siết mạnh tay Hoài, nói như reo :

— Vắng tin nhau lâu quá rồi, tao không ngờ lại gặp mày ở đây lần nữa. Té ra cái miền quê xa xôi nghèo nàn này vẫn có cái duyên quyến rũ mày sao ?

Hoài cười vang :

— Nói là những con sò huyết quyến rũ tao thì đúng hơn là Đá Bạc hay vịnh Cam Ranh này. Nhưng nếu chỉ vì lý-do đó mà tao đến đây thì tệ thật phải không ? Thật ra, quay cuồng mãi ở thành phố Saigon nắng và bụi đó, tao cũng ngán. Nghe

thằng Điền nói gặp mày về «định cư» ở đây, tao mừng quá và nảy ra ý định là đến ở chơi báo hại mày cho hết vụ hè này rồi lại khăn gói lên đường. Không có gì bất tiện cho mày chứ ?

Minh vỗ vào vai bạn :

— Lại còn có câu hỏi khách sáo đó sao ? Mày với tao đâu phải là ở buổi sơ giao nữa. Mày ở đây cả đời với tao cũng được nữa là !

Hoài mỉm cười không đáp. Minh gọi lớn :

— Bậy đâu ? Ra đem hành lý cậu Hoài vào phòng đi !

Hoài ngăn lại :

— Khoan ! Có mấy món quà cho mày.

Minh nắm cánh tay bạn kéo đi :

— Mày lười thôi lắm ! Nhưng để đó đã, chạy đi đâu mà gấp. Đi tắm cho khoẻ rồi lên mà tán chuyện. Chắc là có nhiều chuyện đáng nói lắm phải không ?

Hoài ngoan ngoãn theo lời bạn. Chàng vẫn miễn giọng «ra lệnh» thân ái của Minh.

Ở phòng tắm lên, Hoài đã thấy Minh ngồi ở phòng khách chờ. Hoài ngồi xuống cạnh bạn :

— Dễ thương tội mình xa nhau đã ba năm rồi nhỉ ?

Minh gật đầu :

— Ừ ! Ba năm qua rồi, chóng thật.

Hoài vụt hỏi :

— À ! Cô bé Thu đâu rồi ?

— Nó mới đi thăm bạn bè gì đó. Nó mới đỗ Trung học đệ nhất cấp năm nay.

Hoài kêu lên :

— Nhanh thế cơ à ? Mới ngày nào Thu còn bé tí, đòi ăn bánh

cả ngày đó...

— Thì năm nay nó đã mười sáu rồi còn gì. Tuy thế tính tình nó vẫn còn trẻ con lắm, vẫn vò vĩnh quà bánh luôn.

Hòa mỉm cười :

— May cho tao. Nếu cô bé lại có vẻ «người lớn» một tí thì quà tao mang về thành ra «nhờ-tàu» rồi. Tao quên nghĩ đến sự lớn khôn của Thu.

Minh ngắm bạn giây lâu, khe lác đầu :

— Mày ốm hơn trước nhiều. Có đau ốm gì không ? Hay tại công việc ?

— Tao vẫn còn đi dạy. Kể ra dạy Việt văn và Sinh-ngữ cũng hơi mệt thật đấy. Cũng may là tao ít hay đau ốm. Còn mày, mày tưởng mày mập khoẻ lắm sao ?

— Tao khác. Tao phải lo nhiều, phần lo sinh kế, phần lo chăm sóc cho Thu. Lo cho cô em gái, nhất là cô em gái đại như Thu thật là mệt hơn lo làm ăn nữa.

Hai người bỗng im bật. Có tiếng nói trong trẻo, riu rít như tiếng chim của một người con gái từ ngoài sân vọng vào :

— Anh Minh ơi ! Anh Minh ! Mau mau ra em kể chuyện này hay lắm.

Tiếp theo, có tiếng guốc chạy nhanh lên tầng cấp rồi một thiếu nữ mặc áo xanh hiện ra ở ngưỡng cửa. Hoài bàng hoàng cả người khi bắt gặp đôi mắt trong và mái tóc đen dài óng ả. Thấy có khách, thiếu nữ im bật bờ ngõ nhìn. Minh quay sang Hoài :

— Thu đấy.

Rồi nhìn Thu :

— Thu ! Em quên anh Hoài rồi sao ?

Mắt Thu vụt sáng lên, nét bờ ngõ tan nhanh. Nàng chạy đến bên Hoài kêu lên :

— A ! Trời ơi ! Anh Hoài đây sao ? Hèn gì mà Thu cứ ngỡ ngỡ. Lâu quá rồi, bây giờ mới gặp lại anh.

Rồi rất tự nhiên, Thu tiếp :

— Anh về có quà cho Thu không đó ?

Hoài lay cái hồn nhiên của Thu :

— Anh biết Thu vẫn thích quà nên đem về cho Thu một hộp kẹo thật to. Thu lớn hẳn lên rồi, anh chỉ sợ Thu không thích quà đó nữa.

Thu tươi cười :

— Ô ! Thu thích lắm chứ. Anh lấy cho Thu đi.

Minh rầy em :

— Thì để thủng thẳng đã nào ! Em cứ giữ cái tính nóng nảy ấy mãi. Để cho anh ấy nghĩ đã chứ.

Nhưng Hoài vẫn đứng lên. Chàng đem cho Minh mấy quyển sách và trao hộp kẹo cho Thu. Thu đưa hai tay đỡ lấy, rồi nghiêng đầu trong một dáng điệu tinh nghịch :

— Cảm ơn anh ạ

Rồi vừa chạy ra nhà sau, Thu vừa nói :

— Để Thu xem có cơm chưa. Chắc các anh đói bụng rồi. Thu cũng đói ghê gớm lắm.

Minh nhìn Hoài :

— Mày thấy chưa ? Nó vẫn còn trẻ con như thế đấy.

Hoài không đáp lời bạn. Chàng nghĩ đến Thu ba năm về trước, tóc cắt ngắn, mắt to ngo ngoác. Thuở ấy Hoài vẫn gọi thu là « cô bé mắt nai », và ví Thu như một nụ hoa mới chớm nở mình xuất hiện trên cành. Bây giờ gặp Thu, Hoài kinh ngạc

thấy nụ hoa đó đã thành hình nhanh chóng, phô hương sắc xinh tươi. Chàng cảm thấy lòng xao xuyến như vừa được ngắm một cái gì đẹp đẽ và huyền diệu, xuất hiện bất ngờ như trong một giấc mơ. Mắt Thu vẫn to và ngo ngoác, nhưng đẹp hơn vì được trang điểm bằng sự ham sống yêu đời của tuổi dậy thì. Hoài bắt giác lấm bắm :

— Cô bé mắt nai.



Hoài lơ đãng nhìn ra cửa sổ. Trời đã xế chiều. Những đám mây trắng mùa hạ trôi rất chậm. Gió hiu hiu quyen mùi nồng nàn của biển khơi, rung khe khẽ mấy cành lá xanh ngấn ngắc. Một nửa mảnh vườn còn nhuộm màu vàng tươi của nắng chiều.

Thoáng trông thấy bóng Thu giữa vườn lựu, Hoài bước ra sân và đi chậm chậm về phía nàng. Nghe tiếng động, Thu vụt quay lại :

— Anh làm Thu giật mình.

Hoài vui vẻ :

— Thu tưởng ăn trộm vào trộm lựu sao ?

Thu lắc đầu :

— Không ! Thu tưởng là anh Minh.

— Nếu là anh Minh thì sao ?

Thu để một ngón tay lên môi :

— Suyt ! Cấm anh nói lại nhé : Thu đang ăn cắp một trái lựu.

Hoài bật cười :

— Thế thì kẻ ăn trộm lại chính là Thu.

Thu gật gật đầu rất đáng yêu, nũng nịu bảo Hoài :

— Phải rồi. Anh hái giùm cho Thu trái lựu trên cao kia kia. Thu vói tay không đến.

Hoài nhón gót bẻ trái lựu cho Thu :

— Anh thành đồng loa của Thu mất rồi.

Thu mân mê trái lựu, cười thật tươi. Hoài bỗng nghĩ rằng những hạt lựu chắc cứng không đều đặn bằng hàm răng Thu.

— Đi anh ! Đến đằng này xem mấy cây ổi, sai trái lắm cơ.

Hai người đi song song dưới những cành lá rậm. Những bước chân Thu sẽ sàng như cánh

bướm non rập rờn trên thâm cỏ. Hoài không dám bước mạnh. Chàng cảm thấy giữa người con gái mười sáu đó và chàng có một cái gì thật đẹp và mong manh, mà chỉ một tiếng động của bước chân cũng đủ làm tan vỡ. Hoài lặng thinh đi bên Thu, nghe băng khuâng một cảm giác lạ lùng, quyến luyến. Hoài biết Hoài đã yêu «cô bé mắt nai» ngày xưa cũng như Thu ngày nay, yêu bằng một say mê âm thầm và trong sạch, yêu như một nghệ sĩ yêu một tác phẩm điêu khắc tự lúc mới được bắt đầu sáng tạo cho đến lúc thành hình.

Hoài sắp trở về Saigon sau một tháng sống bên anh em Thu. Chàng muốn nói cho Thu biết Tình yêu đó của chàng trước khi già biệt, nhưng suốt hai ngày rồi, mỗi khi gặp Thu, chàng lại e ngại. Đã gặp nhiều thất vọng, Hoài sợ lại nghe lời từ chối của Thu.

Thu bỗng ngắt ngang dòng ý tưởng của Hoài :

— Anh còn ở chơi được bao lâu nữa ?

Hoài nhìn Thu dò xét :

— Anh định nói với Minh và

Thu là sáng mai anh đi.

Thu đứng dừng ngay lại, mắt mở to ngạc nhiên :

— Mai anh đi rồi à ? Anh đi sớm quá !

— Anh cũng muốn ở lại chơi vài hôm nữa, nhưng đã gần đến ngày nhập học rồi, anh phải về Saigon.

Thu xịu mặt :

— Buồn quá ! Mà sao đến bây giờ anh mới nói ?

Hoài băng khuâng :

— Thì nói sớm cũng thế thôi, có ích gì !

— Làm Thu không kịp có quà gì gói theo cho anh. Thôi để lát nữa Thu hái mấy trái lựu mà anh Minh để dành đó nhé.

Ngừng lại một chút, Thu tiếp, giọng nhỏ đi :

— Anh đi rồi thì không còn ai nói chuyện với Thu nữa. Anh Minh chỉ được la rầy Thu thôi.

Hoài băng khuâng thở dài. Chàng thất vọng nhận thấy cái buồn của Thu chỉ là do sự quyến luyến thân tình mà ra, chứ không phải là do sự quyến luyến yêu thương. Hoài bỗng cảm thấy sự cần thiết phải bày tỏ lòng mình

với Thu mà chàng cũng không hiểu nổi tại sao lại có sự cần thiết đó. Chàng nhẹ đáp lời Thu :

— Anh chỉ sợ rồi có lúc Thu không thèm nói chuyện với anh nữa thôi.

Thu nhìn Hoài dò hỏi :

— Sao thế anh ? Thu thì Thu thích nghe anh nói mãi, anh Hoài à.

Hoài đắm đắm nhìn Thu. Tóc Thu đen và dài làm Hoài nhớ đến câu : «Tóc em buộc ngựa ngàn phương mắt rời» câu thơ mà Thu rất thích. Nhưng đợt nắng chiều nhạt màu lung linh qua kẽ lá làm sáng rõ nét mặt tươi trẻ của Thu. Thu đứng bên một cây ngọc lan tỏa hương thơm ngát. Chiếc áo trắng của nàng nổi bật trên nền lá xanh. Hoài bỗng có cảm tưởng Thu là một đóa ngọc lan đẹp nhất.

Thu ngắt một đóa ngọc lan trao cho Hoài :

— Thu biểu anh để anh nhớ Thu và vườn cây này.

Hoài xúc động nhận lấy đóa hoa trắng có những cánh thuôn dài như ngón tay Thu. Hoài muốn cầm tay Thu lúc đó và chỉ nói với nàng một câu giản dị :

— Anh sẽ nhớ mãi Thu trong vườn cây này, vì anh yêu Thu.

Nhưng Hoài thấy thật khó mở lời. Hoài đắm ra bối rối. Thu lặng thinh nhìn nắng tắt dần sau dãy núi xa. Buổi chiều êm lặng như ru hồn người. Hoài bỗng muốn tan biến thành một hơi gió để nhẹ nhàng lướt đôi cánh mỏng trên tóc Thu, thành làn ánh sáng mong manh để vào ẩn trong đôi mắt Thu, thành không khí để vào tim để xem cảm nghĩ của Thu. Bằng một giọng cảm động, Hoài khe khẽ gọi :

— Thu !

Thu quay lại, ngược nhìn Hoài. Mắt Thu trong sáng, ngây thơ, thẳng thắn và không gợn chút ưu tư. Hoài bỗng nghẹn lời. Chàng cảm thấy Thu còn trẻ, còn trẻ quá. Chàng không có quyền làm đôi mắt trong kia trở thành u tối vì những cảm xúc yêu thương đến sớm. Chàng không có quyền biến đôi mắt ngây thơ kia thành đôi mắt huyền diệu hơn nhưng cũng đầy lo lắng, băn khoăn. Hoài thở dài.

Thấy Hoài gọi rồi không nói gì, Thu hỏi :

— Gì thế anh ?

Hoài nói lảng.

— Buổi chiều ở đây đẹp quá Thu nhỉ ?

Thu cười hồn nhiên :

— Đẹp thật ! Thu thích buổi chiều hơn buổi sáng anh ạ. Nhưng cảnh đẹp mà chẳng có anh ngâm thơ cho Thu nghe nữa cũng mất vui.

Thu bỗng thấy man mác buồn, một cái buồn lạ lùng ân ái mà Thu chưa từng cảm thấy mà cũng không thể phân tích được nguyên nhân. Nhưng vốn tính giản dị, không thích suy tư nhiều, Thu cho đó là tại Thu sắp xa Hoài. Giọng Thu trở nên nũng nịu đáng yêu :

— Anh Hoài này ! Anh đi Thu buồn lắm. Ai kể chuyện cho Thu nghe nữa ?

Hoài đáp lời Thu mà như hẹn với lòng mình :

— Anh hết chuyện cổ tích và

chuyện thần thoại rồi. Anh chỉ còn những chuyện kể về những mối tình đẹp đẽ cũng như nhiều đau thương của con người trong mọi thời đại mà thôi. Sáng năm trở lại, anh sẽ kể Thu nghe.

Mắt Thu sáng lên :

— Anh nhớ lời nhé. Thu rất mong nghe những chuyện ấy vì có lẽ chúng gần với tâm hồn mình hơn là những chuyện cổ tích hoang đường, phải không anh ?

Không đợi Hoài trả lời, Thu quay đi :

— Thôi vào nhà đi anh, tối rồi. Anh Minh cũng sắp về. Để Thu vào lo quà cho anh.

Nàng chạy biến đi. Hoài băng khuâng nhìn theo dáng Thu khuất sau mấy hàng cây, mân mê dóa ngọc lan trong tay, nhủ thầm : «nụ hoa đã thành hình nhưng chưa đến lúc trang điểm bằng những hạt sương tình ái».



★ DANH-NGÔN : Mơ tưởng

Rêve de grandes choses : cela te permettra d'en faire au moins de toutes petites.

(Anh nên mơ-tưởng những việc to lớn đi : như thế ít nhất anh cũng sẽ làm được những việc bé nhỏ).

JULES RENARD
(Nhà-Văn Pháp)

Chung quanh nghi án Lịch-sử : « NGỌC-HÂN Công-chúa giết vua QUANG-TRUNG với liều thuốc độc »

ĐI DẦN ĐẾN ÁNH SÁNG ?

2 nguồn tài-liệu rất quan trọng và trái-ngược nhau :

.....A.— Cuộc điều-tra của ông NGUYỄN LÊ THỌ, Quận-Trưởng đương - kim quận Quế - Sơn (Quảng-Nam), tại ngay làng có nhà thờ họ NGUYỄN (mà ông Nguyễn-Lê-Thọ bảo rằng không phải là của giòng họ Nguyễn-Lê).

.....B.— Một chi-phái của họ NGUYỄN - LÊ, «giòng dõi chánh-tông của LÊ-DUY-MẬT, hiện ở rải-rác tại các quận Đại-lộc, Duy-xuyên, Điện-bàn, Quế-son, Thăng-bình (Quảng-nam) có trên 1.000 người, còn giữ đủ gia-phả, và các giấy tờ sắc-chỉ, và ấn dấu của Vua Lê, cho đến đời vua Thiệu-Trị thứ 18».

Lời Tòa Soạn. — Sau khi cho đăng loạt bài của ông NGUYỄN-THƯỢNG-KHÁNH, và các bài thảo-luận với các báo và của bạn đọc, chúng tôi có nhận được liên-tiếp hai nguồn tài-liệu vô-cùng quan-trọng. Bây giờ không phải là cãi suông trên các Sử-liệu cũ-kỹ và trên phương-diện lý-thuyết nữa, mà một vài tia sáng đã bắt đầu lộ ra với những bằng-chứng cụ-thể, do chính những người đương-sự trong giòng họ Nguyễn-Lê ở Quảng Nam đưa ra. Nhưng có điều chúng tôi không khỏi thắc-mắc, — và chúng tôi đứng trên lĩnh-vực khách-quan, hoàn toàn vô-lư như thái-độ của chúng tôi từ mấy lâu nay, vì chúng tôi không có dính-liu gì với vụ này cũng như với giòng họ Nguyễn-Lê, — chúng tôi thắc-mắc là tài-liệu điều tra tận nơi tận chốn của ông NGUYỄN-LÊ-THỌ, hiện là Quận-trưởng quận Quế-Sơn, hình như trái-ngược với các tài liệu đây đủ về gia-phả và các giấy tờ khác của một chi-phái Nguyễn-Lê hiện ở Đà-nẵng và các quận trong tỉnh Quảng-nam. Chi-phái này xác-nhận ông Nguyễn-thượng-Khánh là giòng họ Nguyễn-Lê, theo thư chúng tôi nhận được.

Ông Nguyễn-Lê-Thọ, thì lại quả quyết rằng ông Nguyễn-thượng-Khánh không phải là người trong giòng họ Nguyễn - Lê và vụ Ngọc-Hàn Công-chúa là hoàn-toàn bịa-đặt. Dưới đây là nguyên-văn bài của ông Quận-trưởng gửi đảm-bảo đến tòa soạn Phò-Thông ngày 28-8-1961. Sau bài này, chúng tôi sẽ đăng các tài-liệu của chi-nhánh Nguyễn-Lê ở Đà-nẵng.

N.V.

✱

Từ trước đến nay, chúng tôi thường nghĩ đến việc tìm tòi di-tích lịch - sử liên quan đến 4000 năm văn - hiến, nhưng còn bao nhiêu sử-gia, học-giả khác quan-lưu, vì vậy ngay tại Quảng-Nam, một tỉnh nhiều dấu vết lịch-sử nhất, chúng tôi vẫn bị trễ tầu.

Trường-hợp «theo dấu CON CHÁU HỌ MẠC VÀO NAM» của các học - gia TRƯƠNG BỬU - LÂM,

PHẠM ĐÌNH KHIÊM, VIỆT ĐIỀU THÁI VĂN KIÊM đã được thuyết-trình tại Thủ-dô (từ Đồng-Nai đến Đèo Cả, hay là theo dấu Hai bà Ngọc-Vạn, Ngọc-Khoa, của T. V. K. và từ Đèo Cả đến Sông Gianh, hay là theo dấu Hai bà : Ngọc - Liên, Ngọc-Đình của P. Đ. K.). Tuy nhiên chúng tôi không hề ân-hận, vì ít nhiều cũng đã góp phần vào sự khảo-cứu chép sử của quý-vị nói trên.

MỘT NGHI ÁN LỊCH SỬ

Gần đây, trong Phò-thông số 62 ra ngày 1.8.61, ông NGUYỄN THƯỢNG - KHÁNH dựng nên một nghi-án: VUA QUANG TRUNG THẮNG HÀ DO LIÊU THUỐC ĐỘC CỦA NGỌC - HÂN CÔNG CHÚA.

Nghi-án lịch-sử này đã làm xáo-trộn tất cả những thuyết từ xưa nay về cái chết KHÔNG MẮY MINH BẠCH của vị đệ nhất anh-hùng áo vải VIỆT - NAM : NGUYỄN-HUỆ.

Mãi đến 16-8-61, chúng tôi mới được đọc một phản-ứng yếu ớt của ông MINH ĐẠO đăng trong nhật báo TỰ DO, ngày thứ tư số 1.318 nơi «mục nói hay đừng».

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Ông MINH ĐẠO về phần sử-liệu. Nếu, (mặc dù với «NẾU» người ta không làm gì được, nhưng ở đây là một yếu tố công luận quan trọng) NẾU, ông KHÁNH không viết thêm trong Phò - Thông số 63 ra ngày 15 - 8 - 61, về «GIÒNG NGUYỄN - LÊ PHÁI TỪ ĐỨC ÔNG DUY-MẬT ĐẾN NGÀY NAY», có lẽ các học-

giả còn phải đau đầu hơn nữa, vì : LIÊU THUỐC ĐỘC tưởng tượng của ÔNG.

Ông KHÁNH viết : «Lúc Ông nội ông làm đến Chánh-vệ-Ủy, thì đưa gia đình về mua đất tại Phong-Phú, tổng Phú-Xuân, huyện Quế - Sơn, tỉnh Quảng-Nam. Người định gởi năm xương tàn tại nơi đó với ngôi nhà thờ có 3 chữ đại-tự : NGUYỄN-LÊ PHÁI (giòng 15 đến 23 cột 1 trang 43 Phò-Thông số 63).

— Vâng, điều ấy có phần đúng, nghĩa là tại Phong - Phú hiện vẫn còn đông đủ con cháu họ Nguyễn, chẳng những đã sinh sôi nảy nở trong quận Quế-Sơn, hơn thế nữa các chi - phái chia nhau rải rác trong 4 Quận : ĐÀI-LỘC, DUY-XUYỀN, ĐIỆN-BÀN, HÒA - VANG và một thiểu-số tại các quận lân cận. Biên-thờ nơi từ-đường tại Quế-Sơn chỉ vẻ vện có 3 chữ : NGUYỄN-TỪ-ĐƯỜNG tạo lập KHÁI-ĐỊNH NGŨ-NIÊN, nhằm năm CANH THÂN. Chúng tôi không hề tìm ra tấm biển đề NGUYỄN-LÊ-PHÁI (xin xem ảnh kèm theo).



« Tăm biền thờ tại Tự-đường Nguyễn tộc, làng Phong-Phú, Quế-sơn »

(Ảnh của Ô. Nguyễn-lê-Thọ, Quận-trưởng Quế-sơn)

Ông KHÁNH tiếp : « Vì thầy tôi là con quan, được tập ấm là Viên-tư, mà lại là người ở Quảng-Nam ra, nên họ gọi cậu Viên-Quảng. Nhưng chính thực thầy tôi là NGUYỄN LIÊN cháu ba đời của hoàng-tử LÊ

DUY MẬT (cột 2 giòng 12 đến 19 trang 43 Phê-Thông số 63)

Thưa Ông, ông có nhớ làm không, hay ông cố tình « Dựng sự ».

Trước khi đi vào phần lý-giải, chúng tôi xin các vị bô-lão, những anh em trong NGUYỄN đại-tộc hãy nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi.

Không ai phủ-nhận rằng ông là con Ông Viên-Quảng, cũng như ông Viên Quảng có đem gánh hát về hát tại Hội-An 10 đêm, đến nay thiên hạ còn nhắc nhở. Nhưng ai đã nói với Ông rằng « Ông VIÊN QUẢNG là NGUYỄN LIÊN », tự sao Ông không chịu khó đọc kỹ gia-phả mang từ Quảng-Nam ra Thanh-Hóa trước khi bị thiêu-hủy dưới thời Việt-Minh (giòng 4 đến 7 trang 44 cột 1 Phê-Thông số 63 : « nhưng Người không quên trình trọng đến lạy nhà Thờ và đem theo cuốn gia-phả của giòng họ chúng tôi ».

Ai bảo ông rằng : Cậu Viên-Quảng là cháu 3 đời của Hoàng-Tử LÊ DUY MẬT ? (cột 2 giòng 16 đến 19 trang 43 Phê-Thông

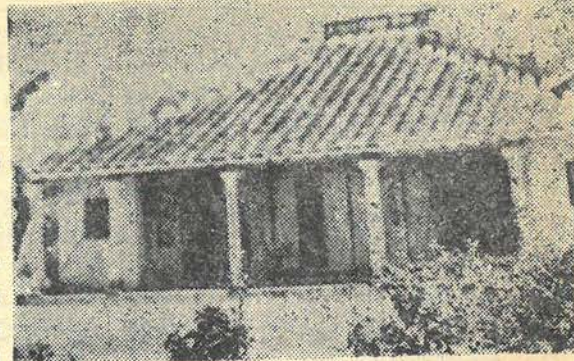
số 63) và ông Chánh-vê-Úy NGUYỄN VĂN DƯƠNG mất tại Thanh-Hóa (cột 2 giòng 1 đến 13, trang 21, Phê-Thông số 62) : « Ông tôi kể đến đây thì Người gấp cuốn gia-phả lại, kính cần đứng lên hướng vào bàn thờ NGUYỄN-LÊ-PHÁI

và lâm râm khấn vái to nhỏ. Sau đó, Người quay ra truyền cho con cháu lui khỏi nhà thờ. Khi chúng tôi ra hết, thì ông tôi tự khép cánh cửa nhà thờ họ NGUYỄN LÊ lại và ở luôn trong đó không thiết ăn uống gì nữa. Thế rồi mấy hôm sau Ông Nội tôi mất ».

— Ông chẳng những là Người dựng sự mà còn tiêu-thuyết hóa thêm là đấng khác.

Thưa Ông : « Mộ-chí của ông Chánh-vê-Úy NGUYỄN VĂN DƯƠNG hiện còn tại Phong-Phú, bây giờ thuộc xã Sơn-Thượng, quận Quế-Sơn ; con cháu chưa ai nghĩ đến chuyện làm bia, hay nói đúng hơn chưa đủ điều kiện thực hiện một hiểu-cử ».

Ông không có tội gì với giòng



« Nhà thờ tộc NGUYỄN-VÂN làng Phong-Phú »
(Ảnh của Ô. Nguyễn-lê-Thọ, Quận-trưởng Quế-sơn)

họ LÊ cả. (cột 1, giòng 13, 14 và cột 2, giòng 1 đến 7, trang 22, Phê-Thông số 62 — « đêm nay con xin đốt nén hương lòng, tạ tội cùng tổ tiên nhà họ Lê ; xin tiên nhân hãy tha tội cho con. Vì con không thể giữ bí mật sự liệu này nữa. Con muốn để nhân dân chép sử cho đúng, mặc dù con biết làm thế là đắc-tội với tiên-nhân ». Vì, thật tình ông chẳng dính dáng gì đến giòng họ này. Nếu có tội chẳng : ÔNG CHỈ CÓ TỘI VỚI THỦY-TỒ TỘC NGUYỄN.

Ông bảo : « Ông Chánh-vê-

Úy NGUYỄN VĂN DƯƠNG là cháu hai đời của đức Ông LÊ DUY MẬT, thì thật tình quá quắt lắm.

Đây, chúng tôi xin dẫn chứng:

1) Tất cả bằng sắc, chính cái cao niên nhất của Ông Chánh-vệ-Úy đều do NGUYỄN-TRIỀU ban — TỰ-ĐỨC NHỊ THẬP TỬ NIÊN, THẬP NGOẠT, THẬP NHỨT NHỰT — vẫn còn được con cháu giữ gìn.

2) Theo «Việt-Nam sử-lược» của TRẦN TRỌNG KIM thì vua TỰ-ĐỨC lên ngôi Năm 1847 (chương 5, trang 470, giòng 4, VNSL) mãi đến năm 1871 thì vua mới ân-tử bằng sắc; thử hỏi năm ấy ông Chánh-vệ-Úy được bao nhiêu niên-kỷ? Cũng theo Việt-Nam sử lược, Đức Ông LÊ - DUY - MẬT tự đốt vào năm 1769 (giòng 4 đến 12 VNSL trang 323: — Năm Kỷ-Sửu TRỊNH-SÂM sai BÙI-THỂ-ĐẠT làm Thống-Lĩnh đất Nghệ An, NGUYỄN-PHAN Chánh đốc-lĩnh đất Thanh-Hóa, HOÀNG ĐÌNH

THỂ làm Đốc-binh đất Hưng-Hóa, cả 3 đạo đều tiến sang đánh Trấn-Ninh. Khi quân của BÙI THỂ-ĐẠT và NGUYỄN PHAN đến vây, TRỊNH QUANG, LÊ DUY MẬT định cứ giữ hiềm không ra đánh. Không ngờ người con rể là LẠI THỂ CHIÊU làm phản, mở lựu cho quân họ Trịnh vào, DUY-MẬT biết có nội-biến, băng cùng với vợ con tự đốt mà chết). Cho rằng Ông NGUYỄN VĂN DƯƠNG mới sơ-sinh thì tính đến 1871, ông đã quá bách tuế (102 tuổi).

Thử hỏi phỏng một Ông già 102 làm Chánh-vệ-Úy đề được gì nếu người ấy không là Ông Bành-Tồ thọ 800 tuổi, thưa Ông?

3) Cả 3 phò-ý của giòng họ NGUYỄN Phong-phú, đều ghi nhận rằng: Ông NGUYỄN VĂN CỐT là THỦY-TỒ của họ.

4) Chúng tôi đã về tận nơi, lần này không trễ tàu, được phép chụp hình lại tất cả các di-tích và thăm dò dư-luận của những vị trường-thượng hiện nay đã

gần đến bát tuần, nhưng không tìm đâu ra một người mang hai họ NGUYỄN-LÊ.

5) Không phải ông Chánh-vệ-Úy « TỬ TÁNH VI NGUYỄN ». Cột 1, giòng 9 đến 15, trang 43, Phò-thông số 63: «đến đời MINH MẠNG, thì ông nội tôi đậu khoa thi võ, và được ra làm quan. Theo đuổi hoạn lộ, ông Nội tôi lần lần đến chức Chánh-vệ-Úy (gần như Chánh lãnh-binh) và được NGUYỄN TRIỀU « TỬ TÁNH VI NGUYỄN » nghĩa là: cho đời theo họ NGUYỄN. Từ đó ông tôi tên vốn vẹn còn có hai chữ NGUYỄN DƯƠNG, còn chữ Lê dậm ở giữa họ và tên thì phải bỏ đi), rồi mới đưa gia đình vào Phong-Phú và định gởi năm xương tàn ở đó». (Giòng 15 đến 23, cột 1 Phò-Thông số 63 trang 43). Mà sự thật, ông đã sinh tại đây, cuối cùng cũng gởi tại đây năm xương tàn, mặc dù có thời kỳ ông NGUYỄN VĂN DƯƠNG nhậm chức tại Thanh-Hóa)

Thưa Ông, đây một bằng chứng:

« SẮC PHÓ QUẢN CƠ, SUNG THANH-HÓA TỈNH CỘNG BẢO-VỆ HIỆP-QUẢN, BẢO NGHỈ THỈNH, CHUẨN NHỈ THANG THỌ CẨM BINH CAI ĐỘI SUNG HẢI-DƯƠNG TỈNH, HỮU NHUỆ CƠ, HIỆP QUẢNG XUẤT. NỘI CƠ ĐIỀN BINH. HÀN CHU CÔNG VỤ.

PHỤNG HÀNH NHUỘC KHUYẾT CHỨC PHÁT TRUYỀN HỮU-QUÂN CHÁNH TẠI» KHÂM TẠI.

TỰ-ĐỨC TAM THẬP NHỨT NIÊN, THẬP NHỨT NGUYỆT, THẬP NHỨT NHỰT (Ấn chỉ).

Vâng, chắc ông không ngờ rằng có kẻ tò-mò như chúng tôi, phải không thưa ông?

— Đúng đấy, ai ai cũng rất sợ Lịch-sử nước nhà bị xuyên tạc. Chúng tôi cũng không thích rằng hậu-thế sẽ đưa CÔNG CHÚA NGỌC HÂN lên hàng Thượng hạng ngoại hạng về vấn đề

ghen như ông MINH ĐẠO đã viết (mục "Nói hay đừng" nhật báo Tự do số 1318 thứ tư 16-8-61, giòng 44 đến 49 — « còn bà NGỌC HÂN, theo Ông KHÁNH, thì mới nghe qua chồng sắp có vợ Tàu là hạ sát chồng ngay. So với vụ ghen tương vừa kể thì vụ ghen của bà NGỌC HÂN phải được sắp vào hàng thượng ngoại hạng. Về tình mà ông KHÁNH gieo cho bà NGỌC HÂN tội giết chồng vì ghen bóng ghen gió chứ không phải vì nhà Lê»). Tuy nhiên hai điều trên chưa đáng quan-tâm bằng : LIỀU THUỐC ĐỘC VÀ NGHI ÁN SÁT PHU.

Nếu chúng tôi không viết bài này, tất nhiên ông là kẻ có tội với giòng họ Lê: ngược lại chúng tôi rất sợ mang tội với hậu thế, vì may mắn biết rành rẽ sự kiện mà không chịu đánh chánh.

Đề kết luận chúng tôi giám cả quyết :

1) Ông Chánh - vệ - Ủy NGUYỄN VĂN DƯƠNG không phải là con Đức Ông LÊ DUY MẬT mà là con của ông NGUYỄN VĂN CÂN và bà

RHẠM THỊ LIÊN, theo phôi-y.

2) Ông đã chết tại Quế Sơn chứ không phải tại Thanh-Hóa.

3) Chẳng có một liên-hệ nào dù nhỏ nhất, giữa hai họ NGUYỄN-PHÚC, NGUYỄN VĂN về việc : TỬ-TÁNH VI-NGUYỄN, và NGUYỄN-LÊ-PHÁI.

4) Nếu ông nhận rằng Ông là con ông Viên-Quảng, thì thủy-tử của ông là ông NGUYỄN VĂN CỐT.

5) Những liên lạc về giòng họ với ông LÊ DUY MẬT do ông dựng nên, hoàn toàn sai sự thật.

Bởi những bằng chứng thiết thực kể trên, chúng tôi xin theo sử liệu xưa nay thanh minh cho NGỌC HÂN CÔNG CHÚA.

— «Vua QUANG TRUNG CHẾT VÌ BẠO BỆNH CHỮ CHẴNG PHẢI DO LIỀU THUỐC ĐỘC CỦA MỘT THIẾU NỮ TRONG ĐAM NGHĨA QUÂN, TRAO TẶNG TAY CÔNG CHÚA (cột 1 giòng 1 đến 25, trang 20, Phôi-

Thông số 62)— » sau là tìm cách giết NGUYỄN - HUỆ bằng một thứ thuốc độc rất mạnh do đám nghĩa quân miền Bắc chế ra theo môn gia-truyền của dân Thượng-du. Thứ thuốc độc này, nếu nhỏ vào rượu chừng vài giọt, màu sắc và hương vị của rượu không có chút thay đổi. Nhưng uống trôi qua cổ họng là người bị đầu độc cảm thấy bản thân khó chịu, rồi tắt thở luôn.

Gặp CÔNG CHÚA, thiếu nữ trình bày mọi lẽ, nào là tôn miếu xả tắc nhà Lê bị NGUYỄN HUỆ dày xéo chà đạp. Nào Tôn-thất, Hoàng-tộc nhà Lê bị NGUYỄN-HUỆ thẳng tay tàn sát. Nào ngai vàng nhà Lê bị NGUYỄN HUỆ cướp. Tất cả mọi biến cố trên đều do NGUYỄN HUỆ gây ra. Nàng yêu cầu Công-chúa hãy hy-sinh một chút tình nghĩa mà cứu lấy cơ-nghiệp nhà Lê ».

Sau hết, đề rộng đường dư-luận, chúng tôi xin gửi kèm thêm bài này những hình ảnh liên quan đến giòng họ của ông NGUYỄN VĂN DƯƠNG.

Đứng trước trách nhiệm lịch-sử, chúng tôi không còn biết làm thế nào hơn được, tuy thừa hiểu

rằng ông sẽ phật lòng không ít khi bài báo này sẽ tới tay ông.

Chúng tôi xin nhắc riêng ông điều này : hiện nay tộc NGUYỄN do ông thủy-tử NGUYỄN VĂN CỐT để lại, chia thành hai phái « NGUYỄN TRƯỜNG, NGUYỄN VĂN (có ông NGUYỄN - VĂN - DƯƠNG) mà phái NGUYỄN TRƯỜNG là phái nhưt. Chúng tôi nói lên đây một sự thật, còn tin hay không đối với ông là một điều khác.

Chúng tôi nhường quyền nhận xét cho quý vị học-giả, sử-gia, các bạn nhiệt thành về lịch-sử. Chúng tôi chờ mong sự chỉ giáo thêm của quý vị.

Quế-sơn ngày 28-8-1961

LÂM-HOÀI-NAM và MẠC-LANG
LÂM-HOÀI-NAM tức NGUYỄN-LÊ-THỌ, Quận-trưởng Quận Quế-sơn, QUẢNG NAM.

LỜI TÒA SOẠN : Số

sau, chúng tôi đang tiếp bài thứ hai cũng của ông NGUYỄN-LÊ-THỌ. Rồi chúng tôi sẽ tiếp tục đăng các tài liệu khác của giòng họ NGUYỄN-LÊ ở Đà-nẵng, có gia-phả và các giấy tờ chứng-minh trái lại các tài-liệu của ông Nguyễn-lê-Thọ.

CORRESPONDANCES

La Nature est un temple où de vivants piliers
Laissent parfois sortir de confuses paroles ;
L'homme y passe à travers des forêts de symboles
Qui l'observent avec des regards familiers.

Comme de long échos qui de loin se confondent
Dans une ténébreuse et profonde unité,
Vaste comme la nuit et comme la clarté,
Les parfums, les couleurs et les sons se répendent.

Il est des parfums frais comme des chairs d'enfants,
Doux comme le hautbois, verts comme les prairies,
— Et d'autres, corrompus, riches et triomphants

Ayant l'expansion des choses infinies,
Comme l'ambre, le musc, le benjoin et l'encens,
Qui chantent les transports de l'esprit et des sens.

CHARLES BAUDELAIRE

GIAO ỨNG

Thiên-nhiên là một điện-đài
Rì rào hàng cột muôn loài sinh linh
Giữa nơi mọi vật tượng hình
Người đi qua đó thấy mình hằng quen

Như làn âm-hưởng vọng lên
Dồn vào nhất-thê bốn bên một mùng
Hào-quang bóng-tối mệnh mông
Âm-thanh sao động hòa cùng Sắc, Hương

Có những mùi thơm đượm về thanh
Mát như da thịt trẻ sơ sinh
Êm như phong-địch hơi đưa vắng
Đẹp tựa đồng xa tưới cỏ xanh

Có những hương cao, ủ, đậm đà
Mang hồn vạn vật tỏa bao la
Như mùi hồ-phách, hoa, nhang, sạ
Địu đặt tâm-tình cảm-giác ta

BÙI-KHÁNH-ĐÀN dịch

KÝ-GIA? THỬA TRƯỚC

*Tế-Xuyên



(Tiếp theo P.T. số 67)

NHÀ văn Lưu Trọng Lư cũng có lần bị ông Phan-Khôi rầy vì tính cầu thả, hay dùng những chấm lửng (...) trong khi viết văn. Lư có tính quen rồi, mỗi khi dùng bút đề suy nghĩ, sẵn bút cứ chấm thêm vài chấm sau câu văn đã viết xong. Về tính minh bạch ráo riết của ông Phan-Khôi, sau này Lưu Trọng Lư có thử tìm nguyên nhân và cho là một «tính gia truyền». Trong một số «Tao Đàn» xuất bản năm 1939, họ Lư kể chuyện sau đây :

«Nhờ một vị hưu quan là chỗ đồng liêu với tiên-sinh, tôi được biết một câu chuyện rất lý thú về cụ thân sinh ra tiên sinh trong việc dạy dỗ con cháu.

«Cụ thân sinh ra ông Phan xưa kia là một bậc chơn-nho; trong sự dạy học trò và con cái, cụ tỏ ra rất nghiêm khắc.

«Hình như cụ là người rất thủ cựu và không tán - thành những phong trào duy tân mà lúc bấy giờ các bạn trẻ hay cổ xúy. Ông Phan - Khôi cũng là một trong những bạn trẻ ấy. Trong gia-đình họ Phan, có lẽ đã xảy ra những cuộc xung-đột về lý-tưởng. Một hôm cậu học trò trẻ tuổi ấy không chịu được sự áp bức về tinh thần của cha, bèn chạy ra vườn và vạch vào tường một bài thơ để trách cha. Cụ thân sinh ra ông Phan, lúc ra thấy bài thơ của con, cũng lấy gạch vạch vào tường một bài thơ đáp lại; thật là một sự rất hiếm trong lịch sử

KÝ GIẢ THỬA TRƯỚC

gia-đình, ít khi người ta thấy một sự sòng phẳng như thế giữa một người cha với một người con ».

★

Ông Phan-Khôi còn tự khắc khổ với chính bản thân của ông nữa. Cũng như nhiều nhà văn, nhà báo trong thế-hệ trước, ông hút á-phiện và đã mắc ghiền hần hoi. Nhưng ông khác nhiều bạn đồng nghiệp là ông không bê tha làm thương tổn nhơn-cách trong khi hưởng cái thú « đi mây về gió ». Ông hút đúng mực, mỗi ngày đã định mấy cữ, mỗi cữ mấy điếu, ông không hề vượt quá độ, dầu là vui với anh em chung quanh mâm đèn.

Trong khi làm báo « Phụ Nữ Thời Đàm » chẳng hiểu vì lý-do gì ông bỏ hút. Ông bỏ ngang nhiên, không cần uống thuốc cai. Tôi ngạc nhiên hỏi ông thì ông đáp :

«Đã dám hút thì cũng phải có can đảm mà cai. Đó chỉ là việc cần đến chút nghị - lực là xong. Nếu khi hút mà biết sau này mình phải làm nô - lệ cho nha-phiến thì tốt hơn đừng đa mang ngay từ buổi đầu».

Ông Phan Khôi là người có những đức tánh cần thiết cho một kẻ tranh đấu, luôn luôn muốn thắng trở lực, không chịu khuất phục trước những nền nếp có sẵn, như những nhà văn xu thời.

Đối với Phạm Quỳnh thời Pháp thuộc mà ai cũng biết là người che chở của Louis Marty, Tổng giám đốc Nha Liêm Phóng Đông Dương, ông Phan Khôi dám mạnh dạn chỉ đích danh mà lên án là « học phiệt » — danh từ ông đặt ra, ngụ ý ông Phạm Quỳnh cũng như bọn quân phiệt nước Tàu hồi bấy giờ, vì ông có tính tự tôn tự đại, coi rẻ các học giả khác, đề giữ vững địa vị độc tôn trên đài học thuật.

Vì sao ông Phạm-Quỳnh bị gọi là « học phiệt. ?

Danh từ « học phiệt » phát sinh trong bài báo của Phan Khôi với cái tựa : « Cảnh cáo các nhà học phiệt » đăng trong báo « Phụ Nữ Tân Văn » năm 1930.

Khởi đầu cuộc bút chiến là do ông nghề Ngô Đức Kế châm ngòi trong tạp chí « Hữu Thanh » 3 năm trước với bài « Luận về

chánh học cùng tà thuyết». Trong bài này, tác-giả nhiệt-liệt công-kích truyện Kim Vân Kiều về nội-dung cuốn truyện và ảnh hưởng của nó tới nền phong hóa Việt Nam ; ông nghề Ngô lên án luôn cả ông Phạm Quỳnh là người hăng hái cổ xúy văn chương truyện Kiều, quá đề cao tác phẩm này như một tinh hoa vô giá của đất nước. Trong lúc hăng say đả phá truyện Kiều và họ Phạm sùng bái truyện Kiều, ông Ngô Đức Kế đã dùng lời văn danh thép mà lớn tiếng : « Trong nước ta ngày nay nào là bình phẩm văn chương Kiều, nào là chú thích Kiều, diễn dịch Kiều, chớp ảnh Kiều, trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem hiện trạng ấy, nước Việt Nam ngày nay gọi là « Kim Vân Kiều Quốc », nòi giống Việt Nam gọi là « Đại Kim Vân Kiều Tộc » cũng đúng lắm, chớ không sai »

Sau bài ông nghề Ngô gián-tiếp lên án ông Phạm-Quỳnh, các nhà trí thức mong chờ chủ-bút tạp chí « Nam Phong » viết bài trả lời. Vậy mà không đâu... Họ Phạm chỉ làm thinh và viết trong mục

« Xứ thế châm ngôn » của tạp chí « Nam Phong » mấy giòng nói đả động đến « thanh bảo-kiếm bách-luyện, tha hồ cho ai công kích có sồn chút nào đâu ».

Phạm-Quỳnh dụng ý tỏ thái độ tự phụ, không thèm trả lời. Đó là một cách tránh né cuộc bút chiến với nhà ái-quốc Ngô Đức Kế đang có uy tín với đồng bào các giới.

Ba năm sau khi ông nghề Ngô đã ra người thiên cổ, ông Phan-Khôi lên tiếng « cảnh cáo các nhà học phiệt »; ông nhắc lại bài công-kích của ông Ngô Đức-Kế và chê ông Phạm Quỳnh :

« Bài : Chánh học và tà thuyết của tiên sinh (Ngô Đức Kế) có chỗ không được công bằng ; tuy vậy lấy đại thể mà nói thì sự công-kích như vậy là chánh-đáng. Và lại đó là một vấn đề lớn có quan hệ đến học phong, sĩ-tập, dầu phải dầu chẳng cũng không thể bỏ qua được. Vậy mà bên Phạm Quỳnh tiên sinh nín lặng, chẳng thèm nói lại lấy nửa lời... »

Ông Phan-Khôi kết-luận :

« Về sự học khi có ai nghi ngờ những điều các ông chủ trương

mà chất vấn hoặc công-kích, thì các ông phải trả lời cho minh bạch, phải thì nói phải, quấy thì nói quấy... »

Chúng tôi tiếc rằng không có chỗ mà trích đăng trọn bài báo danh thép của ông Phan Khôi. Đối với kẻ bút chiến lên án mình là « học phiệt », chủ bút tạp chí « Nam Phong » không nín thinh nữa ; ông trả lời cho họ Phan.

Song, nếu Phạm Quỳnh thường đề cao con người « quân tử » trong « Nam Phong » thì lần này ông chẳng quân tử chút nào. Đối với bạn đồng nghiệp cũ đã yên thân dưới ba thước đất, ông cho rằng tạp chí « Hữu Thanh » đăng bài của ông Ngô Đức Kế công kích ông, chẳng qua là chuyện « hàng thịt nguyêt hàng cá ». Xin trích vài câu của họ Phạm :

« Bấy giờ ông (Ngô Đức Kế) làm chủ bút báo Hữu-Thanh mới lập. Báo Hữu-Thanh là một tạp-chí ; báo Nam-Phong của tôi cũng là một tạp chí. Báo Hữu Thanh ra sau, báo Nam Phong của tôi ra trước. Hàng thịt nguyêt hàng cá là thói thường của bọn con buôn. Trong làng

văn, làng báo, có khi cũng mắc phải cái thói đó... »

... « Ai cũng biết ông Ngô Đức Kế không phải vì Truyện Kiều mà bình phẩm Truyện Kiều, chỉ là kiếm cớ đề « cải lộn » với tôi, trước là quảng cáo cho báo Hữu Thanh, sau cũng là để thỏa lòng ác-cảm riêng chắng ? »

Bài trả lời của ông Phạm Quỳnh được đăng lên « Phụ Nữ Tân Văn » số 67 năm 1930. Họ Phạm không trả lời về những điểm bị công kích mà chỉ nói « phớt » qua thôi, đề « lái » vấn đề qua một phạm vi khác và đề quyết là một việc cá nhân giữa hai tạp chí.

Một vấn-đề trọng đại : « Có nên quá đề cao Truyện Kiều và dùng nó làm sách giáo-khoa không ? » được nhà « học giả » họ Phạm giải quyết một cách giản dị như thế đó. Ông đã cho là một vụ « mặt sát » để chấm dứt cuộc thảo luận. Ông Phan Khôi dầu không được hài lòng về một vấn đề học thuật song ông cũng có thể tự hào đã bắt kẻ khinh người kia phải thốt ra vài lời nói.

● Một cuộc bại trận ●

Tuy ông Phan Khôi có tài bút chiến, ham bút chiến, và nổi tiếng về mấy cuộc bút chiến lừng lẫy của ông, song có lần ông cũng nếm mùi thất bại trên trường văn trận bút. Ông đã bị « Phong-Hóa » thắng ông một trận lớn.

Hồi ông chủ trương bộ biên-tập « Phụ Nữ Thời Đàm » đang có phong trào thơ hài-hước do Tú Mỡ phát-sinh ra trên báo « Phong Hóa », Ông Phan-Khôi cũng làm thơ hài-hước cho báo « Phụ Nữ Thời Đàm » thêm khôi sắc.

Quá ham lý-luận, ông đã làm một bài thơ trào phúng đăng lên số đầu tân bản của báo ấy mà ai cũng cho là hớ hênh nhứt đời. Nguyên là lúc « Phụ Nữ Thời Đàm » đình bản, Tú Mỡ thường làm thơ châm-chọc. Nay « Phụ Nữ Thời Đàm » tục bản, ông Phan Khôi liền làm một bài thơ đề chọc lại Tú - Mỡ và ký bút hiệu « Tú-Xon ».

Tú Xon âm ở chữ Pháp « Tout seul » có nghĩa là cô đơn một mình.

Nhề nhà ông chủ nhiệm có một ái-nữ nổi tiếng « Hoa khôi Hà thành » mà ông chủ bút già lấy biệt hiệu ấy có khác nào than thở cảnh « cô đơn một mình » đủ làm đề tài cho Tú Mỡ chế diễu sau này.

Mà ông hớ-hênh đến vậy là vì ông có bao giờ đề ý đến bông hoa biết nói có biệt hiệu « Kim Dung » ấy đâu, cho đâu ái nữ ông chủ nhiệm đóng vai Quản-lý giữ tiền, ngồi chình-ình ở ngay phòng ngoài mà ông tú họ Phan phải đi qua mỗi khi vào tòa soạn ở phòng trong. Ít khi ông đề ý đến cô Quản-lý vì ông cúi đầu, thui-thủi đi vào tòa soạn không nhìn ngang nhìn ngửa. Có lần một bạn đồng nghiệp hỏi ông :

— Có khi nào ông đề tâm trong một phút đề thưởng thức cái đẹp của hoa khôi không ?

— Đến tòa soạn đề viết bài đưa thợ hay đề ngắm hoa khôi chớ ? Ông Phan-Khôi hỏi lại.

Lại một câu nói do cô Lô-Rích điều khiển và khô khan, không có chút rung cảm gì.

Cái thân hình khô khan của Phan Khôi tiến vào tòa soạn đã

17 húng cho Tú-Mỡ làm được mấy câu thơ « Vịnh Bắc Tú Xon » :

Tú Xon xót phận Tú Xon
Một mình thui thủi cô đơn một mình

Hỏi ai, ai khéo vô tình
Hỏi mình, mình lại gọt mình vì ai.

Một mình thui thủi đi vô.
Đụng phải cái bờ thui thủi đi ra.

Một mình thui thủi đi ra,
Đụng phải cột nhà thui thủi đi vô.

Xin mời bạn hãy trở lại bài thơ trào phúng đầu tay của Tú Xon đăng trong « Phụ Nữ Thời Đàm » số 1. Dưới cái tựa « Làm đùm Phong Hóa tạ tội với chị Phụ Nữ » bác Tú Xon vô ý viết ra những câu hớ hênh sau này :

Đụng đến chị bởi vì tưởng chết,

Nào ngờ đâu hết mệt chị ra.
Dầy dầy sẵn đúc một tòa,
Làm tôi trông thấy thật mà thất kinh.

Thôi đành vậy đứng im mà ngắm:
Chị đẹp sao, đẹp lắm chín nghìn
Bấy lâu tôi thói trẻ ranh,
Chị thời xí-xóa cho đành lòng tôi.

Một tờ báo Phụ-Nữ có người đẹp làm Quản-lý, mà đăng bài thơ có những tiếng đọc lên đủ làm đỏ mặt cô Quản-lý như : « hết mệt chị ra » ... và « chị... đẹp chín nghìn » thì thôi rồi còn gì là người đẹp nữa.

Quả nhiên, tuần sau báo « Phong Hóa » có đăng bức hí-họa : một thiếu nữ xỏa tóc ở trong khuê phòng bước ra dưới có đề câu thơ của Tú Xon :

«Hết mệt chị ra..»

(Còn tiếp)

★ MUA TRỨNG

Một bà Thiếu-tá sai chị ở cầm giấy viết như sau đây, đến một tiệm chấp-phô : « Bà bán cho tôi 20 trứng gà, nếu tôi coi trứng tốt, tôi sẽ gọi tiền đến trả. » Bà chủ chấp-phô viết giấy trả lời : « Bà gọi tiền đến tôi, nếu tôi coi tiền tốt, tôi sẽ gọi trứng đến bà ».

Mình Ơi!



TỪ MẶT ĐẤT
LÊN MẶT TRĂNG
đường muôn
dặm có được
AN-NINH KHÔNG



Ô NG Tú quen với người Hoa-Kiều nào đó ở trong Chợ-lớn có cái xe «*đơ-sơ-vô-con-cóc*» (1) bán xôn. Người «*Các-chú*» bảo : «*Nị với ngộ là chỗ quen piết, thòi thì ngộ pán rẻ cho nị cái hai *sơ-vô* đó với giá đặc-piệt là 7000\$ một cái *sơ-vô*, hai cái *sơ-vô* là 14.000\$.*» Ông Tú bằng lòng mua. Nhưng ông muốn trả góp trong 14 tháng mỗi tháng 1000\$. Người «*các-chú*» bằng lòng bán. Thế là ông Tú lái chiếc xe cà-rí chạy cà-rịch cà-tang về nhà, khoe với vợ :

— Em ơi, anh mới mua được chiếc xe-hơi còn đẹp, máy còn tốt mà giá rẻ như bèo. Sáng mai chủ-nhật, khánh thành chiếc xe *đơ-sơ-vô con-cóc*, anh sẽ lái đưa em đi ra Vũng-Tàu tắm biển. Em mê-ly không ?

Ngó thấy chiếc xe, bà Tú nở một tiếng cười như tiếng nổ của bom nguyên-tử, nhưng bà rất bằng lòng, gật đầu lia-lịa. Cái gì của chồng, bà đều khen là tốt là đẹp cả.

Sáng chủ-nhật, ông Tú lái xe đưa bà Tú đi Cap. Chiếc xe chạy nhanh hơn xe hủ-lô nhiều, khởi hành từ Sài-gòn 5 giờ sáng mại

7 giờ mới đến cây số 60, thì vừa gặp mấy chiếc xe đồ quen từ Cap chạy về Sài-gòn, cho biết rằng có súng nổ dữ-dội cách đây 4 cây số, và khuyên ông Tú bà Tú nên trở về thủ-đô nếu muốn giữ an-toàn tính mệnh. Nhưng ông Tú và bà Tú nhất-định tiếp-tục hành-trình : «*Xe của tui mình là loại xe con - cóc, kiểu 1901, lơ bị đốt cũng... cóc cần. Cứ việc đi tới đích, chẳng sợ ai.*» Bà Tú cẩn-thận bảo ông Tú : «*Đến chỗ chạm súng, Minh cứ việc đạp ga cho xe vọt nhanh là thoát chứ gì, Minh há ?*» — Ừ.

Đến khoảng cây số 65, thấy một chiếc xe Mercedes bị nhiều vết đạn bắn thủng, nằm bên lề đường, nhưng không nghe tiếng súng. Cũng không thấy một bóng người. Ông Tú điềm-nhiên cho chiếc xe con-cóc chạy rầm-rầm với tốc-lực tối-đa của nó là 30 cây số một giờ.

Tại qua nạn khỏi. Bà Tú ngẫm nghĩ một lúc, rồi hỏi ông Tú :

— Minh ơi ! Con đường không-lộ của các Phi-thuyền bay từ Mặt Đất lên Mặt Trăng sẽ

(1) *Deux Chevaux - vapeur,*
(2) *C V.*) : hai mã-lực, vừa cũ vừa xấu-xí.

được an-ninh hơn các đường ở cõi Ta-bà cát-bụi này không nhỉ?

— Em hỏi gì kỳ-cục vậy?

— Em thấy chiến-tranh đang tràn lan nhiều nơi trên mặt Đất, và rồi đây có lẽ sẽ bùng nổ khắp năm Châu, em nghĩ rằng nó cũng sẽ có thể nổ bùng cả trên không-gian, và lúc bấy giờ con đường bay của các hỏa-tiên chở người lên Trăng cũng sẽ không tránh khỏi bị chiến-tranh tàn-phá... Minh đã cho phép em sắp sửa được di-cư lên Trăng, nên em muốn hỏi cho biết vậy mà...

Nhân tiện, đó cũng là một vấn đề khoa-học rất quan-trọng giữa thời-đại Hỏa-tiên và Vệ-tinh nhân tạo, mà em thấy cần học-hỏi để theo dõi lịch-trình Tiên-bộ của KHOA-HỌC KHÔNG-GIAN,

— Em nói có lý lắm. Chính đây là vấn-đề khoa-học, nhưng nó không dính-líu gì với vấn-đề chính trị, hay quân-sự của loài người. Phi-cơ, dù là các loại phi-cơ phản-động-lực mạnh nhất trên thế-giới hiện nay, cũng chỉ bay cao lẩn-quẩn trên 10.000 hoặc 12.000 mét trong bầu không-khí chật-chội bao-bọc Quả Đất mà

thôi. HỎA-TIÊN, trái lại, đã được chế-tạo theo một kỹ-thuật riêng biệt để bay vút lên hàng MẤY TRĂM NGÀN KÍ-LÔ-MÉT, thoát hẳn ra ngoài các lớp không-khí của Địa-cầu, nghĩa là ngoài 3000 kí-lô-mét. Nhưng ra đến đây, Hỏa-tiên cũng không chắc tránh được các sự đụng chạm tình-cờ và vô-cùng nguy-hiểm của các LƯU-TINH, VẤN-THẠCH (météorites) và các CHẤT PHÓNG-XẠ của VŨ-TRỤ TUYẾN (Rayonnements cosmiques.)

— Lưu-tinh, vấn-thạch, là gì hả Minh?

— Lưu-tinh là các vì Sao bay lưu-lạc trong không-trung, Vấn-thạch là các mảnh Sao giống như các tảng đá từ trên cao rơi xuống (vấn = từ cao rơi xuống, thạch = đá).

— Từ trên cao rơi xuống, là trên cao nào? ở đâu? Còn những Ngôi Sao lưu-lạc là những ngôi Sao gì, ở chỗ nào? Lưu-lạc nơi nào?

— Em nên biết rằng Vũ-trụ báo-la không phải như một bãi Sa-mạc hoang-liêu quạnh-quẽ đâu. Trong bầu trời mênh-

mông vô-cùng-tận, lăm-lăm hàng vô-số triệu-triệu-triệu Ngôi Sao mà em trông thấy lấp-lánh ban đêm kia, còn có thường-xuyên rất nhiều những mảnh Sao của Thái-dương-hệ, quá già, quá cũ và bị tan-vỡ, hoặc những mảnh vụn của các Sao-Chổi từ nghìn triệu năm xưa còn sót lại, cứ bay vùn-vụt qua lại trên vòm trời, không ngớt. Những mảnh Sao lưu-lạc ấy từ nơi không-trung thăm-thẳm rơi xuống, chạm phải các tầng lớp không-khí của Địa-cầu, bị nóng, liền bốc cháy rực lên rồi tiêu tan mất luôn. Ban đêm, nhờ trời tối, chúng ta thường thấy rõ những ngôi Sao cháy sáng rực, xoẹt một đường rồi biến mất, ta gọi là SAO BĂNG (Etoiles filantes. Khoa-học gọi là Bolides). Đó chính là những mảnh Lưu-tinh, cùng một loại như Météorites, những ngôi Sao già lụ-khụ, đã vỡ nát tan-tành mà còn bay lưu-lạc đó đây, như những oanh-hồn vất-vưởng... Bởi nó bay nhanh quá, với tốc-độ 42 kms trong một giây đồng hồ, (15.120 kms một giờ), nên nó thường va-chạm vào lớp thượng-tầng không-khí của Địa-cầu, với một sức mạnh kinh-

khủng làm nung ra lửa và tự cháy mất tiêu. Ban ngày cũng có nhiều những « Sao băng » như thế, nhưng vì có ánh sáng mặt trời nên chúng ta không trông thấy đó thôi. Có lúc, chỉ một mảnh Sao băng đơn độc. Có lúc, cả một đồng gồm có nhiều mảnh cùng rớt và cùng bị cháy một lượt, chúng ta trông thấy như một « trận mưa Sao băng » vậy. Có khi nó cháy rồi tắt âm-thầm, tiêu-tan trong không-khí Địa-cầu. Có khi nó nổ lên một tiếng. Cũng có khi nó chỉ cháy một phần rồi rơi xuống mặt Đất của chúng ta, mảnh nhỏ thì chỉ nặng chừng vài grammes, mảnh lớn to bằng một tảng đá, có thể nặng đến 20 tonnes.

Ngày 26 tháng 4 năm 1803, một ngôi Sao-băng nổ một tiếng rầm trời trên không-phận quận Laigle ở tỉnh Orne (Pháp), và rớt xuống đất vỡ tan thành 3.000 mảnh vụn, nặng mỗi mảnh 10 kí-lô. Những mảnh này toàn là đá.

Ngày 30 tháng 6 năm 1908, cách nay mới 53 năm, một ngôi Sao-băng cháy đỏ rực, rồi rớt xuống một khu rừng ở



Một Lưu-tinh, (Sao băng) đã rơi xuống mặt Địa-cầu, năm 1804, trên đất Mexique, nặng 780 kí. Hiện còn trưng-bày tại Bảo-tàng Viện Vạn-vật-học Paris. Mảnh Sao-băng này toàn bằng đá, sắt, và nickel.

Sibérie (Nga), làm cháy rụi cả một diện-tích khu rừng trên 100 ki-lô-mét vuông.

Trên vòm trời bao-la thăm-thẳm ngoài vùng không-khí của Địa-cầu, những Lưu-tinh như thể bay xoẹt qua xoẹt lại như thoi-cưỡi : đó là những kẻ thù ghê-gớm của các Phi-thuyền bay trên không-gian để tiến tới Nguyệt-cầu, hay tới Kim-tinh, Hỏa-tinh... Bởi chúng nó bay lang-thang, không có một hướng nhất-định nào cả, hoặc có những cái theo những đường quỹ-đạo rối-rắm của các vì Sao-chổi cũ, cho nên các Phi-thuyền và Hỏa-tiên từ Trái-Đất phóng lên, có thể bất-thình-linh gặp phải một trong các vì Sao phiêu-lưu ấy, như những trái lựu-đạn không lồ do các vì Tinh-tú tấn-công vào chiếc vệ-tinh giả-tạo của giống người Địa-cầu. Chạm vào nó tức thì Hỏa-tiên ta sẽ bị vỡ tan ngay, và hành khách trong các Phi-thuyền sẽ chết thảm-hại giữa mông-lung, trong một nháy mắt, không để lại một dấu-vết nào cả.

— Mình ơi, như thế thì con đường không-gian đi lên Mặt-Trăng cũng đâu có an-ninh gì nhỉ ? Hỏa-tiên đang bay mà

vô phúc giữa đường gặp một Sao băng phóng tới, thì có khác nào chiếc xe con-cóc của chúng ta chạy ngang qua đường rầy thình-linh gặp ngay lúc xe lửa lù-lù xấn tới, thì chắc chắn là chúng ta được đưa về bên kia thế giới !

— Nhưng em đã quyết chí lên Trăng thì em còn sợ à ? Như chúng ta đi Cap hôm nay vậy, dù nguy-hiểm cũng cứ đi. Đã bao nhiêu hỏa-tiên và vệ-tinh nhân tạo của Nga và của Mỹ, Spoutniks, Pioneers, v.v... từ mấy năm nay đã vượt lên không-gian, đã bay hàng mấy trăm triệu kí-lô-mét mà có gặp một Lưu-tinh nào đâu !

— Họ tránh thế nào giải thế ?

— Thì cũng như họa-hoàn mới có chiếc xe con-cóc diên-khùng tông vào đầu máy xe lửa chứ.

Thực ra, các phi-thuyền bay lên không-phận liên-hành-tinh (*Espaces intersidéraux*) còn gặp những kẻ thù nguy-hiểm hơn nữa, là các chất phóng-xạ của vũ-trụ tuyến.

— Phóng-xạ của vũ-trụ-tuyến là chất gì ?

— Là những chất nhỏ li-ti có dính theo những luồng sóng phụ-

nguyên-tử (particules subatomiques), những *électons, protons, mésons, neutrons, photons...* có điện-lực âm hoặc dương, hoặc cả âm cả dương, do vũ-trụ liên-hành-tinh phóng ra (Rayonnements Cosmiques). Những chất này chuyển vận với một tốc-độ gần tốc-độ của ánh-sáng.

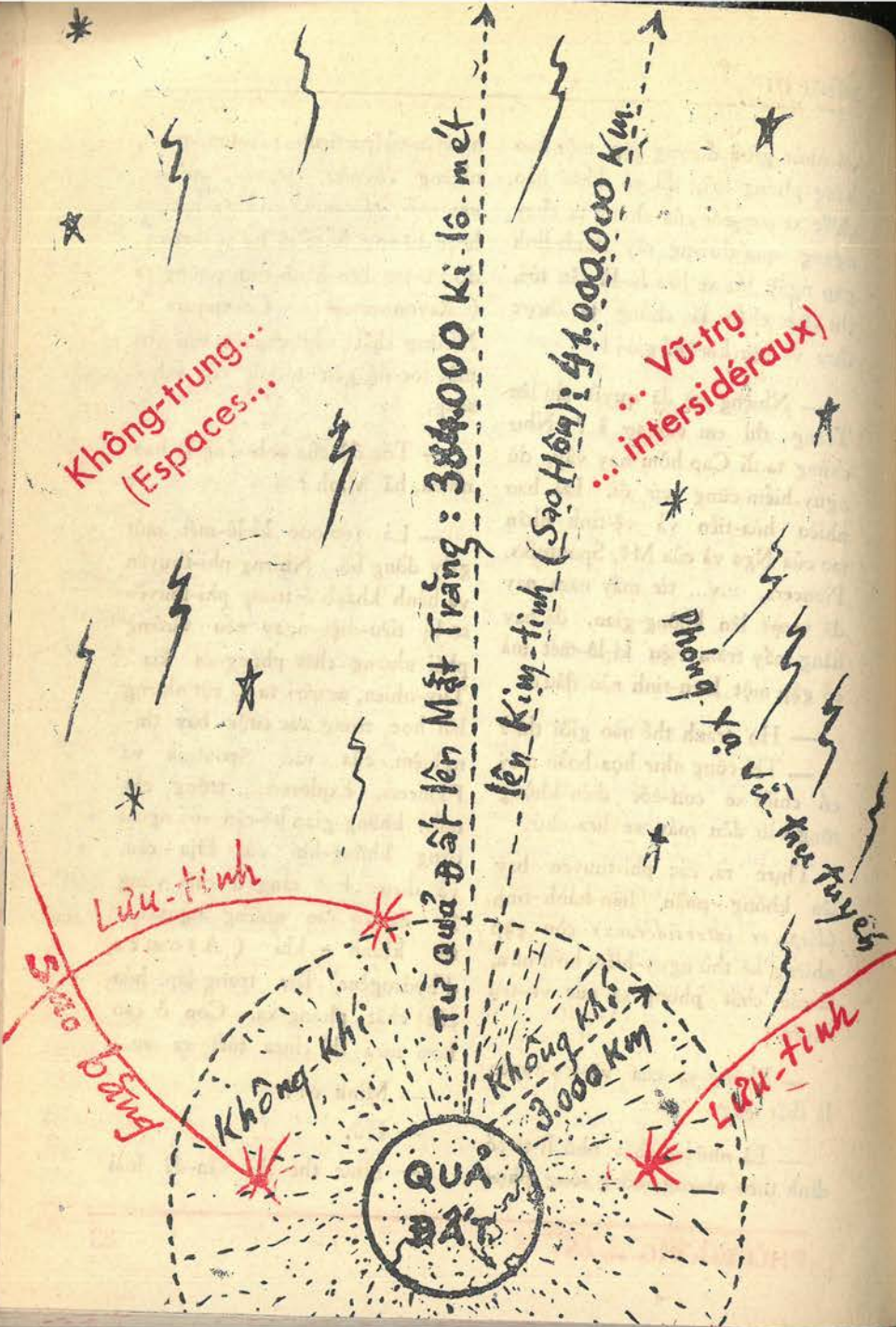
— Tốc-độ của ánh-sáng là bao nhiêu, hả Mình ?

— Là 300.000 kí-lô-mét một giây đồng hồ... Nhưng phi-thuyền và hành khách ở trong phi-thuyền sẽ bị tiêu-diệt ngay nếu vương phải những chất phóng-xạ kia... Tuy-nhiên, người ta đã rút những bài học trong các cuộc bay thí-nghiệm của các Spoutnik và Pioneers, Explorers..., trong các miền không-gian kề-cận với ngoại tầng không-khí của Địa-cầu, và được biết rằng ở các vùng ấy đã có sẵn những nguyên-tử khinh-khí (*Atomes d'hydrogène*) làm trung-lập hóa các chất phóng-xạ. Còn ở cao hơn nữa thì chưa biết ra sao...

— Mình ơi !

— Hử.

— Như thế thì vấn-đề loài



Hỏa-tiên bay lên không-trung vũ-trụ, gặp 3 kẻ thù nguy-hiểm :

- 1) Thiếu không-khí và thiếu trọng-lực (Apesanteur)
- 2) Phóng-xạ vũ-trụ tuyến (Rayonnements cosmiques)
- 3) Lưu-tinh (Météorites)

người dùng phi-thuyền để bay lên Trăng cũng đâu phải dễ dàng như đi máy bay nhỉ ?

— Ai nói dễ ? Khoa-học đã chế ra được các Hỏa-tiên lên Trăng, như Lunik II, Lunik III... Hỏa-tiên nhờ máy-móc tự động chuyển vận cao trên mấy trăm ngàn ki-lô-mét cách xa Quả-Đất, nhưng con người ta sinh trưởng trên Thế-giới trần ai, với những cơ-thể thích-hợp với các điều-kiện sinh-hoạt riêng biệt của Địa cầu mà không thích-hợp với hoàn-cảnh của Nguyệt-cầu, cho nên sự di-chuyển của con người từ mặt Đất lên Mặt Trăng là cả một vấn-đề đòi hỏi bao nhiêu vấn-đề khác về vật-lý, y-lý, tâm-lý... Vấn-đề quan-trọng nhất là sự THIẾU KHÔNG-KHÍ, và THIẾU TRỌNG-LỰC (apesanteur).

— Thiếu không-khí ở đâu ? Không-khí mà làm sao thiếu được ?

— Trái Đất của chúng ta ở đây nhờ có một lớp không-khí bao bọc, không bao giờ thiếu không-khí. Mọi vật ở trên Trái Đất sống được là nhờ không-khí tràn - ngập khắp nơi. Nhưng khỏi mặt đất đến một giới-hạn nào đó thì không-khí không có nữa. Trước kia, các nhà vật lý học đoán chừng rằng cách mặt Đất 800 hoặc 1000 ki-lô-mét thì hết không-khí. Nhưng các vệ-tinh nhân tạo của Mỹ và của Nga đã cho chúng ta biết rõ rằng vòng **BIÊN-GIỚI KHÔNG-KHÍ CÁCH MẶT ĐỊA CẦU** khoảng **2.000**, hay **3.000 KI-LÔ-MÉT**. Nghĩa là lên cao đến 3000 ki-lô-mét, thì không có một tí không-khí nào nữa cả, và bắt đầu Không-trung vũ-trụ (Espaces Intersidéraux)...

Phi-cơ bay cao nhất lên không gian cũng chỉ rớt vọt lên đến

10 hoặc **12** kí lô-mét mà thôi, có phòng ép không-khí dự-trữ riêng để cấp-dưỡng không-khí cho hành khách vì bắt đầu từ cao độ này không-khí đã ít dần, trọng-lực đã giảm xuống và cơ-thể của con người đã bị kém các khả năng bình thường: thần-kinh-hệ bị tê-mê, mất trí-nhớ, thở mạnh, phổi phồng lên, máu đọng lại, chun tay bủn-rủn, mất mồ, v.v...

— Minh ơi, nếu thế thì làm sao các phi-công lái Hỏa-tiên lên tới Trăng được?

— Nhờ họ mặc các thứ áo quần đặc-biệt và có đủ các dụng cụ và vật-liệu Khoa-học để đối-phó đầy đủ với các biến chuyển của cao độ nơi đây không có dưỡng-khí nữa.

Nhờ các thứ máy móc và các điều-kiện kỹ-thuật hoàn-toàn, mà chiếc PHI-THUYỀN V của Nga chở con chó cái ZEZDOTCHKA đã bay cao lên được **247 KI-LÔ-MÉT** và trở về mặt Đất bình yên vô-sự, ngày **25.3.1961**. Về người, thì Thiểu-tá Nga.Xô YOURI GAGARINE đã bay

lên được **302 KI-LÔ-MÉT**, và chung quanh Địa-cầu trong **108 PHÚT**, ngày **12.4.1961**. Đầu tháng **5.1961**, Thiểu-tá Mỹ ALAN SHEPARD cũng đã thành công trong các điều-kiện khâ-quan.

— Minh ơi!

— O'ì... Em làm ơn châm hộ cho anh một điếu thuốc, thay vì hỏi anh mãi...

Bà Tú cười, lấy gói thuốc *Minty* của chồng, quẹt lửa châm, hít một hơi cho khói ra lỗ mũi rồi đưa sang môi ông Tú... Ông Tú luôn luôn cẩn-thận, hai tay cầm vững tay-lái. Miệng vẫn nói không ngớt về hỏa-tiên bay lên trời, lên trăng, với tốc độ mấy chục mấy trăm ngàn kí-lô-mét, mà chiếc xe «đơ-so-vô» của ông thì cứ chạy cà-rịch cà-tang ra Cáp với tốc-độ 30 cây số một giờ. Chiếc xe con-cóc mua xôn của ông «Các chú» Chợ-lớn, chạy kêu rầm-rầm không thua tiếng phi-cơ phản-động-lực. Bộ-hành đi hai bên đường không thể nhìn cười được. Một bầy bò đang ăn cỏ trên đám ruộng cạnh đó cũng ngược mắt lên nhìn

sửng-sốt. Ông điềm - nhiên hỏi bà Tú :

— Em biết tại sao anh thích chiếc xe này không?

— Không.

— Tại nó kêu rầm-rầm, anh khỏi bóp kèn!

Người ta tắm khá đông trên bãi biển Vũng-Tàu. Ông Tú ngừng xe ngay chỗ có một nền nhà bỏ hoang, cởi lẹ giầy, vớ, quần, áo, cà-vạt, vút trong xe, chỉ còn mặc chiếc quần đùi rằn-ri của Nhứt-bổn. Rồi ông mở cửa xe, chạy tuốt ra biển, bơi tuốt ra ngoài xa... nhò-dùa với sóng...

Bà Tú mỉm cười âu-yếm trông theo ông Tú. Bà thông-thả cởi áo quần, còn mặc may-dô màu hồng, bước dệu-dàng, thướt-tha... trên bãi bể... Bà rụt-rè, chưa dám xuống nước vội.

Bà đưa cánh tay nồn-nà ra ngoác gọi chồng :

— Minh ơi! Minh! Vào đây giặt em...

Bà Tú không muốn nghi đến chuyện lên Trăng nữa!

Diệu-Huyền



* BẮT TAY

Đi dự một đám cưới ở nhà thờ về, đưa nhò hỏi ông bố:

— Ba ơi Ba, sao hai vợ chồng làm lễ cưới trước bàn thờ Chúa, lại bắt tay nhau chi vậy?

Ông bố trả lời:

— Tục-lệ vậy đó, con à. Cũng như hai người lên vũ-đài đánh boxe, trước khi choàng nhau cũng phải bắt tay xã-giao vậy đó.



không ngăn nổi cảm xúc, Ngọc vội bỏ ra về trước sự ngạc nhiên của Hoàng và Thành.

Bần thần xuống cầu thang, ra đến đường cái, Ngọc ngừng lại quay lui nhìn vũ-trường một lần cuối rồi lặng lẽ rảo bước sang đường.

Trời Sài Gòn về khuya, dạo này hơi trở lạnh. Phố xá đã yên ngủ tự bao giờ.

Thình thoảng, một cơn gió nhẹ, từ hướng bờ sông lùa vào giữa lòng đô-thị những hơi mát đến rộn người.

TRUYỆN NGẮN



Alice

★ NGUYỄN-THU-MINH

Đ I Ệ U slow trầm bổng, êm - dịu mở đầu cho không - khí vũ-trường về khuya thêm phần mê-ly, hấp dẫn, cũng vừa đúng lúc Ngọc bắt đầu cảm thấy nao-nao, chán nản về một niềm thương yêu đầy xót xa chạy sâu vào tiềm thức, sau khi Lan khẽ lắc đầu, nhếch môi, mỉm cười đứng dậy chào Ngọc, để ra nhẩy với người khách lạ.

Ngồi nhìn theo hình dáng thướt - tha, yêu - kiều của Lan bước nhẹ qua từng nhịp trống, xen lẫn trong đám người quay cuồng giữa sân nhẩy, đề rồi như

ALICE

Ngọc sửa lại cổ áo cho đỡ lạnh, bình thần lấy thuốc ra đánh diêm châm hút. Hơi thuốc làm anh âm ảm lòng, và cảm thấy dễ chịu. Anh tự nhủ thầm như đề an ủi nỗi nhớ thương, tiếc rẻ những sự việc đã đến và đi trong cuộc đời của anh. Kề cả cái may lẫn cái rủi. Cũng như tình yêu và sự đau khổ!

Thật vậy, ai có thể xóa bỏ một cách nhanh chóng và dứt khoát lòng chân thành của tình yêu ban đầu, dù rằng vì tự ái, cuộc sống vạt chất đã làm ngăn cách...

Ngọc miên man suy nghĩ và đi lần về phía bờ sông.

Gió mỗi lúc thêm lạnh buốt cả hai bên tai, nhưng Ngọc vẫn cảm thấy một cái gì thích-thích, xen lẫn một ít buồn ngủ. Chính những lúc lẻ loi, yên tĩnh như vậy, anh mới hiểu thấu được lòng anh hơn bao giờ cả, — và biết rằng đã tự dối lòng mình nhiều quá. — Ba năm qua rồi chứ mới mẻ gì. Bây giờ thì anh cảm thấy đau khổ, chua xót nhiều hơn là nhớ thương.

... Hồi đó, chỉ vì những ham thích, ước muốn nông-nòi, Ngọc nhất quyết rời bỏ thành phố Huế

để vào Sài Gòn, bằng cách mượn có đề dễ dàng tiếp tục sự học. Già từ không chút luyến tiếc, kể cả người em — người yêu — bé bỏng rất ngây thơ còn cắp sách đến trường, chưa đầy mười tám xuân xanh, đã gửi về Ngọc tất cả mối tình đầu vừa hé nụ.

Nàng không đẹp nhưng hiền lành, dễ mến, đôi mắt trong đen, mơ buồn, diêm trên hai gò má cao, phơn phớt hồng, làn môi mọng đỏ. Thật là cả một mùa Thu như thu gọn ở nàng. Thế mà Ngọc dám từ bỏ.

Vào Sài Gòn, Ngọc thuê được một căn lầu nhỏ, hẹp nhưng sáng sủa ở đường Cô Bắc, gần ngã tư Đề Thám, ngay trung tâm thành phố.

Tháng đầu vì mãi mê say với cảnh lạ lẫn công việc làm ăn hàng ngày, anh không hề quen biết một ai, kể cận. Sự thật thì một phần lớn là anh hay đi về thất thường, thêm vào đấy bản tính không mấy thích làm quen. Nhưng một hôm, tình cờ sau khi dự tiệc ở nhà người bạn về đã gần tám giờ tối, lại gặp rủi, hôm ấy khu vực anh ở bị cúp hơi điện thình lình, thành-thử không chuẩn bị

dèn-dóm trước. Trong khi mãi loay-quay suy tính thì có tiếng của người con gái ở kế bên hỏi vọng sang :

— Bên nhà không có đèn thấp sao ông ?

Ngọc chưa kịp đáp và nhìn kỹ, thiếu nữ đã tiếp :

— Ông chịu khó chờ chốc lát, tôi vào lấy đèn đưa sang để ông thấp tạm vậy.

Nói xong, thiếu nữ vội bước nhanh vào trong, lát sau một em bé — có lẽ là em thiếu nữ — chạy sang trao cho Ngọc cây đèn cây đã thấp sẵn. Thế là anh chỉ còn biết nhận lãnh và nhờ em bé chuyển lời cảm ơn của anh lại với nàng mà thôi.

Câu chuyện giúp nhau chỉ có thế, mà ngay đêm hôm ấy, Ngọc không tài nào chợp mắt được. Hình ảnh người con gái kế cận xa lạ, cứ ám ảnh anh mãi. Rồi Ngọc tự nghĩ, sáng hôm sau thế nào cũng phải kiếm cách gặp gỡ để tìm biết thiếu-nữ đã có lòng tốt giúp anh trong lúc tối lửa tắt đèn này.

Nhưng, thời gian trôi qua trong xa lạ, bần-khoăn, thắc mắc ngập lòng, cho đến nửa tháng sau mới có dịp đối diện với thiếu-nữ tại

một hàng sách khi anh đến đây thăm người bà-con. Giữa lúc chuyện trò vui vẻ thì thiếu nữ xuất hiện một cách đột-ngột. Với khuôn mặt trái xoan, làn da trắng mịn, sống mũi thẳng, cao, chứng tỏ nàng là người lai Tây-phương hết chín mươi phần trăm.

Thoạt bước vào hiệu sách, thiếu nữ khẽ nghiêng đầu chào và tiến thẳng đến chỗ hai người.

— Ông cho tôi mua vài bản nhạc mới ạ.

Nhìn thiếu nữ xinh đẹp, duyên dáng, Ngọc vội trả lời thay người bà-con :

— Cô cần mua bản nào, xin cho biết để chúng tôi kiểm.

Vừa nói anh vừa chỉ sang người bà-con, và giới thiệu là chủ hiệu sách ở đây.

Thiếu nữ điềm nhiên nhìn anh, đáp rất duyên dáng :

— Hẳn ông là khách ? Vậy, cho tôi xin lỗi ạ.

Ngọc vừa kịp gạt đầu đáp trả, thiếu nữ đã tiếp :

— Tôi nhớ hình như ông ở gần đây thì phải ?

Tình cờ nhờ câu hỏi ấy, mà Ngọc có cơ hội làm quen với thiếu nữ cùng biết rõ nàng chính

là người thiếu-nữ ở kế cận đã biểu anh cây đèn đạo họ.

Và, chỉ ít lâu sau, Ngọc hoàn toàn chinh phục được nàng. Anh yêu say với tất cả lòng chân thành, đặt vào nàng một nguồn tin vô cùng cao đẹp nhất của cuộc đời anh, đến nỗi anh không dám đem ra so sánh hay phân tách, dù đôi khi nàng đã làm anh đau khổ, điên cuồng. Anh thường tự nghĩ, trong tình yêu thương cần được rộng lượng và sẵn lòng tha thứ cho nhau những lỗi lầm. Mà, cũng chính nhờ những lỗi lầm ấy, tình yêu mới có giá trị và lâu bền.

Điều này, ngay như vài người bạn thân mỗi khi gặp anh, thỉnh thoảng thường vỗ vai anh cười bảo :

— Cậu thật là con người hạnh phúc nhất trên đời này. Chúng mình chỉ mong được một phần nào như cậu thôi, cũng chẳng được.

Gặp những lúc ấy, Ngọc chỉ biết mỉm cười cảm ơn chứ không biện bạch.

Cuộc đời tình ái giữa Ngọc và nàng cứ kéo dài mãi hơn ba năm trời, không may may gặp

sống, tưởng đâu còn tươi đẹp hơn lên thì vào một sáng mùa thu, sau khi Ngọc thức dậy sửa soạn đến sở, bỗng nàng tìm đến với vẻ mặt khác thường. Tuy nàng chưa nói ra, Ngọc cũng đã thầm đoán trước việc sắp xảy ra sẽ không vui gì, qua cử chỉ dẫn đo, e dè của nàng gần tuần nay.

Ngọc muốn mở đầu câu chuyện nhưng không hiểu sao như có gì chận lấy cổ họng anh, khiến anh chỉ biết làm thinh nhìn nàng, chờ đợi. Kết quả, là nàng vẫn phải khởi đầu câu chuyện.

— Em muốn nói với anh một chuyện... từ hai hôm nay, nhưng cứ lo nghĩ mãi mà không dám nói ra, và bây giờ thì em nhất định phải nói thật, dù anh khinh bỉ em, nghĩ sao về em cũng được...

Ngọc như người mất hồn, tức tối hỏi :

— Việc gì em phải ấp úng mãi thế, nói ngay ra đi là chúng mình không còn yêu nhau được nữa ! Em cần phải có một người yêu giàu, cho em xe hơi, nhà lầu... Phải vậy không ?

Nàng vẫn lặng thinh cúi nhìn xuống sàn gác, nói rất nhỏ :

— Không phải thế, nhưng..., trước sau em vẫn yêu có mỗi mình anh...

Như diên tiếc, Ngọc đứng dậy mở hộc tủ, lấy tất cả thư từ và hình ảnh của nàng trong bấy lâu, cầm gói tung tóe ra sàn nhà trước mặt nàng, héi lớn :

— Xin cô hãy cầm lấy hết của quý ấy mà rời khỏi đây ngay cho tôi nhờ. Và tôi xin kiếu cô, vì không còn thì giờ tiếp chuyện được nữa l...

Nàng bỗng òa ra khóc nức nở trong khi Ngọc uất ức bỏ ra đi... Đến trưa về, Ngọc thấy đồ đạc trong phòng sắp đặt lại có thứ tự và giữa bàn có một mảnh giấy vụn vụn mấy giòng như sau :

Anh Ngọc,

Gia - đình em sẽ dọn đi nơi khác, có lẽ xa Saigon lắm. Và, cuộc đời em cũng bắt đầu thay đổi từ giờ phút này. Ngờ gặp anh, để nhờ anh định đoạt giúp em trong lúc buồn khổ này. Nhưng, chúng ta đã không hiểu được nhau, e số mệnh đã không định thế thì phải. Em hoàn toàn

nhận lãnh những lời trách móc của anh vậy. Kính chúc anh có nhiều sức khoẻ và hãy quên em.

ALICE



N G O C thần thờ ngồi nhìn khung trời đang sầm dầm, miệng huýt sáo một điệu nhạc buồn mà anh không nhớ rõ đầu đuôi. Tự nhiên anh thấy lòng đau nhói. Hình ảnh người con gái ngày xưa lại hiện về như thăm trách anh... Không muốn nghĩ ngợi đến những chuyện xảy ra cách đây hơn hai năm rồi, người con gái mới mười tám tuổi đầu mà đã biết phụ bạc một cách trắng trợn đối với anh. Anh vội lắc đầu, quay vào trong, cố làm một việc gì để khỏi nghĩ ngợi thì có tiếng Hoàng ngoài ngõ gọi vọng vào.

Nhận ra Hoàng và Thành đến chơi, Ngọc hầu như quên hẳn chuyện buồn, vội chạy ra công đón bạn vào nhà. Trò chuyện được ít lâu, Thành và Hoàng liền đề nghị tổ chức một cuộc vui bằng cách là đi nhảy. Ngọc muốn từ chối nhưng cuối cùng cũng phải nhận lời. Ba người

đưa nhau đến một tiệm nhảy ở góc đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Thái Học.

Bước vào trong, chưa kịp ngồi xuống ghế. Một vũ-nữ đã bước lại chào ba người, xong kéo ghế ngồi cạnh Thành trò chuyện...

Những nhịp điệu cha-cha-cha, bi-bốp, rốc cuồng nhiệt được xử dụng một cách rất thần tình. Ngọc say sưa vui đùa, ngồi ngắm mọi người quay cuồng. Bỗng anh giật mình kinh ngạc, chợt nhìn một cô vũ-nữ đang tiêng gần về phía anh, sau khi dứt một bản nhạc.

Ngọc chớp mau đôi mắt, sững sờ gọi khẽ tên người vũ-nữ, mà anh tưởng như trong giấc mơ. Nghe tiếng gọi, người vũ-nữ quay lại nhìn anh qua một phút xúc cảm rồi tiến đến bàn anh. Người vũ-nữ ấy chẳng ai xa lạ, chính là Alice của anh ngày xưa. Ngọc không ngờ từ một cô gái thuộc gia đình nề nếp, ngây thơ, hiền lành chỉ trong hai năm trời đã bước nhanh tới địa vị một cô gái nhảy.

Lúc đầu Ngọc hơi bàng-hoàng nhưng rồi cũng lấy lại bình tĩnh, kéo ghế mời Alice ngồi.

— Alice vẫn mạnh chứ? Để thường có gần ba năm nay, bây giờ mới gặp lại nhỉ?

Hoàng và Thành thấy Ngọc trò chuyện với Alice có vẻ thân thiết liền hỏi :

— Ô, cậu cũng quen biết Lan lâu rồi ư?

Ngọc gật đầu :

— Hồi trước ở cạnh nhà mình!

Quay lại phía Alice, Ngọc hỏi nhỏ :

— Nếu không làm em buồn phiền, em có thể cho anh biết rõ vì sao dạo ấy em từ bỏ anh một cách đột ngột, thần nhiên đến thế, và tại sao em lại vào đây?

Alice vẫn nét mặt cố làm vẻ thần nhiên, nhưng không dấu nổi sự đau khổ, đè nén bên trong, đáp :

— Tốt hơn là anh đừng nên tìm hiểu nữa. Thời gian đã thay đổi và hoàn cảnh cũng đã khác hẳn rồi.

Ngọc hơi sốt ruột, nói có vẻ tức tối :

— Ô, thì ra bây giờ anh mới rõ sự thật phân-bội ngày nào của em. Đúng như anh dự đoán.

Nghe thế, Alice vội quay lại nhìn Ngọc trên trời, tức giận hiện rõ trên khuôn mặt :

— Con người như anh giờ đây lại có thể thốt ra câu nói ấy được sao ? Trong tình yêu, anh đã hy-sinh những gì, làm những gì đối với người yêu nào ? Trong lúc em đang gặp những sự đau khổ, cần được an ủi, vỗ về, giúp đỡ thì anh lại hời-hợt nghi ngờ, xua đuổi. Thử hỏi, có người con gái nào có thể chịu đựng được ?

Rồi không kịp đề Ngọc phân trần, Alice liền đứng dậy, khế lắc đầu, nhếch môi, nói tiếp :

— Anh nên nhớ rằng chính anh đã làm hỏng cuộc đời em đấy ! Tập cho em yêu và làm cho em khổ... À tí nữa lại quên, mong anh từ nay hãy gọi em là Lan, nếu có gặp ở đây, chứ tên Alice đã chết từ ba năm nay rồi ! Anh nhớ giúp em lần cuối đây nhé !

Xong, Alice bỏ ra nhảy với người khách lạ, như khiêu khích, khiến Ngọc đau xót, đứng dậy bỏ ra về...

Chợt có ánh đèn từ giữa lòng

sông của chiếc tàu tuần rọi hắt vào mặt, làm Ngọc giật mình, không ngờ anh đã đi ra đến bên tàu tự bao giờ.

Một luồng gió lạnh từ ngoài sông lùa vào, làm Ngọc hơi buồn buốt trong lòng. Anh vội quay trở về nhà, lòng trầm nghĩ... Cho đến bây giờ, anh vẫn không biết tại sao Alice xa anh và anh lại mang lấy tai tiếng không tốt đối với nàng, cũng như cái tên Alice đã đổi ra Lan bây giờ vậy !

Nhưng, điều đó không làm anh buồn khổ bằng cuộc sống hiện tại của Lan, đang đi về đâu ? Có tránh khỏi cảnh người bóc lột người mà Lan đang đánh thử ván bài đầu của cuộc đời không ?

Dù sao, Ngọc cũng tin rằng Lan hay anh đều phải thử cả, mà cái kết cuộc, Ngọc hy vọng sẽ không kẻ thắng hay bại, cũng như những hiềm lăm giữa anh và Lan — hay Alice cũng thế — sẽ xóa tan, một khi tình thương yêu của con người vẫn còn !

Saigon, trọng Thu 61.

NGUYỄN-THU-MINH

NHÀ L Á

mà đòi

NHÀ GẠCH

không đòi

* VƯƠNG HỒNG-SÈN

tình-thần cứng của chị Diệu-Huyền. Đây là chút lễ thành «Khánh Thọ» của tôi vậy.



Tôi phục Anh Bạt-Tụy bấy lâu vẫn tha-thiết với nghề của anh: đi đến đâu, làm gì, anh cũng không quên đề chút thì giờ nghiên cứu về ngôn-ngữ-học, đủ biết anh thương nghề làm sao. Khen người như khen mình, vì tôi cũng cúc-cung tận-tụy với nghề của tôi, nhưng với một cách khác. Mãi đến nay, tôi vẫn chưa «thoát» được chiếc xe đạp cũ rích, cà-rích cà-tang, miễn đi đến sở là xong. Luôn luôn tra bộ đồ «xà-xâu» phai màu, không no, không cà-vát, (bị quả lên quả xuống cũng vì này!) nhưng vẫn thích mặc, vì theo tôi : xe



TÔI có đọc trong Văn Hóa Nguyệt-san, số 59 tháng 3-4 năm 1961, một bài khảo-cứu của ông bạn Nguyễn Bạt-Tụy viết về «những nhà xưa ở Quảng-Nam».

Theo mắt tôi, những tuần-báo, nguyệt-san, có phần nào giống những bánh Trung Thu hay giống những quán giải-khát bên đường. Chúng ta đọc một bài báo như ăn bánh, uống trà ngon hay «xực một cốc kem» : có khi bổ-dưỡng, khi khác phát ách, trúng thực cũng chưa biết chừng.

Vậy xin mời anh Bạt-Tụy cùng tôi ghé nhà «PHỒ-THÔNG». Như Anh Nguyễn-Vỹ mừng lễ «đệ tam chu niên» cho đứa con

kêu, diện tốt, y phục sang, chỉ kén chỗ ngồi, thêm nạn mua đồ trả giá đắt! Thà «xấp-xệ» làm vậy, họa may dành-dụm thêm đồng nào, sẽ cúng vào cô-ngoạn, sách cũ, đề chi? — Đề như anh: học thêm với người!

Không kể đời công-chức hai mươi năm ở phố mười trời nổi tỉnh này qua tỉnh nọ, kể chơi mười năm ngoài trở lại đây, từ năm 1917 lên Sài-gòn, tôi ở đã ba xác nhà gỗ, nát hai còn một. Trong bài hôm nay, tôi rần tả lại theo trí nhớ, một kiểu nhà tôi gặp tại miền Nam, tiếc thay bây giờ đã không còn, dễ như dấp cho anh em biết một lối kiến-trúc lạ, rất hiếm vào thời đại này.

Tôi xin nhắc lại, đây là một nhà ba căn, kiểu bình-dân, dùng toàn lá dừa nước, tre, tầm-vong, trúc, v.v... do bàn tay khéo vò-song của một ông già miền Nam tạo ra, cho ta biết công-dụng phi-thường của giống «quần-lũ trúc».

Tôi gặp nhà này tại làng Thạnh-Thời-An, xóm Tầm-Vu, tỉnh Sóc-trăng, quê tôi-phụ, nay thuộc tỉnh Ba-Xuyên. Không phải đích nhà tôi, mà của người giương, bà con xa. Nhà ba căn, không có chái ở hai bên và không có thảo-bạt ở phía trước. Trong lúc tản cư năm 1946, tôi

chạy vô đây, tưởng ở tạm chơi vài ngày không dè kéo dài hơn ba tháng, mà chưa đành rời. Sau đó, vì hiếu-kỷ, tôi ham mê cái nhà ấy quá đến nỗi đâm khùng trí, không biết gì là khiêm-nhã hay thất-lễ, đành mở miệng nài giương tôi, xin nhượng nó lại cho tôi mà cất cái khác giống y như vậy. Giương không chịu, thét quá tôi nói liều, năn nỉ xin lấy nhà ấy cho được. Đề bù lại, tôi cất cho giương một căn nhà ba căn lớn hơn, cột gạch vách gạch, nóc ngói, nền lát gạch Tàu, xây cất tùy ý ông muốn, bao nhiêu phí tổn về tôi chịu hết, miễn tôi được đôi lấy nhà lá của giương và dỡ nó để đem ra dựng lại tại châu-thành Sóc-trăng, ở cho toại kỳ sở thích. Tôi nghiệp giương cười, coi bộ muốn lắm, nhưng rốt lại không trả lời, cặp mắt hơi ướt-ướt. Giương tôi nay đã không còn, nằm dưới cỏ xanh đầu đó tại làng Thạnh-Thời-An. Cái nhà đặc-biệt ấy cũng không còn, ngọn lửa chiến tranh mấy năm tao-loạn sau 1945 đã thổi hết đem theo cho giương qua thế-giới khác. Mà vì dầu tôi mua được ất nhà ấy cũng đi đời hoặc sang chủ khác, vì tôi nay đã chịu bỏ hết, lia quê cũ, lên đây lập nghiệp lại mới. Tuy vậy, nhắc đến cái nhà kia, tôi vẫn còn tiếc hùi-hụi.

Đó là một kiểu nhà, theo tôi, lạ-lùng nhưt đời, tôi chưa từng thấy một cái thứ hai y như vậy nữa.

Nhà nền đất sét, nền láng phẳng-lý, bóng-nhoáng như nền đá vân-thạch Thanh-Hóa; màu đen-đen, óng-ánh mịn-màng, đi mát chân, thềm không tiếng dội, có chỗ lại nổi vầy u-u như vầy rỗng, đều-đều tựa như trẻ con lấy vỏ sò làm khuôn rồi in bánh đất, sắp thật khéo. Người đi đoan ở miền tôi tin rằng nhà nào đất nổi vỏ sò thì làm ăn khá, không phát tài cũng phát tích. Tôi chưa đi-đoan bằng, chỉ thương nó ở chỗ đi êm chân lắm, mỗi vầy đập ngay nó thì nó ôm hết lòng bàn chân, thấy mát-mát êm-êm, ngộ qua!

Giương tôi, tánh kỹ-lưỡng có tiếng trong vùng, thuật lại rằng muốn nền nhà thềm tốt, trưa-trưa giương không nghĩ, và cái sở-thích là giờ ấy dễ tiêu-khiển, giương lấy bào tự chế kiểu riêng rồi giương bào đất, ủi đất như thợ mộc giồi ván gỗ, chỗ nào xốp thì lấy chày gỗ nện hoài, thỉnh-thoảng lấy nước pha muối tưới lên, chừng nào mặt đất phẳng-lý bóng-lầy mới chịu thôi. Thú thật, tôi đã từng thấy nhà sạch, nhưng chưa thấy nhà nào kỹ hơn nhà giương tôi. Trong kẹt,

trong hóc, không thấy một con kiến hay con gián bò, dưới lu nước hay đáy tủ, cũng như giữa lòng căn, không một lần nứt nở, nhám mốc, mà nứt nhám gì được bởi giương tôi kỹ lưỡng quá kia ma! Giương tôi lấy ván gỗ dày mặt tám tấc lầy kèm dài theo quanh nhà, bảo hại kẻ trộm không trông mong đào gạch, mà chủ chuột cũng khỏi làm ổ nơi đây được.

Vách nhà bằng lá, đan thật khéo, thật kỹ. Kiểu lá bắt chước Cao-Miên, cả vùng đều xai thứ này, gọi là «cần-dốp». Giương tôi tuy không nói, nhưng ý thích thứ lá đan kiểu này, vì có vẻ mỹ-thuật, và khéo hơn là lợp kiểu ta, tuy một đời khi vui miệng giương cũng nhìn nhận, lá cần-dốp mặc dù mỹ-thuật nhưng làm vách chắc không bị lá kiểu ta; lá kiểu ta, theo giương, dựng đây, sắp lụng đều-đều trở bề gáy vô trong thì xem cũng «ngộ đến», nhưt là được cái ăn trộm khó khoét vách, nhưng nói gì thì nói, không nhẹ-nhàng và không mát bằng «cần-dốp». Mỗi lần lợp hay sửa nhà thay lá, thì giương tôi đặt riêng, lựa lá từ khi mới đốn đem về, phơi sạch, trải thêm tiền công cho thợ chọn rông lá già và không rách không sâu ăn, nhưt là đến khi buộc lá thì phải nhớ: tre, lát khải xô cho đều khoản,

lá xâu ép dày và đẽ cho thật khít khao, nẹp tre chuốt nhẵn và đồng một cỡ y nhau, mắt tre lấy sạch, vót thật đều không khác đã lũa rồi trong bàn keo chỉ của thợ bạc thợ đồng. Lá đan khéo làm vậy mà lối năm 1946, chỉ bán sáu bảy đồng bạc một thiên, tức một trăm lá không đầu, — chẳng bị mấy năm sau này, lá xấu hơn mà bán đến một đồng bạc mỗi tấm, tính ra như hiện thời lợp được một cái nhà năm căn tốn kém không dưới mười ngàn đồng bạc mỗi lần, và lợp đi lợp lại đôi ba lần, còn nhiều tiền hơn làm nhà nóc ngói. Tuy vậy, lúc trước miền Nam đồng-bái vẫn thích lợp nhà bằng lá hơn làm nhà ngói, vì lá nhẹ-nhàng, gặp gió bão không sợ rủi ro, (rủi không lỗ đầu) thêm mát mẻ, đỡ tốn tiền rui-mè cột-dổ. Lại nữa, thuở ấy chỗ ruộng nào sâu cấy lúa không xong thì sẽ đẽ cho lá mọc, chỉ tốn công đốn, chớ nào tốn tiền mua! Đứng trong nhà giương tôi, ngó vô vách hay ngó lên nóc, người nào có óc mỹ-thuật đều phải bài phục cái sự khéo và kỹ của ông này và tưởng đâu đó là một tấm thảm lá, một bài thơ «*thủ công*» của một tay thợ lành nghề trải dăng ra đó, quên rằng đương đứng trong nhà lá của một ông già sống độc-thân từ

ngày người cô tôi từ-trần chơ đến lúc tôi gặp lại, thì đầu hoa râm, tuổi đã ngũ tuần, nhưng sôi sảng lanh lẹ, đàn ông thợ lối bốn-mươi không bì. Giương tôi có tánh kỹ-lưỡng đến mức gần như «*khó*». Mỗi kỳ hai năm thay là nóc, thì giương nhờ lối xóm, theo tục-lệ ông bà xưa, đến làm nhà theo kiểu «*vườn công*». *Làm vườn công*, (bây giờ theo danh-từ mới, gọi *di công tác*), là một phong-tục cũ rất qui: vừa đỡ tốn cho người chủ có việc, vừa tỏ tình tương-trợ lẫn nhau, chỉ tốn kém chút ít về trà, thuốc, nước nôi, lại được kết chặt tình người lối xóm. Nhưng muốn đến lợp nhà lợp vách nhà giương tôi thì phải biết ý giương, một là khéo tay, hai là phải kỹ-lưỡng. Lạc dũa, lạt tre, phải chẻ cho thật đều, đầu nào chuốt nhọn (đầu gốc) thì phải trui sơ lũa rơm cho thêm cứng mình, đầu không rách lá, thêm nhẵn-nhụi dễ coi; — đến khi lợp hay làm vách, lúc xô lạt thì phải nhờ xô cách khoảng bằng nhau và cột thật chặt thật khít khao, mỗi lá lại phải so đều, không dài cũng không vắn, như vậy mới là «*mỹ thuật*». Giương tôi sẵn tánh phong-lưu, tuy không dư dả nhưng dăm ăn dăm xài. Giương dãi người làm vườn công

luôn luôn có rượu để «*lên bọ*» và gà mềm vịt béo. Nhưng ai không biết ý, ăn uống hơi-hợt giương chớ hề nói, duy làm lấy có, làm đối-trá thì giương làm nhục cho biết chừng. Đang ngồi trên nóc, lợp lá, xô lạt, loi nhặt không đều, giương tôi đứng dưới thấy được thì lấy làm gai mắt. Một khi không vừa ý, giương có cách trừng phạt khéo lắm. Giương giả khen đòi không ngọt miệng, rồi mời cho được người ấy bước xuống, giả mời uống trà, ăn thuốc, cho nghỉ xả hơi no nê, rồi giương bắt đứng luôn dưới đất, bắt đưa lá lên cho người khác thay tay đỡ lá xiên-xẹo ra lợp lại ngay gần cho người ấy xem, như người ấy biết lỗi, xuống nước thì giương cầm ở lại đun-nấu làm cơm, như người ấy giàu lòng tự-ái thì giương chịu tiền xe hay lấy xuống sai trẻ đưa về, chớ giương nhất định không dùng con người tằm-phào bọc-lều như vậy. Giương tôi lảng nói: «*Không đợi đến giàu mới có mỹ-thuật! Nghèo mà kỹ-lưỡng thì mỹ-thuật sẵn trong tay! Và mỹ-thuật trong cảnh hàn-vi mới quý*».

Nói chính đáng, bà con trong xóm đều biết ý giương

tôi: tuy khô-khắc là khô khắc về cách dọn dẹp sửa chữa nhà cửa, kỹ trung tốt bụng, cơm rượu vĩ-vèo không chỗ chê, nên nói gì thì nói, giương khó cách mấy mà những người làm vườn công cũng tụ lại đông tiếp tay giúp sức, duy làm nhà rồi, thế nào họ cũng bắt đền một bữa cơm tự tay giương tôi nấu bếp, phải có cá nướng trui, thịt heo giả cày, rượu nôi bọ, òi họ đánh chén đến lán củ, thì giống gì lại chẳng quên?

Ngày tôi mới lại ở, tôi xem các cột nhà, tưởng thăm trong bụng: đó chỉ là cột tre, duy có lớn hơn loại tre thường thấy vậy thôi. Ở được vài bữa, tôi xem kỹ lại, khiến tâm phục và sợ quá. Giương làm sao mà các cột tre lên nước thâm đen, bóng huyền, như cột danh mộc, không gỗ trác, cũng là gỗ cũ. Hỏi ra, giương cất nghĩa: tre đốn đợi tốt trời, cho it bị một ăn, — đoan thật lủng mất phía trong cho ăn luồng nhau, đem ngâm một mùa trong ao đĩa cho thấm nước, lấy lên, dòn muối hột vào, chèn nhét cho thật cứng, lâu ngày muối dòn quanh lại, cứng chắc không thua «*cột ciment cốt sắt*». Càng lâu ngày, chất mặn trong muối ra ngoài thấm

nhuần vỏ và thịt tre, giởng sẽ lấy nùi giẻ nhúng dầu cặn dầu cũ xe hơi, chùi vào cho nên cột trở nên bóng lưỡng, bóng như gương soi mặt. Như đã nói, trong nhà, từ vách đan bằng tre kẹp lá, đến cửa, phèn-rui cũng bằng tre, đòn tay thì bằng tầm vòng, sáo bằng trúc, nóc cũng lá, rõ là một cái nhà hoàn toàn bằng lá và tre. Thậm chí, trong buồng, chỗ giởng tôi ngủ, tôi để ý thấy sát vách có một cây cột tre đứng trên đầu nầm. Hỏi ra, giởng tôi nói trong nhà duy có cây cột ấy bông ruột, và lấy ra được. Giởng cười mà nói tiếp: «Đó là con heo con cũi của gã, vì cột có khoét lỗ nhỏ đủ lọt đồng xu cắc bạc, già bố ống chờ khi nhắm mắt, con cháu trút ra cũng đủ cúng giỗ cho già một bữa cơm ngon!» Tôi khám xét kỹ, thật trong nhà không một mảnh gỗ tạp, gỗ dàu. Đây Quả là một nhà trúc của người «quân-lữ-trúc». Giởng tôi gan tốt bụng «maniaque» đến nước ấy là cùng: Giởng sợ lời chỉ-trích vu-vơ, cho đến đôi giởng nấu nướng cũng bằng củi tre, và múc nước sông giếng cũng bằng gàu tre có trét chai, chớ không dùng thùng thiếc như ta thường thấy. Mà một người sanh bình thích tre như giởng nên chà tre, dăm tre chung quanh làm gi

hết, nhưng không bừa bãi và vẩn ven khéo, «mỹ-thuật» mà! Tôi thấy mỗi ngày giởng nấu ăn mà bắt thêm. Tinh coi nhà không đàn bà trẻ con, thế mà vẫn cách vật phong-lưu: tự nấu cơm đủ ăn một mình, bằng một tay cầm luôn luôn chùi lau sạch sẽ như mới. Cơm chín đổ ra thố sành, lấy nắp đậy lại. Nấu thêm ba món đồ ăn: một canh, một xào, một kho, món nào món nấy, ngó thấy tôi mới hiểu tại sao đàn bà thường hay lé mắt! Ba món để trên nĩa tre, đĩa tre chuốt mới, so đều, mâm cơm dọn lên gường tre, giởng tự mới rồi tự ra ngồi, không quên chừa một chén và một đôi đĩa «cúng vong», tưởng niệm người bạn trăm năm vắn số. Tôi ngồi đồng mâm với giởng lâu ngày thăm mật tôi thấy tôi không xứng đáng làm khách đồng bàn với giởng chút nào! Giởng tôi nói: «Không có cơm gì ngon hơn cơm tay cầm; nhưt là tuổi trẻ, vét cơm cháy nhai chơi giòn rụm, còn giòn hơn bánh mì Tây!» Giởng thêm: «Nhu già này muốn tốt trót đời, nên phải ăn một đọi, nói một lời». (1) Còn như châu, còn sung.

1.— Đọi: tiếng Huế, đồng nghĩa với «Liễn» ngoài Bắc, và «thố» trong Nam. Ăn một đọi rượu cơm: sức ăn hơn một người bực trung.

sức, còn đương thời, có đôi thì cứ lục cơm nguội và ra hàng xóm còn thiếu gì đồ ăn sốt dẻo khác! Ngày nay giởng đã ra người thiên-cổ. Tôi xin trả lại giởng lời nói hiểu đời, lúc đó làm tôi mắc cỡ thắm, nay lặp lại tôi còn ngượng miệng! Giởng nói chơi hay nói thiệt? Và thưa giởng, tôi là người như thế hay sao? — Xưa tôi lêu lổng bao nhiêu, nhờ có trời, nay đã tu tỉnh nhiều, chớ chi giởng còn sống, giởng sẽ cười mà không trách ôi như vậy nữa!

Tôi quên một tiểu tiết rất quau trọng! Trong nhà giởng tôi, tấm vách ngăn hai bên chỗ bàn thờ ông bà, và vách giữa có tran thờ Quan-Đế, — vách này làm bằng lá «buôn» (1) trắng và sạch, trắng hơn và khéo hơn lá buôn thường thấy. Hai bên cửa buồng, ăn thông nhà trên ra nhà sau, có hai cánh cửa bật. Ban đầu tôi tưởng đâu là giởng tôi có tánh ham gỗ trắc mau lên nước bóng, nên đã tạm dùng trắc rồi đây! Tôi định một bữa nào đánh chén vui miệng sẽ kiêu ngạo chơi cho biết! Sau coi kỹ lại tôi giật mình: nếu trắc, làm sao tiện khéo quá làm vậy được? Những «lóng trúc», những «mắt tre» xem như thật,

vừa đen màu kiếng gián, vừa bóng-lộn vừa khéo một cách thiên-nhiên. Tôi thú thật với giởng tôi và giởng thuật lại khiến tôi tá-hỏa, càng sợ một người có tánh cầu kỳ tốt bụng. Giởng nói muốn gia «trắc tiện», già «lóng trúc lên nước», giởng đã nghĩ ra lấy cây thiên-nhiên giả tạo mời thần tinh, và hai tấm cửa buồng ấy đích thị là bằng cây mía giãn tu. lớn cây. Ban đầu giởng lấy mía già, ngay thẳng, đem ngâm một mùa trong ao bùn... đợi khi ruột mía mục nát lỏng ruột, khi ấy giởng lấy lên chờ cho khô mình, sẽ un khói và sửa trên lửa dịu cho thêm ngay ngắn. Rồi cũng phương-pháp lấy muối hột làm sục mạnh, dồn muối cho thật no, khi nào cây mía dễ đặt, cứng mình, thì có thua gì gỗ danh mộc, và hà tất mỗi mỗi cầu cứu mua đồ ngoại bang! Giởng tôi bồn thần đan cây mía với dây mây chuốt mịn, ngoài kèm hai bờ tầm-vòng tầm

(1) Lá buôn: là đan bằng lá dừa nước còn non, tuy trắng, đẹp nhưng mỏng manh, dùng trong nhà làm vách, làm trần, không dùng lợp và làm vách chịu mưa gió được.

dầu dừa và xông khói cho đến trở màu kiếng gián như da gỗ trác. Cây mía đan thật khít khao, đều đặn, hèn chi với cặp mắt cận thị «ba chớp bốn sáng» tôi chẳng cho ông già kỳ quái lấy cây trác mà con mắt mình: — nghĩ cho đời tôi «*lúc đó thua già, bây giờ thua trẻ*» thật là đáng kiếp! Giương tôi nói nước Nam là nước nhiều giống tre, tại sao ta không khéo tay như người Nhật? Vả lại, cây tre rất chịu xông khói: tre, là có khói xông mỗi ngày, không mối một ăn, tội gì mua sơn ngoại quốc? Nhà nghèo có món thuốc khử mối thần tinh là *khói bếp*. Ông bà xưa thường dạy làm vậy, nhưng trẻ đời nay vẫn chê ông bà quê mùa dốt nát, thích sơn Tây, và bây giờ tìm cho được sơn Huê-kỳ mới đẹp mắt mà thôi. Một hôm ngồi tán dóc trên bộ tràng-kỷ tre góc, lên nước đổ như cây táo Tàu, giương tôi mời tôi nhìn kỹ chiếc quạt tôi đang cầm phe phẩy trên tay. Vốn tôi tưởng đó là cây quạt ba xu bán ngoài chợ Sóc-trăng, giương mua về quạt lửa, nên không nường tay chút nào. Chẳng giương mời, tôi xem kỹ lại. Mèa ôi! Đây là chiếc quạt quái gở như lão chủ của nó! Công phu làm sao? Ngày giờ đầu giương dùng, để tự tay đan lấy cây quạt từ cán đến la sương, đến bồ tre, mảnh tre

làm thân quạt, toàn rút trong một gốc tre già, chẻ tách thế nào mà không bỏ sót một phần hữu dụng, uốn cong chèn nhét nội bao nhiều đó mà xếp thành một chiếc quạt lạ lùng, không một miếng tre khác pha vào, tự một gốc tre tự tạo lấy mình ra hình cây quạt, khéo léo vô song mà ít người biết (*vật đặc thiếu non tri*). Quả là một mỹ thuật-phẩm lạ mắt, uống thay giương tôi đã mắt, ôm tài lạ xuống mồ. Bộ kinh-tế với chuyên-viên ngoại-quốc có cấp-bằng mắt một dịp biết tài người bản xứ tuy kém học nhưng óc sáng chế nào thua ai!

Tóm lại, cái nhà toàn bằng tre, trúc, tầm-vòng, lá, của giương tôi, nó khéo vì nó là tượng-trưng nghề đan đất Việt-Nam, đan đất bằng một dụng-cụ Việt-Nam là cây «*Mác vót*» công-dụng như lưỡi dao thần; cái nhà này kỳ lạ nhất đời vì nó chỉ rõ công-dụng cây tre thật là rất lớn, từ chiếc dũa nhà nghèo đến cây bút con nhà học trò, xuyên qua cái nhà, và bao nhiêu đồ từ-khi người Việt-Nam đều làm bằng tre, thiệt không hổ danh «*tre*» là *cây «quần tử» tượng trưng linh-thần một nước!* Tiếc thay! mặc dù với cái tật gần mê đồ gỗ như tôi, mà năm đó tôi không

cứu được cái nhà này để làm bằng chứng cho một nghệ-thuật «*có một không hai*», và để làm kiêu cho người hiểu kỹ thấy mà bắt chước. Tâm ý của giương tôi xét kỹ lại vốn không gàn đâu, và ý-nghĩa của cái nhà bằng tre, lá là để chứng tỏ «*mỹ-thuật ở đâu cũng có*», «*không đợi phải giàu sang mới biết mỹ-thuật*», và «*khi người nghèo có óc mỹ-thuật, với dụng-cụ thô, kém mà tổ được mỹ-thuật, thì mỹ-thuật ấy mới quả là tài tình, là chơn mỹ-thuật*».

Cũng may, tôi có cứu được một món ngoạn-vật do tay giương tôi chế-tạo và tặng tôi năm ấy, tôi quý hơn cả đồ sử lâu năm, vì đây là món kỷ-niệm duy nhất của một người thợ lành nghề nhưng mai một trong tăm tối. Đó là một hình-nhơn cao độ hai tấc tây, bề kính-lâm non một tấc, tạc trong một gốc tre già, nhặt mắt. Giương tôi đã đẽo gốc tre ấy nên hình một ngư-ông Tàu, dọn theo kiểu người Mãn-Thanh, trên đầu có chừa đuôi bím nguyên là gốc tre xơ và rễ con rễ nhỏ, giương lấy đó «*tương kế*» đan «*thắt đuôi bím*» in hệt như thật. Chung quanh cái bím ấy, giương gọt nhẵn-nhụi giống y cái đầu trọc của một lão Trung-hoa già thời xưa, có cả những mụn ghê chóc do những thớ tre biến-trở trong vừa phục tài vừa buồn cười. Thiệt là khéo quá sức tưởng-tượng. Già thử ngày nay giương tôi còn mạnh giỏi, cứ tạc

hình người trong gốc tre làm vậy bán ra, lo gì không tiền đánh chén và đường-lão dư-dật. Trên vai ngư-ông có quang một chiếc áo toại và một chiếc nón lá kiêu Quảng-Đông, áo toại vẫn bằng rễ tre để nguyên sửa cắt tếm khéo lại chút ít, còn chiếc nón thì khỏi nói, vốn trong thân tre già trở nên, Dưới chân ngư-ông, giương tôi tạc gốc tre nên hình bàn cẳng «*nhà quê*» đập trên một cái giỏ tre đựng cá, tựa hồ đây là một ông già kiêu «*giương tôi*», vừa lo bắt cá vừa lo bợm-bãi rình giựt giỏ nên sớm liệu đề-phòng. Bao nhiêu cử-chỉ già-giận, bao nhiêu nét gân-guốc đều giấu kín trên khuôn mặt một người già kinh-nghiệm thêm còn đủ sáng-suốt thà làm một người dân lương-thiện gần như gàn, «*ai mặc ai, ta mặc ta*...»: cặp mắt cương-nghị, miệng cười bao dung, «*trùng làm đời nhưng chẳng ỷ ghét đời*», y phục ấy, bộ vậ ấy, quả y như đời sống. Nay tôi may giữ được món kỷ-niệm quý hóa này, tôi trọng nó hơn các đồ-ngoạn khác, và mỗi khi lấy ra ngắm soi, là mỗi lần như tôi thấy giương tôi trước mắt, một «*ông già khéo tay khéo trí, xảo thủ vô song*», mà tôi tuy bất tài, cũng đã học được cách ăn ở đời, lấy thú chơi tre làm gốc!

Hôm nay «*Phổ-Thông*» được ba tuổi; chớ tôi ước-ao cho nó sẽ trở nên một gốc tre đáng để dành nư vậy.

(Gia-dịnh, 25 - 9 - 61)

Một giấc Mơ hoa



(Tiếp theo P.T. số 67)

* DUYÊN-HỒNG

* 8-5 ● 10 giờ đêm.

Tối nay rồi, xem lại Nhật-ký từ ngày đầu, thấy trước đây Hồng không tránh khỏi có một vài ý-nghĩ ngờ-ngàn. So-sánh Hồng lúc tháng Giêng, tháng Hai, tâm-hồn còn ngây-thơ trong-trắng hoàn-toàn, với Hồng hôm nay, thấy không giống nhau nữa rồi! Kiểm-điểm lại thời-gian, từ tháng Giêng đến nay mới có 5 tháng mà đã liên tiếp xảy ra 2 việc, đối với Hồng là 2 việc rất «quan-trọng»!

MỘT GIẤC MƠ HOA

1^o) Ngẫu-nhiên gặp Hải trong Sở-thú và cùng đi với Hải quanh Hồ Sen hơn một tiếng đồng-hồ. Sau đó thư từ trao đổi mấy lần, lén-lút, Thầy Me và cả nhà không ai hay biết.

2^o) Nghe bà K.T. nói chuyện với Me, bà muốn dạm hỏi Hồng cho con giai của bà.

Hai vụ này đã xảy đến cho Hồng rất ngẫu-nhiên, và hình như đã thay đổi khá nhiều tính-tình và ý-nghĩ của Hồng. Nhưng tại sao thay đổi chóng thế? Hồng muốn thử phân tách ra xem...

Một điều chắc-chắn, là Hồng không còn là một con bé «vô tích-sự» nữa. Hồng đã «đóng một vai trò». Hồng đã trở thành một «nhân vật» mà người ta đã chú-ý đến. Với Hải, một chàng trai trước đây 5 tháng hãy còn hoàn-toàn xa lạ, nay Hồng đã thành một «người yêu», nghĩa là một người đã có mãnh-lực nào đó hấp-dẫn chàng, đã khiến chàng mơ-tưởng, nhớ thương, rộn-ràng trong tâm-tư. Dưới mắt Thầy, Me, chị Vân, chị Mai, thì Hồng còn là «Bé Hồng», nhưng trong tâm mắt yêu-dương tình-tử của Hải, Hồng là một «giai-nhân», một «người yêu lý-tưởng» — theo lời Hải ca tụng Hồng. Hồng đã ngẫu-nhiên là một hình ảnh trong giấc mơ của chàng, ngự-trị trong tim chàng, mà chính Hồng không hề có ý ấy, hoàn toàn không sắp đặt cuộc chinh-phục bất ngờ ấy. Hải đã bảo với Hồng rằng: «Hải yêu Hồng vì «đôi mắt huyền mơ» — Thật chứ? — «Nụ cười duyên dáng» — ? — «cái corps đẹp» — ! — «Tính nết hiền lành» — chưa chắc đâu, chàng ạ! — v.v... và v.v... Có nhẽ Hải khen mình Hồng đấy thôi, nhưng cũng có nhẽ Hải thành thật, Làm sao Hồng dò được lòng dạ của chàng trai mới quen? Dù sao tình yêu thiết tha của Hải cũng đã gây cho Hồng một mặc cảm: *hãnh-diện*. Thế ra người con gái được một người đàn-ông yêu là một *hãnh-diện*. Chả trách Loan có nhiều người «yêu», Loan càng *hãnh-diện* nhiều. Thảo nào Loan hay vênh vào bộ mặt kiêu-cãnh và thạo đời, với lũ bạn trong lớp (trừ Hồng, dĩ-nhiên).

Ngược lại, người đàn ông được một cô gái tỏ tình yêu-đương, có nhẽ họ cũng hạnh diện như thế chứ gì.

Vì hạnh-diện được có người đàn ông, — riêng với Hồng, người ấy lại là một sinh-viên Đại-học, — đề ý đến mình, thiết tha yêu mình, thơ-thần nhớ mình, nên Hồng đã dần-dần mất hẳn cái tính ngây-thơ khờ khạo như trước, tự cảm thấy rằng nay mình đã bước lên một địa-vị mới, nơi đây mình không còn cô-đơn nữa, mình đã thành một « hình-ảnh yêu-quý », « thiêng-liêng », của một người. Ái-tình huyền-diệu nhĩ ! Nó đã biến một thiếu-nữ thơ-ngây đơn-độc thành như một « Nữ-Thần » được một chàng trai tôn thờ...

Nó nâng cao cá-nhân của ta, đặt ta lên ngôi Hoàng-hậu yêu dấu ngự-trị trong tim chàng, và trong tư-tưởng của chàng. *Có vinh-quang nào mầu-nhiệm bằng vinh-quang của Tình-yêu !*

Sau này, duyên số của Hồng sẽ như thế nào, Hồng đâu đoán trước được. Nó sẽ tốt đẹp lâu bền, hay sẽ để dành cho Hồng những thử thách bất ngờ, nào Hồng có biết ! Nhưng ngay bây giờ đây, nó đem đến cho Hồng cái cảm-giác của một hạnh-diện thắm-kín : rằng ta không chờ vợ hiu-quạnh nữa, rằng ta không còn phải một mình ta. Vừa ra khỏi ngưỡng cửa thiếu-nhi, bước sang một cái tuổi mà ta bắt đầu có ý-thức về cá-nhân của mình, ta đã dụi-dè bên-lên cảm thấy một trống-rỗng lạnh-lẻo trong tâm hồn. Hồng thấy những người lớn tuổi mà không có tình yêu, khác nào một chiếc bóng bơ-vơ trong sa-mạc. Rồi Hồng lo... sợ, nếu số-kiếp ỡm-ờ dặt bỏ Hồng giữa quạnh-quẽ mông-lung ấy, chắc Hồng sẽ khổ lắm...

Ái-tình huyền-diệu, ái-tình nhiệm-mầu, ái-tình vui tươi diễm-lệ xiết bao, ái-tình bỗng hiện ra trong giờ phút ảo-huyền, nắm lấy bàn tay Hồng... âu-yếm truyền sang cho Hồng một nguồn vui xao-xuyến lạ !

Thật thế ! Hồng phải tự thú nhận rằng Hồng dạo này không phải Hồng trước đây hai tháng !.. Biết đâu Hồng ngày mai không

phải như Hồng hôm nay, và những ý-nghĩ của Hồng ghi chép đây rất có thể một ngày kia bàn tay linh-nghiệm của Ái-tình sẽ xáo-trộn và biến đổi hẳn ?

Thế là Hồng đã nhón thật rồi. Hồng nhón từ khi Hồng được yêu...

* 12.5 — 9 giờ đêm.

5 giờ chiều nay, sau khi làm xong bài toán Đại-số, và học thuộc bài Sử-ký, Hồng rồi thì giờ, lấy lá thư rất tình-tử của Hải gửi hôm qua, đem ra đọc lại. Hồng cảm thấy trong lòng khoan-khoái vô-ngần. Hồng ra nhà ngoài, ngồi chơi. Chị Vân đang ủ đồ. Chị Mai luôn luôn không rời quyền tiều-thuyết. Hồng lặng-lẽ ngồi ghế xa-lông, mỉm cười một mình. Hồng mỉm cười vì tâm hồn của Hồng đang vui sướng. Bỗng Hồng ngó chị Vân, và tự nhiên nghĩ-thăm : « Chị Vân nhón tuổi rồi mà không có ai yêu. Hồng đã có một người yêu, Hồng nhón hơn chị Vân... » Rồi Hồng ngó sang chị Mai, Hồng cũng nghĩ thăm : « Chị Mai yêu một anh chàng có bộ râu sâu-róm, kém Hải xa, Hải là sinh-viên Đại-học, và Hải không có bộ râu sâu-róm... » Thế rồi Hồng phì cười. Hồng dụi mình vì đã vô-ý cười to, Hồng vội ngả đầu xuống thành ghế, che tay lên mặt, cười dòn tan một mình.. Chị Mai bỏ quyền tiều-thuyết xuống, nhìn Hồng, bảo : « Hồng, mầy điên sao thế ? » Chị Vân ủ đồ, cũng lên tiếng : « Mầy cười gì mà cười một mình thế, hả Hồng ? » Hồng vẫn vui-cười, đáp : « Em nghĩ chuyện vớ-vẩn, em không nhin cười được ! »

Bà Mai lại cầm quyền sách lên, chúm mũi vào câu chuyện tình trong tiều-thuyết. Hồng muốn nói to lên cho chị Mai nghe : « Chuyện tình trong tiều-thuyết chị đang xem đây là chuyện bịa-đặt. Hồng đây nè, chị Mai ơi, Hồng đây mới đúng là nhân-vật chính của một truyện tình thật-sự, đang ngồi ngay bên cạnh chị đây ! Cuộc tình-duyên của Hồng với Hải còn đẹp bằng mấy truyện tiều-thuyết tưởng-tượng đó ! »

Nghĩ thầm như thế, Hồng lại bực cười, Hồng cười hăng-hắc lên. Bà Mai lại trở mắt hỏi : « O hay, con nhỏ này lạ nhỉ ! Sao mà hay cười một mình thế, hả Hồng ? » Hồng càng cười to, và hỏi lại chị Mai : « Đố chị biết em cười cái gì ? » Chị Mai không trả lời. Hồng cũng làm thinh luôn.

★ 20-5 — 8 giờ tối

(Sao lại bực thư của Hồng trả lời thư của Hải đề ngày 11-5).
Chủ-nhật 20 - 5 - 58

Anh Hải rất thân,

Trước tiên, em phải xin lỗi anh về sự em giả nhời chậm-trễ bức thư rất cảm-động của anh hôm thứ Sáu tuần trước. Không phải vì em lười, hay vì em không nhớ anh, em nhớ anh nhiều lắm chứ, — nhưng vì gặp kỳ thi đệ-nhị lục-cá-nguyệt nên em bận học ôn các bài, nhất là Toán, Lý, Hóa, Sử. Địa... Em muốn về môn nào em cũng không sút kém, và phải được trên điểm trung-bình cơ, anh ạ.

Em thú thật với anh rằng, trong khi chờ đợi đến chủ-nhật để phúc-dáp thư anh, em vẫn đọc đi đọc lại những lời thư yêu-đương tha-thiết của anh, không biết bao nhiêu lần trong một ngày ! Trước bữa ăn, sau bữa ăn, và sáng ngủ dậy trước khi đi rửa mặt, em đều lợi-dụng năm mười phút rảnh-rang ấy để xem lại lá thư xanh-xanh ngào-ngạt hương tương-tư... Em say-sưa ngắm lại nét chữ dịu-dàng như nét đẹp trên gương mặt hiền-hòa tế - nhị của anh. Càng đọc những lời chân-thành cảm-động của anh, em càng quý-mến anh nhiều. Em sung-sướng được anh trao gửi những cảm xúc thầm kín nhất của tim anh, và em nghĩ rằng chắc em sẽ không bao giờ gặp được trong đời em một người bạn lòng tha-thiết hơn anh được.

Trong thư, Anh hỏi em : « Anh có cảm-tưởng như thế em còn dè-dặt trong tình yêu, có phải không em ? » Anh ơi, với một người

có tư-cách rất thanh-nhã như anh, hiền-từ và chân-thật như anh, em « dè-dặt » sao được nữa chứ ? Em biết rằng anh yêu em nhiều lắm anh mới hỏi em câu ấy. Em tin nơi anh hoàn-toàn. Nhưng, em xin thú thật với anh rằng em chưa hoàn-toàn tin được nơi em. 16 tuổi, em còn ngây-thơ khờ-dại lắm. Nhiều thiếu-nữ cùng tuổi cùng lứa với em hiểu biết hơn em nhiều. Họ hấp-thụ mau chóng và dễ-dàng hơn em những biến-đổi vật-chất và tinh-thần của phong-trào « Sóng Mới » từ Âu-Mỹ tràn sang. Có lẽ các bạn gái ấy thông-minh hơn em, và « tiến-bộ » hơn em nhiều lắm. Họ đã « tiến-bộ » từ hồi 13, 14 tuổi cơ, anh ạ !... Còn em, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng có lẽ em vẫn yêu-chuông cái đức-tính thủy-mị kín-đáo, cái đẹp không sỗ-sàng, cái yêu không bông-bột, mà em đã nhận - xét nơi những người đàn-bà gương-mẫu của Việt-Nam.

Chính em quý - mến anh rất nhiều vì em thấy nơi anh rất nhiều đức-tính khác hơn đa số thanh-niên ngày nay, cho nên em tin-trưởng nơi anh nhiều hơn là em tin nơi em. Tâm-hồn yếu-ớt như măng tơ, em có tránh được không những ảnh-hưởng ghê-gớm của một số bạn gái ở thể hệ chúng ta, đang lẫn mình vào « đợt sóng mới » ?

Tình yêu đẹp xiết bao, anh nhỉ ! Nhưng em đã nhận thấy ngay trong đám bạn « tài-hoa son-trẻ » cùng lứa với em, tình-yêu đã bị chà-đạp quá phũ-phàng ! Biết bao nhiêu cành hoa yêu-đương vừa chớm nở đã bị vùi-dập trong mưa cuồng gió loạn !

Anh Hải ơi ! Em sợ lắm, anh ạ. Anh diu-dắt em, đi anh ! Trên đường đời đầy chàm-hầy, chông-gai, ngộ nhớ Duyên-Hồng khờ-dại vấp phải lỗi-lầm nào, anh nâng-dỡ em nhé. Anh hứa với em không, anh ?

Em nhớ anh nhiều-nhiều-nhiều...

DUYÊN-HỒNG

(Còn nữa)



**khi
người
đẹp
thất vọng**



★ PETER CHEYNEY

● HOÀNG-THẮNG dịch

(Tiếp theo P.T. số 67),

● THỨ SÁU ●

MƯỜI giờ thức giấc, tắm rửa, uống ly cà-phê, tôi đi bách bộ quanh phòng. Vụ Ellerdene bắt đầu làm tôi khó chịu. Nhắc ống máy điện thoại, tôi gọi Finney hiện đang ở Lindle's Hotel tại Mapletor. Tôi hỏi tin về mẹ Mary Mc Dougal. Được biết bà già này vẫn còn nằm tại nhà thương Exeter, tôi nhờ Finney tới gặp bà ta đề hỏi thêm vài câu chuyện.

Sau đó, tôi gọi điện thoại tới John Ellerdene, mời ông ta tới bar khách sạn gặp tôi.

Ít phút sau, tôi thay quần áo rồi xuống bar. John Ellerdene cũng vừa tới. Chúng tôi kiếm chỗ ngồi nơi phía góc. Tôi cho ông ta hay công việc chưa được khả quan lắm nhưng tôi cũng cố gắng. John Ellerdene cũng nhắc nhở tôi khi có tin gì mới lạ nhớ cho ông ta hay luôn.

Từ biệt thân chủ, tôi bước ra bãi biển, mượn chiếc lều, bộ quần áo tắm. Chỉ có tắm mới làm cho tôi dễ chịu. Khi tôi trở về khách sạn, trời vừa đúng trưa. Tôi uống cạn ly rượu tại bar thì Finney gọi điện thoại cho hay anh ta đã gặp Mary Mc Dougal. Bà này kể cho Finney biết, hôm đó bà muốn đi thăm một người bạn ở Newton - Abbot để giải quyết một việc quan trọng. Một người bạn có dẫn bà ta tới gia-đình Ellerdene rồi buổi chiều tối dẫn bà ta đi Newton Abbot.

— Bà ta có đi phải không?
Đúng chứ?

— Đúng.

— Tôi chỉ cần muốn biết như

vậy thôi. Thôi nhé!

— Tôi có còn phải làm gì nữa không? Finney hỏi.

— Bờ được rảnh từ giờ tới chiều. Tôi sẽ gọi điện thoại tới vào lúc 8 giờ tối. Nếu không thì là sáng mai.

— O. K.

Tôi uống cạn ly rượu rồi tính đi ăn cơm. Tôi nhờ người gọi điện thoại gọi Trenidor Moat đề cho hay tôi muốn thăm ông Eustace Trenidor.

Ba giờ đúng khi tôi thắng xe trước cổng sắt nhà Trenidor Moat. Nơi đây cảnh vật hoàn toàn im lặng. Xuống xe, tôi đi bộ trên con đường hai bên trồng cây cắt xén đều đặn dẫn tới căn nhà cách con lộ chừng sáu chục thước. Phía xa xa, đồng cỏ xanh mướt và xa xa hơn nữa là cánh đồng lúa mì bát ngát.

Tôi bước lên bậc tam cấp bấm chuông gọi rồi chậm thọc hút chờ đợi. Trenidor đứng chờ tôi bên cánh cửa sổ trong thư viện. Tôi tự giới thiệu tôi cùng công việc do ông già vợ tương lai của anh ta nhờ tôi.

— Điều đó có làm cho ông ngạc nhiên không ?

— Không. Nếu tôi ở vào địa vị của ông John Ellerdene, tôi cũng làm như vậy.

Tôi kể cho Trenidor hay mọi chuyện. Tới đoạn Weeps hẹn gặp tôi tại biệt trang của hắn, tôi nói:

— Weeps hẹn gặp tôi hồi 9g30 tối ngày thứ tư. Hắn hứa sẽ nói hết cho tôi nghe. Cũng vào giờ đó, hắn gặp một người. Người ta khuyên hắn nên im lặng. Chắc ông sẽ hỏi tôi người đó là ai phải không ? Có thể là... ông không chừng. Hoặc bà Ellerdene. Ấy là tôi nghĩ như vậy khi tôi tới nhà hắn mà không gặp hắn.

— Tại sao ông lại có thể có ý nghĩ như vậy ?

— Đầu tiên, khi bà Ellerdene trả tôi 500 đề yêu cầu tôi đừng dúng tay vào vụ đó nữa. Và sau nữa ông, người chồng tương lai của cô Denise. Ông muốn Weeps im lặng.

35 phút sau khi tôi tới Biệt trang tại Gara tôi bị ba tên lạ mặt cho «tinh» người, tôi biết không khi nào ông hoặc bà

Ellerdene lại xử như vậy. Tôi đoán chắc một người thứ ba đã biết rõ Weeps. Họ đã khuyên hắn rời khỏi Melquay, đã đặt lên bàn tờ giấy đề tên tôi nói hắn không bao giờ thò lộ. Kẻ nào đã có tài thuyết phục được ba tên lạ mặt đến gần tôi ? Như vậy chỉ có hắn. Chính tên Weeps đã tổ chức cuộc mai phục đó. Tôi đã có bằng chứng đầy đủ.

— Như vậy ông còn tới đây tìm tôi có chuyện chi nữa ?

— Bởi vì ông cũng có dự vào màn diễn đó hồi sau 9 giờ.

— Có lẽ ông nói chuyện đùa chăng ?

— Đầu có. Tôi biết người ta có cho ông hay Weeps sẽ rời khỏi Melquay. Vì ông yêu cô Denise, ông không muốn ai nói tới chuyện của cô ấy nữa, nhất là Weeps, hắn chỉ xa Melquay độ một hoặc hai tháng thôi, khi trở về, hắn có thể lại toan tính làm tiền không chừng.

Chúng tôi biết, chính ông đã giết Claude Weeps. Về câu chuyện đó, ông dự tính như một tai nạn ?

— Không, điều đó hoàn toàn

ngoài dự-định.

Trenidor đứng dậy, tiến tới cửa sổ, dõi mắt hướng về phía cánh đồng lúa mì :

— Ông đã đoán đúng, ông Gale ạ. Những điều ông nói đều đúng hoặc gần như vậy. Tôi muốn biết kẻ lạ mặt đó đề bịt miệng nó lại. Tôi đã gặp hắn trên đường, khoảng nguy hiểm. Hắn đã nói hỗn với tôi. Khi nói, hắn đặt chiếc vali sau hắn, trông chiếc vali có vẻ nặng. Nóng mắt, tôi tiến lại phía nó, hoảng sợ, nó lùi lại như quên hắn chỗ đứng nguy hiểm, và hắn rút xuống chân núi. Tôi đá vùi chiếc vali cho rơi theo hắn.

— Đúng như tôi nghĩ : đó chỉ là một tai nạn. Tôi biết không ai nghi ông cả, ngay cảnh sát cuộc cũng cho đó là một tai nạn. Người ta cho rằng hắn vùi vàng đi trốn nên mới vậy. Tôi cũng gặp viên thanh tra rồi. Ông khỏi nghi ngại chi hết.

Trenidor quay về phía tôi :

— Cảm ơn ông đã tới thăm tôi. Chuyện vừa qua làm tôi buồn hết sức và tôi cũng chỉ biết làm như vậy.

— Bây giờ tôi chỉ khuyên ông một điều. Đừng có làm gì hết. Công việc lộ mặt nạ kẻ viết bài báo là tôi. Chỉ khi nào cần, tôi sẽ nhờ một người bạn, tên là Finney tới gặp ông và ông sẽ làm theo lời của anh ta mà thôi.

— Tôi hiểu. Bà Ellerdene có nói cho tôi hay ông là một người đặc biệt. Bà ấy đã không nhầm.

— Thời gian sẽ cho ông biết rõ.

Chúng tôi bắt tay nhau từ biệt.

Tôi tới Orange Hatch lúc 6g30. Hành lang vắng vẻ. Tôi bấm chuông gọi. Một phút sau, Phelps tới.

— Nếu tôi nhớ không lầm, thì kỳ trước anh có nói cho tôi hay quán này định bán ?

— Vâng, đúng như thế. Chỉ vì vắng khách quá.

— Như vậy cũng khó bán lắm. Nhưng chúng tôi biết nhìn xa. Nếu giá phải chăng, tôi sẽ mua. Tôi sẽ ở đây và cho thuê. Tôi thấy ưa nơi đây lắm.

— Vâng, ở đây thích lắm. Nếu tôi... tôi cũng muốn ở lại đây để giúp việc ông.

— Ô, việc đó rồi chúng ta sẽ tính sau, vừa nói tôi vừa đưa cho bạn hai tờ giấy năm livres gấp nhỏ. Hiện giờ tôi muốn được coi sổ sách để xem từ trước tới giờ họ buôn bán ra làm sao.

— Điều đó lẽ dĩ nhiên rồi, tôi được lệnh phải đưa cho coi sổ sách nếu có người muốn mua căn nhà này và không được lấy tiền.

— Ô, điều đó có hề chi, anh cứ cầm lấy. À tôi có thể xem ngay bây giờ được không ?

Phelps dẫn tôi tới căn buồng nhỏ, chứa toàn giấy tờ.

— Tôi muốn coi một chút rồi sau đó tôi sẽ uống whisky.

Phelps xin lỗi rút lui. Tôi lục đống sách ghi tên khách trọ từ tháng 6—1945. Tôi thấy hồi này Hart Allen hay thuê phòng ở đây. Trong cuốn sổ năm 1946, từ tháng 5 trở đi không thấy có tên chàng phi công đó nữa. Chỉ có một lần cuối tháng 6. Sự ghi chép này chứng thực cho vụ Denise. Phi đội của Hart Allen rời khỏi Exeter tháng 7-1946. Bữa tháng 6 trùng với buổi tuyên dương của viên đại-úy.

Tôi xé luôn trang giấy đó, cắt kỹ rồi cắt cuốn sổ vào chỗ cũ. Gặp Phelps tôi nói :

— Tôi đã xem qua rồi, nhưng tôi còn phải xem kỹ hơn nữa. Sáng mai tôi rất bận và chỉ rảnh vào buổi chiều. Phelps, anh có thể mang tất cả sổ sách vào trong phòng nhỏ được không ? Tôi sẽ tới ăn và ngủ tại đó.

— Tôi rất sung sướng được giúp ông.

— Nếu vậy bây giờ tối mai tôi sẽ tới. Tôi sẽ làm việc khoảng 2, 3 giờ trong yên tĩnh.

Phelps trao chìa khóa phòng riêng cho tôi. Uống hết ly rượu, tôi trở về nhà vui vẻ.

Tôi dừng xe lại bên lề đường để được tự do suy nghĩ. Câu chuyện đã rõ ràng lắm rồi. Chỉ còn có việc chờ đợi hoặc tấn công. Trước hết phải tính tới tên Roakes.

Tôi vội đi tìm Finney. Anh chàng đang ngồi uống rượu trong bar.

— Ngày mai bỏ có việc làm rồi, tôi kéo ghế ngồi bên cạnh bạn. Đừng có hẹn hò với một em nào nghe không !

— Càng hay. Tôi đã bắt đầu nó đang sợ.
ngửa tay ngửa chân, rồi đấy.

— Ngày mai bỏ gặp tên Roakes.

— Roakes ? Cái tên sắp chữ mà người ta nghi hấn phải không ?

— Phải chính hấn. Ngày mai thứ bảy, nó nghỉ việc buổi trưa. Gặp hấn, mời hấn uống rồi nói cho hấn hay mọi lẽ phải.

— Được, nhưng tôi phải nói gì với hấn ?

— Càng ít càng hay. Làm cho nó hiểu rằng tôi đã biết hết cả. Cho hấn biết tôi là ai và làm gì ở đây. Thuyết-phục hấn phải rời bỏ Melquay vào chiều mai. Nếu tới bốn giờ chiều mà hấn còn ở lại, tôi sẽ làm cho hấn bị bắt.

Bảo tôi muốn gặp hấn vào lúc 2g30 chiều tại bar Sheppey's. Nếu hấn biết điều, tôi sẽ đề cho hấn đi thông thả, còn không, tôi sẽ làm cho hấn bị hai năm khổ sai là ít.

— Anh tưởng rằng nó chịu ư ?

— Không, tôi tin chắc như vậy.

— Nếu hấn gây khó khăn cho mình ?

— Đừng ngại. Chính hiện giờ

— Được. Rồi sao nữa ?

— Sau khi gặp Roakes, lại đây đợi, có thể tôi cần vào lúc chiều.

— O.K.

Tôi cho xe chạy chậm chậm về Melquay để ngắm biển. Đêm nóng và yên tĩnh. Tôi tự hỏi tôi còn phải ở lại Melquay tới hôm nào.

Khi về tới khách sạn, tôi được tên bồi gác cổng cho hay có người ngồi đợi tôi đã lâu trong phòng rượu. Tôi suy-nghĩ không hiểu là ai. Ông Ellerdene hay Trenidor ? Nhưng không phải ! Chính là Mike Linnane đang ngồi nơi góc phòng, ly rượu trước mặt, điệu sì gà dài và nhỏ dính trên môi.

— Ông vẫn mạnh chứ ? Ngọn gió lạnh nào đưa ông tới đây vậy ? Chắc có chuyện phải không ông ?

— Tôi có tin mới lạ cho anh. Anh còn nhớ một cô tên Lana Gervaise, con một ông đại-tướng người Anh không ?

«Chắc lại có chuyện gì xảy ra đây», tôi nghĩ thầm.

— Có, tôi có biết.

— Nàng Lana còn biết anh chạy theo cô Dolorès, em gái Grant Ruthenal. Hôm kia cô này, vì băng qua lộ Sloane nên bị một chiếc taxi đụng gãy chân. Hôm sau, trong lúc đau đớn, cô ta hồi hận vì chuyện của anh nên đã gọi điện thoại cho Lana Gervaise hay sự thật có ta đứng đúng câu chuyện như vậy chỉ vì ghen. Cô Lana vội cho ông già hay. Ông này liền đi tìm anh ngay. Chính Đại-sứ Mỹ chỉ ông ta tới tôi. Tôi luôn luôn nghĩ rằng chỉ vì một cô gái nên anh mới lãnh công việc điều tra này.

— Ông ta nói gì với ông ?

— Rằng anh nên trở về London hai hoặc ba hôm và đi thăm Lana. Như vậy ông ta sẽ vui hơn.

Vụ này đối với tôi không đáng quan tâm anh Nicky ạ. Còn cô Lana, nếu tôi có một cô gái như cô ta để săn sóc tôi, tôi thấy đời tươi lắm.

— Đúng, tôi mỉm cười theo, nhưng chỉ một câu chuyện đó mà ông phải bận tâm đến thế ư ?

— Không hoàn toàn thế ! Tôi tới đây để nói cho anh hay

khô-? còn vụ Ellerdene. Hết rồi bỏ đi anh bạn ạ. Nên sửa soạn đi về London là vừa.

— Nhưng ai nói là mình phải bỏ đi ?

— Chính tôi.

— Khi tôi đang theo dõi một công chuyện, tôi sẽ làm tới cùng. Có chuyện gì xảy ra ?

Ông Mike nhún vai, cầm ly rượu uống trọn :

— Chính Hart Allen. Hắn ở bên Mỹ mới tới hôm qua và sáng mai hắn sẽ có mặt ở đây. Hắn sang kiểm tên viết bài bậy bạ, bởi vậy tôi có cảm tưởng chúng mình hết chỗ để làm việc. Tôi đã gặp Hart. Hắn nói hắn sẽ tới phá tan thành phố Melquay cho hả dạ.

Khi anh yêu cầu tôi cho biết rõ về Hart, tôi có gọi Webb, một nhân viên của chúng ta, trông coi chi nhánh bên New-York để giúp về việc đó. Webb cho hay Hart đang trên đường sang đây cùng nói rõ về Hart.

Trước chiến tranh, Hart chỉ là một anh thợ vẽ tầm thường trong xưởng « Van Heyt Tractor Corporation ». Anh ta yêu cô Méraline Van Heyt — con gái

ông chủ Hart hỏi ông già để xin cưới con gái ông ta nhưng anh chàng bị « sát muối ». Hart Allen bỏ đi. Khi có chiến tranh, hắn gia nhập không quân, sang Âu châu và trở thành một anh hùng.

— Đúng, cũng giỏi về rượu và gái cùng một lúc.

— Đúng, chỉ vì Hart thất vọng. Trong lúc đó, cô bé ở nhà luôn luôn theo dõi, ghi chép những chiến công, những huy chương của người yêu, rồi hai tháng trước khi Hart về nước, Méraline lạnh lùng nói với ông già, nếu Hart Allen, đại úy phi công, với những chiến công oanh liệt như thế mà không đáng làm con rể ông thì cô ta cũng không ở nhà nữa, cô sẽ sang nước Anh để lấy Hart. Ông già suy nghĩ rồi bằng lòng với điều kiện Hart phải bỏ rượu.

— Cô Méraline vội viết thư cho người yêu hay ý định của ông già, tôi nói tiếp. Hart Allen hứa sẽ không uống tới một giọt rượu và chỉ riêng nghĩ tới Méraline mà thôi. Bởi vậy cô ả mới thúc dục Hart mau mau về sớm

và hoàn toàn tin tưởng ở Hart.

— Đúng như vậy, Mike nhìn tôi ngạc nhiên. Sao ? Làm sao anh biết rõ vậy ?

— Tôi có đọc một trong những lá thư của họ. Hiện giờ nó nằm trong tập hồ sơ vụ Ellerdene.

— Hart trở về nơi cũ làm việc. Chỉ còn độ sáu tuần lễ nữa là cử hành lễ cưới, thì một tên nào đó ở đây gửi sang cho Méraline bài báo đăng trong tờ Melquay Record, được đóng khung bằng nét chì xanh. Thế là cô ả tuyên bố hủy bỏ cuộc hôn nhân. Hart uất ức vì hắn yêu cô Méraline tha thiết.

— Nếu vậy, giữa Hart và Denise không có gì chứ ?

— Hắn cam đoan như vậy. Hắn nói gia đình Ellerdene đối với hắn rất tốt. Bởi vậy, chúng ta phải bỏ chuyện này đi. Anh còn làm được việc gì nữa khi hắn tới làm xáo trộn cả thành phố này ?

— Tôi sẽ làm xong trước hắn. Có thể thôi !

(Còn 1 kỳ nữa)

ĐÃ PHÁT-HÀNH

Văn-Hóa nguyệt-san 61

Đầy 176 trang, giá 12\$



Truyện dài tình cảm thời đại ★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC:

Sau khi đậu ra trường, cô Phạm-thị-Toàn được bổ về dạy tại trường Nữ Trung-học Mỹ-Tho, và ở trọ tại nhà người Di.

Lần đầu xa gia-đình, đến tỉnh lạ, Toàn năm thao thức trằn trọc suốt đêm lo nghĩ không làm sao ngủ được, từ chuyện nghề nghiệp đến thân phận, duyên kiếp của Toàn. Nhất là quãng đời niên thiếu... cho đến khi gặp ông Giáo-sư Ngọc-Minh, một vị ân nhân đã giúp đỡ Toàn nên ngày nay...

(Tiếp theo P.T. số 67)

TOÀN nôn-nao vui-sướng, vừa lo-ngại, cảm thấy bắt đầu giai-đoạn xây-dựng cuộc đời mình với tự sức mình. Cánh cửa đời từ nay mở lớn, đường đời rộng thênh-thang, xa biên-biệt... Không biết tương-lai sẽ để dành cho mình những biến-cổ bất ngờ gì. Tuy chung quanh Toàn không thiếu bạn bè thân quyến nhưng Toàn vẫn thấy đơn-độc, quạnh-hiu, chơ-vơ một hình một bóng.

Gương mặt hiền-hòa điềm-đạm của ông giáo-sư Ngọc-Minh

MỠ HÔI NƯỚC MẮT

vẫn hiện ra luôn luôn trong tâm-tư của Toàn, như hình-ảnh đẹp nhất, cao-quý nhất, trong-sáng nhất của người đàn - ông, đã in vết đậm trong tư-tưởng của cô.

Nhưng Toàn không dám đặt nhiều hy - vọng vào sự gần-gũi bậc ân-nhân yêu-kính. Toàn không tin rằng Toàn sẽ được hưởng một hạnh-phúc diễm-lệ tuyệt-vời như thế... Dù ông Ngọc - Minh có thành-thật quý mến Toàn đến đâu đi nữa, Toàn cũng tự xét mình chỉ là một cô bé tầm-thường, không có đặc-điểm gì hơn muôn nghìn thiếu-nữ khác, để xứng-đáng lòng ưu-ái thiết-tha của ông.

Toàn chưa hề yêu ai bao giờ cả. Suốt thời-kỳ ở dưới mái học-đường, Toàn chỉ chăm học, quyết lo xây dựng cho tương-lai trước hết, không bao giờ nghĩ đến một cuộc phiêu-lưu tình-cảm. Tim của cô gái 21 tuổi ấy, chưa hề rung-động xao - xuyến vì hình ảnh một chàng trai nào, mặc dầu Toàn vẫn được bao nhiêu gã thanh-niên si-mê, cầu khẩn chút hương yêu. Không phải sắt đá, nhưng Toàn không tin-tưởng vào những cuộc ái-ân non-

nớt, bông-bột, quá hời-hợt và quá tầm thường. Dĩ-nhiên một ngày nào đó Toàn sẽ yêu một người nào đó... Nhưng, «*Người ấy là ai?*» Toàn buồn-bã nghĩ rằng *người ấy...* chắc không phải là ông Ngọc-Minh !..

Dù sao, đến Mỹ-Tho được hai hôm, Toàn liền viết thư thăm vị ân-nhân, và thưa để ông rõ công việc cô sắp đặt ở nhà người di như thế nào, và những cảm-tưởng đầu-tiền của cô đối với thành-phố xa lạ như thế nào. Ông Ngọc-Minh phúc-đáp thư cô, ân-cần hỏi-han, dặn-dò, khuyên-bảo. Cuộc trao-đổi thư từ giữa cô và ông Ngọc-Minh vẫn được màu thân - mến, dịu - dàng, tin - cậy, nhưng vẫn không vượt ra ngoài phạm-vi lễ-giáo...

★

Toàn đi dạy học đã một tháng rồi. Toàn dạy buổi sáng, buổi chiều nghỉ, định ở nhà tự học thêm chương-trình Tú-tài.

Bây giờ đã thành lệ quen, cứ mỗi sáng, 7 giờ, Toàn đến trường Nữ Trung-học, dắt theo em Ngọc, còn bà Di, một nữ-nhi rất dễ thương, học trường Tiểu-

học. Chiều theo ý em bé, cô Giáo Phạm-thị-Toàn đi thẳng đường Lê-Lợi đến ngã-từ đường Lê-đại-Hành, đứng đây nghe «chàng nghệ-sĩ mù» trong năm bảy phút. Bé Ngọc nghe mê. Đôi khi trống trường đã đánh, Ngọc còn đòi ở lại nghe cho hết bài ca của chàng rồi mới vội-vã bước theo chị đến trường.

Chính Toàn cũng có khiếu về âm-nhạc mà Toàn không ngờ. Con nhà nghèo từ thuở bé, lo ấm em và chụm bếp cho mẹ, Toàn còn biết gì là ca-nhạc nữa. Toàn chỉ ru em với vài ba bài hát xưa nghe lớn bên hàng xóm mà thôi. Đến lớn lên, đi học, bạn gái cùng lứa với Toàn say-mê tân-nhạc, bỏ cả học hành, nô-nức đua nhau tập đàn, tập ca, với tham-vọng trở thành danh-ca trên đài Phát-thanh Pháp-Á, riêng Toàn nhất-định không chạy theo phong-trào ấy. Cô muốn gắng công đèn sách cho đến ngày đỗ-đạt, cho có một trình độ học-thức khá mở-mang, rồi cô mới tìm những thú vui thanh-tạo của Nghệ-thuật.

Ngày nay, thì giờ hơi rảnh-rang, trí-óc đã thư-thái, mỗi buổi

sáng Toàn nắm tay Bé Ngọc, đứng nghe năm ba phút đờn-ca của «chàng nghệ-sĩ mù», âm nhạc bỗng lâng-lâng trời-dậy, réo-rất trong tim-cô...

Toàn nghe say-mê như Bé-Ngọc, và mỗi lần nghe xong, cô giáo đều mở bóp lấy hai đồng bạc đưa Ngọc, bảo em cúi xuống đặt nhẹ trong chiếc nón nỉ cũ mòn của chàng. Toàn lặng-lẽ rảo bước đến Trường, nhưng giọng ca nỉ-non của «Chàng nghệ sĩ mù» còn văng-vãng dư-âm trong lòng thiếu nữ.

Một buổi sáng thứ Bảy, theo thường lệ cô giáo Toàn dắt em Ngọc đến trường, hai chị em ghé chỗ «Chàng nghệ-sĩ mù» nghe chàng ca liền-tiếp ba bài: «*Đêm đông*», «*Giọt mưa Thu*», «*Con thuyền không bến*». Giọng ca nhịp với cung đàn, trời lên như lời than-thở, ai-oán, nào-nùng... Nghe buồn thấm-thía làm sao! Toàn có cảm-tưởng rằng tuy chàng trai trẻ nghèo khổ và tật-nguyên phải dùng cây đàn làm kế sinh-nhai, nhưng tiếng hát lẫn tiếng đàn của chàng có một giọng chân-

thành cảm-động, phát-xuất từ trong tâm-đế. Dân-chúng châu-thành Mỹ-Tho tặng chàng danh-hiệu «Chàng nghệ-sĩ mù», không phải là mỉa-mai đâu. Chàng chính là một nghệ-sĩ, một bậc tài-hoa bị xấu số đó thôi!

Rảo bước đến trường, cô Giáo Toàn đã phải nói với em Ngọc:

— Chàng hát hay quá. Ở Sài-gòn chị chưa nghe ai đờn và hát hay như thế.

Ngọc bảo:

— Chị ơi, em nghe giọng hát của anh ấy sao mà buồn-thảm hết sức! Em ước nước mắt, muốn khóc, chị à. Hèn chi bữa nay người ta xúm lại nghe đông quá.

— Họ nghe vậy mà họ không cho tiền.

— Dạ, em ngó trong cái mũ nỉ của anh ấy chỉ thấy lưạ-sưa chừng mười đồng. Chị Giáo cho 2\$, là nhiều hơn hết thầy. Mấy người kia, họ chỉ bỏ vỏ mũ 1\$ thôi chị ạ. Tội nghiệp quá há, chị!

— Trong đám đông người nghe đó, giới lắm chừng mười người cho tiền.

— Em thấy có mấy ông lính cho 50 cắc, chị ơi!

— Nhưng chàng không thèm để ý đến gì cả... chàng cứ ngồi rướng gân lên hát, hát như say như mê, như cuồng, như dại... như hòa hồn với mây gió...

Tan buổi học sáng hôm ấy, Toàn vừa dắt em Ngọc về đến nhà thì ông Tư Hốt-tóc hỏi ngay Toàn:

— Hai à, cậu «nghệ-sĩ mù» bị xe nhà binh cán, con biết chưa?

Toàn hốt-hoảng, trở mắt ngó ông Tư:

— Trời ơi! Thiệt sao, dượng?

— Thiệt. Di Tư con đi chợ về thuật chuyện lại rõ-ràng.

— Trời ơi! Tội nghiệp quá vậy!

Anh ấy có chết không, dượng?

— Dượng không rõ. Di Tư con nói: Vào hồi 10 giờ cậu ta cầm gậy đi mò về ngã chợ, băng qua ngã-từ Lê-văn-Duyệt thì bị chiếc xe nhà binh đụng vào cậu, cậu ngã xuống đường bị bánh xe cán lên cái chũn, đổ máu tùm-lùm. Rồi xe nhà binh chở cậu tới bệnh viện ở đường Thủ-khoa-Huân...

Bé ngọc cũng ngo-ngác, buồn xịu mặt:

— Anh không chết, hả ba?

— Ba đâu có biết.

Toàn đi vào phòng thay đồ, nhưng hôm nay sao trong lòng hơi buồn-bã hoang-mang... Toàn cũng không hiểu tại sao Toàn buồn-bã như thế sau khi nghe tin chàng nghệ-sĩ trẻ tuổi và mù-loà bị tai-nạn? Toàn không quen với chàng và không biết chàng tên gì, chàng mấy tuổi, gia-đình như thế nào, tại sao phải đi lang-thang nơi đầu đường xó chợ, với một cây đàn, và một giọng hát, để làm kẻ sinh-nhai? Với chàng, Toàn có đôi chút cảm-tình, nhưng cảm-tình rất tự-nhiên chỉ vì giọng hát rung-động của chàng đó thôi, cũng như tất cả những người khác, đàn ông và đàn bà, trong đám bình-dân, thường có dịp ghé lại năm mười phút nơi chàng ngồi để nghe giọng hát của chàng, cũng như Ngọc, em bé 12 tuổi, cũng như bao nhiêu các em khác, không hơn không kém.

Trưa nay, ở châu-thành Mỹ-Tho, những người nào đã từng say-mê tiếng đàn và giọng hát của người trai-trẻ mù-loà, khi biết tin chàng bị nạn xe-hơi trầm trọng, chắc là ai cũng thương-

xót, tội-nghiệp cho chàng, chứ không cứ gì cô Giáo Phạm-thị. Toàn ở trường Nữ Trung-Học. Bà Tư Đen cũng tỏ vẻ thương-hại người con trai xấu số ấy. Trong bữa cơm trưa, cả nhà ngồi chung quanh mâm, vừa ăn vừa bàn tán.

Toàn hỏi bà Tư :

— Anh ấy nhà cửa ở đâu mà phải đi lang-thang vậy, Di Tư?

— Ai mà biết! Nhưng cậu ta ở đâu tới đây chứ không phải người ở Mỹ-Tho.

— Anh ta không có cha mẹ hay bà con cô bác gì ở đây sao, Di Tư?

— Di Tư không rõ. Nghe người ta nói hình như cứ buổi sáng thì cậu ta hay ngồi đờn và hát ở góc đường Lê-đại-Hành, buổi chiều mát cậu ngồi ngoài bờ sông, tối thì ngủ nhờ ở cái Chùa nào đó. Họ đồn cậu ấy có học thức, đã thi đỗ bằng gì rồi, nhưng nhà nghèo rồi bị tai nạn sao đó nên mới bị đui hết hai con mắt. Ai tò-mò hỏi cậu ở đâu, thì cậu làm thinh. Ai hỏi quá thì cậu nói quê cậu ở Bến-Tre, có khi nói ở Thủ-dầu-Một, có khi nói ở Biên-Hòa.

— Sao người ta biết anh ta là người có học-thức, đã thi đỗ?

— Người ta đồn vậy đó, chớ có ai biết rõ đâu. Cậu ấy có bao giờ nói lý-lịch cho ai nghe đâu. Nhưng nói chuyện có vẻ người học thức. Tụi lính Lê-dương nghe cậu đờn hay, hát hay, cũng hỏi chuyện cậu, cậu trả lời tiếng tây cũng trôi chảy nữa đó.

Bé Ngọc nói xen vào, giọng con nít :

— Chị Hai ơi, dạo trước có bữa em đứng nghe anh hát, đồng người nghe lắm. Rồi hỏi anh

nghĩ hát, có người hỏi anh có vợ con chưa, nhà ở đâu, anh túm-túm cười dễ thương lắm, anh nói : xin lỗi ông, đời tư của tôi nghèo-nản khốn-khổ, có nghĩa lý gì đâu. Tôi chỉ biết tôi là kẻ tật-nguyên, không có ích chi cho xã-hội.

Toàn bảo :

— Tuy anh ta đui vậy chớ coi gương mặt cũng biết là người thông-minh, và hiền-hậu. Chắc cuộc đời của anh ta cũng có cái bí-mật gì đó.

(Còn nữa)

SÁCH TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Lê-Lợi Saigon

| | | |
|---------------------------------|------------------|--------|
| Lịch sử triết học Đông Phương I | Trung Hoa | 100 \$ |
| — II | — | 100— |
| — III | Ấn Độ | 80— |
| Nho giáo I | Trần trọng Kim | 80— |
| — II | — | 150— |
| Nho giáo một triết lý chính trị | Nguyễn hiến Lê | 35— |
| Khổng học đảng (2 quyển) | Phan Bội-Châu | 300— |
| Việt Nam Tam giáo sử đại cương | Nguyễn văn Hầu | 39— |
| Trang Tử Tinh hoa | Nguyễn duy Càn | 47— |
| Lão-tử Đạo-đức Kinh (2 quyển) | — | 100— |
| Cái đứng của thánh nhân | — | 48— |
| Thuật xử thế của người xưa | — | 44— |
| Mặc-Tử | Ngô tất Tố | 50— |
| Lão-Tử | — | 40— |
| Đạo-đức kinh | Nghiêm Toàn | 70— |
| Đại học Trung Dung | Đoàn trung Côn | 0— |
| Đại học | Tạ thanh Bạch | 20— |
| Trung-dụng | — | 30— |
| Minh tâm bảo giám | — | 75— |
| Dịch kinh tân khảo (7 quyển) | Nguyễn mạnh Bông | 1400— |
| Phật giáo triết học | Phan văn Hùm | 38— |
| Vương Dương Minh | Trần trọng Kim | 28— |

PHỒ-THÔNG

ĐÃ LÊN BA

★ THIẾU - SƠN

THẮM-THOÁT mà *Phồ-Thông tạp-chí* đã được 3 tuổi. Anh Nguyễn-Vỹ phân-công cho tôi viết một bài cho số kỷ-niệm Đệ-Tam châu-Niên. Tôi nhận lời mà lòng hơi bối-rối vì đối với *Phồ-Thông* tôi vừa là người nhà lại vừa là người khách, tôi không biết đứng trên cương vị nào mà nói tới nó ở đây?

Tôi đã cộng-tác với nó trên hai năm, lâu hơn tất cả những thời gian mà tôi đã viết cho các báo khác, kể cả *Nam Phong* và *Phụ nữ Tân-văn* mà tôi đã hợp tác trong tuổi thanh-xuân đầy nhựa sống và đầy tham-vọng.

★

Tôi gặp anh Nguyễn-Vỹ sau khi tôi đã mỗi-một, muốn nghỉ-ngơi nhiều hơn là muốn làm việc nhưng vẫn muốn nói ra được phần nào những điều còn chưa chắt ở trong lòng. Nhờ vậy mà đã viết ra được «Nửa đời người» và rồi đây sẽ tiếp thêm «Nửa đời» còn sót lại.

Trong khi tôi viết thiên Hồi-ký của tôi thì anh Vỹ cũng viết hồi ký của anh về những nhà văn tiền-chiến.

Lâu lâu có một bạn phê-bình với tôi : «Anh Vỹ nói tới anh nhiều quá. Không khéo người ta lầm là đề-cao cá-nhơn».

Tôi đem lời đó nói lại với anh. Anh thật thà nhìn-nhận và sửa chữa, để tránh sự hiểu

PHỒ THÔNG BA TUỔI

lầm. Rồi lại đến phiên anh nói với tôi : «Gần đây có người phê-bình anh trong những bài ở «Một Đời Người» họ bảo anh cũng đề-cao cá-nhân quá xá.» Tôi đọc lại bài của tôi viết và cũng thật-thà nhìn-nhận và sửa chữa khuyết-diểm của tôi, để đừng có sự ngộ-nhận nữa. Thật ra thì khi viết hồi ký, ký-ức khó lòng mà tránh khỏi nói tới mình ! Nhà văn ở xứ nào và ở thời đại nào cũng vậy cả. Nhưng dầu sao những lời phê-bình của các bạn cũng giúp đỡ và xây-dựng mình phần nào. Và lại có mền mới đọc, có đọc mới thấy, có thấy mới nói. Những lời nói chân-thật và chan-chứa cảm-tình đó, chúng tôi không bao giờ bỏ ngoài tai.

Hồi tôi bắt đầu viết *Phồ-Thông* có bạn nói : «Coi chừng tiền-nhuận bút phải đòi cho gặt. Xừ Vỹ hay khắt lãn, có khi quên luôn». Thật ra lúc đó *Phồ-Thông* chưa khá, anh Vỹ không có tiền nên khắt lãn thì có, mà quên luôn thì không. Riêng phần tôi, tôi thấy anh đã ráng rất nhiều, có khi chính anh phải đi vay mượn để sòng-phăng với tôi trong khi nền tài-chánh của tờ

báo còn rất eo-hẹp. Và lại, ai cũng biết anh là một nhà Văn nghèo, luôn luôn trọng đến danh-dự của ngòi bút, anh làm báo với tự sức của anh, vay mượn của bạn-bè mà làm chớ không nương-dựa vào tài-lực hay tiền-bạc của ai cả. Nhưng tới khi báo một ngày một phát-triển, tiền thâu về một ngày một khá thì anh Vỹ chẳng những sòng-phăng mà còn tỏ ra rất hào-phóng và châu-đáo với anh em.

★

Lại có bạn phê-bình : «Nguyễn-Vỹ và Thiếu-Sơn, hai ông không giống nhau chút nào, sao lại có thể hợp-tác được với nhau lâu thế ?»

Thật ra nhận xét trên đây chỉ đúng có một phần, vì chúng tôi cũng thấy rằng chúng tôi có nhiều điểm khác nhau, đầu chúng tôi đồng một trang lứa. Chúng tôi khác nhau từ cách hành-văn cho đến lối suy-luận, dĩ-nhiên mỗi nhà văn có mỗi cá-tính riêng biệt. Cả những đề tài cũng chẳng mấy khi trùng. Nhưng chúng tôi có một điểm giống nhau là BIẾT TRỌNG TỰ-DO TỰ-

TUỞNG, là không có bình công-thức, tha-thiết với văn-chương và trung-thành với lý-tưởng.

Có khi tôi không đồng-ý với những bài của anh Nguyễn-Vỹ nhưng chẳng bao giờ anh Nguyễn-Vỹ đòi hỏi tôi viết theo ý của anh. Tôi không đồng-ý cũng không sao vì tôi đâu có quyền kiểm duyệt bài của ông chủ bút? Nhưng nếu tôi phải viết theo ý của anh Vỹ hay là anh Vỹ viết theo ý của tôi thì chắc chắn là chúng tôi không thể viết được.

Tôi thấy rằng biết tôn-trọng tự-do tư-tưởng của nhau là điều kiện căn bản trong mọi sự hợp-tác về văn-chương.

★

Bình công-thức là một bệnh nguy-hại nhất đối với kẻ cầm bút. Công thức là làm theo thời-thượng theo những ý-kiến hiện-hành, theo thị-hiệu của thời-đại hay thế-tục. Có khi theo là đúng mà cũng có khi theo là sai. Có khi đúng ở hôm nay mà sai ở ngày mai. Có khi đúng với người này mà sai với người khác. Ngay chơn-lý cũng chưa chắc đã cố-định.

Tôi mến *Phổ-Thông* vì *Phổ-Thông* không mắc bệnh công-thức, dám tiếp nạp những tư-tưởng kỳ-đặc và dám nói lên những ý-kiến khác người mặc dầu nó vẫn đứng vững trên lập trường dân tộc và nhân-bản. Nhất là nó không xu-phụ chánh-quyền. Có người sẽ cãi rằng: «Khác người thì lấy người đâu mà đọc? Thật ra khác người chỉ có nghĩa là khác với thời-thượng và thời-thượng nhiều khi vẫn bị công-thức-hóa như thường.

Anh Nguyễn-Vỹ đặt ra một định-lệ: Những loạt bài nào mà độc-giả không ưa thì họ thường viết thơ nói cho nhà báo biết. Nếu là 1, 2 bức thì anh cho là chưa đáng kể, nhưng đến bức thứ 3 của ba nơi khác nhau, thì anh kiểm điểm lại và phần nhiều là cho ngưng loạt bài đó mặc dầu chưa kết-thúc.

Chúng tôi hầu hết đều ở nhà viết bài rồi đem tới Toà-soạn. Ở toà-soạn thường chỉ có một mình anh với ba nhân-viên văn-phòng. Anh đặt ra cái định lệ trên đây chính là anh muốn dựa vào ý-kiến của độc-giả để xây dựng tờ báo. Cố nhiên là độc-giả không phải chỉ biết chê mà cũng biết khen. Sự khen chê của độc giả đã đóng

góp rất nhiều vào công-việc xây-dựng người cầm bút.

★

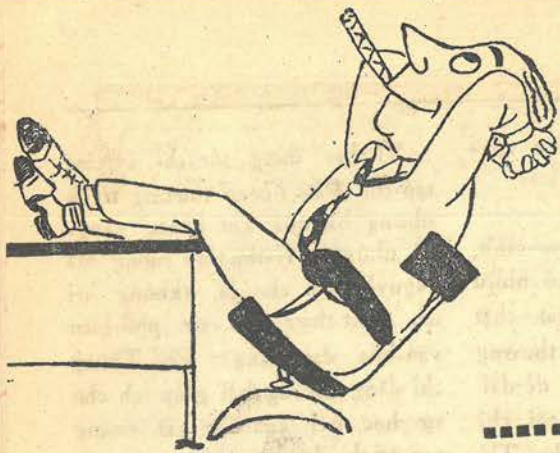
Nhiều khi tôi muốn so-sánh, thấy ở vài tạp-chí khác có nhiều bài viết rất công-phu, rất chặt chẽ, còn ở *Phổ-Thông* thường có đôi bài quá nhẹ-nhàng, dễ-dãi. Nhưng chính những bài tôi chê lại được nhiều người thích. Thì ra tôi đã chú quan mà quên rằng độc-giả có đủ trang lứa, đủ trình-độ và thảng số vẫn là đám thanh-niên thời hậu-chiến với những ưu-diểm và khuyết-diểm của thời-đại của họ. Đừng bắt họ suy-nghi nhiều nhưng cũng đừng quá nuông chiều những thị-hiệu của họ. Bây giờ còn rất ít những người khăn áo chỉnh-tề ngồi trước lư trầm mà đọc sách hay ngâm thơ. Bây giờ là thời-đại nguyên-tử và con người cũng bị quay-cuồng theo tốc-độ. Người ta ngồi đọc, nằm đọc, đứng đọc, đi đọc và nhiều khi vừa ăn vừa đọc.

Những món ăn tinh-thần cũng phải chế-biến cho thích hợp với hoàn-cảnh và cần cho dễ tiêu, thì mới có ích-lợi. Nhưng dễ tiêu mà vẫn bổ-dưỡng, thứ nhất là không có những chất phóng-xạ độc-hại cho tinh-thần của thanh niên.

Vì theo đúng tôn-chỉ ấy mà tạp-chí *Phổ-Thông* thường tránh những bài quá khô khan, nặng-nề, những «lý-thuyết» suông mà Nguyễn-Vỹ cho là «không lợi ích thiết thực cho sự phổ-biến văn-hóa đại-chúng». *Phổ-Thông* chỉ đăng những bài giúp ích cho sự học hỏi của độc giả, «nâng cao trình độ hiểu biết» của các giới đồng-bào về mọi mặt, mọi nơi, Đông-Tây, Kim-cổ. Có lẽ vì vậy mà tạp-chí *Phổ-Thông* được hầu khắp các giới Trí-thức và Bình-dân đại-chúng hoan-ngheh chẳng?

★

Như trên đã nói: Tôi không biết đứng trên cương - vị nào mà nhận-xét về tờ *Phổ-Thông* khi tôi chỉ ở nhà viết bài gửi tới. Nhưng vì tôi đã cộng-tác với nó trên 2 năm trong khi nó đã được 3 tuổi. Hơn nữa tôi đã đan-điêu với nó trong lúc hàn-vi cho tới hôm nay nó đã trưởng-thành, vững mạnh với số xuất bản càng ngày càng vọt lên cao, tôi thấy có thể nói tới nó với tất cả sự âu-yếm chơn-thành khi chủ nó không phải là một người phụ-nữ. Tôi khỏi phải bối-rối vì đề tài. Đề tài chính là: *Phổ-Thông* đã lên ba! ..



--- Sách

----- Báo

----- Mời

- ★ **Hôn-nhân và Hạnh-phúc** của PHẠM-CÔN-SƠN.
« Quan-niệm về đời sống hạnh-phúc lứa đôi. Bí-thuật bảo-vệ hạnh-phúc trong gia-đình ». Nhà xuất bản SỐNG MỚI, Sài-gòn. Dày 183 trang, giá 30\$.
- ★ **Dang-dở**, Thơ của NHƯ-BI, Quảng-trị — 33 bài. Giá 20\$
- ★ **Hy-vọng**, Thơ của HOÀNG - BẢO - VIỆT, Saigon 50 bài, 110 trang. Bản đặc-biệt, không đề giá bán.
- ★ **Mùa Phượng-Vỹ**, Thơ của LƯƠNG-TRỌNG-MINH, một thi-sĩ bạn trẻ ở Qui-nhơn. Độ 60 bài. 114 trang. Không đề giá bán.
- ★ **Thú Đau-Thương**, thơ của DƯƠNG - KIÊN, Saigon-21 bài. 45 trang. Giá 30\$
- ★ **Tiếng Lòng**, thơ của Hy-Tiểu NG.-VĂN-AN, Cần-Thơ. Dịch thơ Rháp ra thơ Việt — 36 bài — In riêng đề biếu — không bán.
- ★ **Thơ Mưa Giòng Lệ Xuân**, Thơ của NGỌC-BÍCH KIỀU-ĐIỆU-HƯƠNG. Có hình của tác-giả. Saigon. 21 bài. — Giá 25\$. Giá ủng-hộ 40\$.
- ★ **Cách thức sưu-tập Tem Thơ Quốc-tế**
của Hiệu Chơi Tem Quốc-tế, 71/12G đường Cao-Thắng, Saigon. Nói rõ các cách-thức chơi Tem. Giá 20\$.



Chúng tôi có nhận được, và xin vui lòng đăng nguyên-văn theo lời yêu-cầu của các đương-sự, thư sau đây của toàn thể sinh viên Tốt nghiệp Cao-đẳng Mỹ-thuật Gia-định khóa 4 và khóa 5 gửi lên ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Chúng tôi mong Bộ Q.G.G.D. lưu-ý đến điều thỉnh - nguyện của Sinh-viên.

P.T.

Gia Định ngày 12 tháng 10 năm 1961.

Kính ông Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục.

Kính thưa ông Bộ Trưởng,

Chúng tôi toàn thể sinh viên tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định khóa 4 và khóa 5 xin đạo đạt lên Ông Bộ Trưởng nguyện vọng thiết tha của chúng tôi như sau :

Chúng tôi rất cảm phục thấy chính phủ đã chú trọng đến ngành Mỹ thuật. Cụ thể trong việc mở trường Cao Đẳng Mỹ thuật, thiết lập Nha Mỹ thuật học vụ. Một việc làm cho chúng tôi thêm hân hoan phấn khởi là dự định đưa lên bậc Đại Học Mỹ Thuật.

Đề phổ biến ý thức thẩm mỹ vào đám học sinh tức là quảng đại quần chúng nói chung, và đám trí thức tương lai nói riêng.

Sau kỳ thi tốt nghiệp sinh viên từ khóa I đến khóa III đều được học thêm khóa «Giáo khoa Hội họa» để trở thành những giáo sư hội họa ở các trường trung học cấp I.

Đến niên khóa 60-61 bỗng nhiên khóa giáo khoa hội họa bị đình. Chúng tôi không ngạc nhiên vì khóa này sinh viên chỉ hơn 10 người, cho nên phải dồn lại 2 khóa nhập 1 để tiết kiệm ngân quỹ quốc gia. Đến hôm nay dồn cả 2 khóa nhập 1 của trường Cao đẳng Mỹ Thuật và trường Huế tổng số sinh viên không gần 40 người.

Chúng tôi được ban Giám đốc cho hay ông Bộ Trưởng rất sốt sắn trong việc mở lại lớp giáo khoa hội họa, việc nhập học chỉ là vấn đề ngày tháng. Thế mà, mới đây chúng tôi được tin không mở lớp này nữa, vì lý do đã đủ số giáo sư hội họa.

Kính thưa ông Bộ Trưởng,

Chúng tôi nhận được tin này như một tiếng sét đánh ngang tai. Lẽ ra chúng tôi không giám vọng ngôn bàn đến công việc của Bộ. Nhưng việc mở «Giáo khoa hội họa» hay không sẽ là câu trả lời. Tương lai của đám sinh viên Cao đẳng Mỹ thuật chúng tôi sẽ là

chân trời sáng lạn hay vực thẳm tối tăm. Chúng tôi buộc lòng phải trình bày thiên kiến của chúng tôi lên Ông cứu xét :

1) So sánh số trường học trong toàn quốc và số giáo sư hội họa đã đào tạo trong 3 khóa, mỗi khóa nhiều nhất không hơn 15 người, bảo rằng đã đầy đủ làm sao chúng tôi không khỏi thắc mắc.

2) Chúng tôi lại được nghe rằng có nhiều trường trung học giáo sư các môn khác như lý hóa, toán học, tú tài kỹ thuật chẳng hạn, không hiểu một tí gì về Mỹ thuật mà cũng đảm nhiệm môn hội họa, rồi đến những kẻ không có một bằng cấp về Mỹ thuật cũng đường đường một giáo sư hội họa ở trường trung học này, trung học họ, trong lúc chúng tôi kể theo đuổi 9, 10 năm (từ Mỹ nghệ lên) kể 4, 5 năm (từ dự bị vào) trở thành những hạng tri thức thất nghiệp, chỉ vì tội chúng tôi không có cha làm hiệu trưởng hay anh làm giám-đốc.

Chúng tôi trân trọng đệ đơn này kính ông Bộ Trưởng cứu xét cho 3 điều :

1) Mở lại lớp Giáo khoa hội họa để chúng tôi được tiếp tục học khỏi bỏ lỡ niên khóa 61-62.

2) Kính xin ông Bộ Trưởng cho ban thanh tra (trong đó có thành phần của Nha Mỹ Thuật), để loại những phần tử không hiểu mỹ thuật dạy mỹ thuật ở các trường trung học. Thay thế vào đó bằng những người có kiến thức và trình độ mỹ thuật.

3) Nếu vì một lý do khác không thể mở được giáo khoa hội họa, thì Bộ cũng cho chúng tôi được một chỉ số (indice) minh bạch, và chúng tôi cũng được thay thế những giáo sư hội họa không có bằng cấp về Mỹ thuật nói trên, theo sự chúng tôi được biết thì khi nào có chứng chỉ giáo khoa hội họa mới được chỉ số 350, còn không chẳng được xếp vào hạng nào cả.

Sinh viên toàn quốc hầu hết đều do Bộ Giáo Dục đào tạo ra cả, riêng chúng tôi gặp nhiều lao đao thiệt thòi. Kính xin ông Bộ Trưởng xét lại để chúng tôi nhờ.

Kính mong ơn

Toàn thể sinh viên tốt nghiệp khóa 4 và khóa 5

Đồng ký tên

★ Tây-tạng huyền-bí và đau khổ

(của bạn Lê-xuân-Ba, Sơn-lãnh, Quế-son)

... Xem quyển «Tây Tạng huyền bí và đau khổ» của «Văn-Hữu Á-Châu» ở trang 18, em thấy có nói ở Tây-Tạng anh em thật muốn lấy nhau phải được phép riêng của Đức Đa Lai Lạt-Ma. Em không

hiểu tại sao Đức Đa Lai Lạt-Ma là vị giáo-chủ của Phật-tử Tây-Tạng mà cho phép làm việc trái đạo như thế? Nói rằng đó là tục-lệ cổ-truyền thì tại sao Ngài cứ duy-trì hủ-tục đó? Nhiều người cứ dựa vào đây để nói xấu đạo Phật, em không biết làm sao cải-sinh được. Nhờ chị biện minh cho.

● **Đáp.**— Phong-tục dã-man ấy chỉ có ở xứ Tây-tạng thời xưa, thời thượng-cổ cũng giống như bên Egypte (Ai-cập) dưới Triều-đại các vua Ptolémée và các Hoàng-hậu Cléopâtre, gần 200 năm trước J.C. đến gần 200 năm sau J.C., anh em chị em ruột của họ vẫn chính thức lấy nhau được. Phong-tục vô luân ấy ấy không còn nữa ở Egypte cũng như ở Tây-Tạng từ lâu đời rồi.



Bạn Đọc đối với Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** **NĂM THỨ BA**

● **LỜI TÒA SOẠN.**— Nhân dịp kỷ-niệm Đệ-tam Chu-niên của **Phổ-Thông**, một số đồng Bạn-đọc có mỹ-ý gửi thư, và thơ, và chúc mừng tạp-chí thân-mến của quý bạn. Chúng tôi xin trân-trọng gửi lời chân thành cảm tạ quý Bạn đã để dành cho chúng tôi chút vinh dự quý-báu ấy.

Chúng tôi hân hạnh trích ra đây vài ba bài thơ (và... cả câu-đối) của quý Bạn gửi cho, để giữ một kỷ-niệm lưu-luẩn, theo lời yêu cầu thân-mến của các tác giả.

PHỔ-THÔNG tạp-chí

★ **Của Ô. Hồng-Viên, Giáo-sư Trung-học Pétrus Ký**

Câu đối :

Mừng tạp-chí **PHỔ-THÔNG** càng phổ-thông... phổ-thông...

Mến ngợi bút **DIỆU HUYỀN** thật huyền-aiệu... huyền-aiệu...

★ **Của Bà và Ông Mộng - Hùng, Bộ Tài-chánh.**

Câu đối :

Văn-hóa Việt lẫn văn-hóa Đông-Tây, **ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG**, tài nhi !

Vợ chồng tôi chúc vợ chồng Ông Tú, mừng con ba tuổi :
« MÌNH OI ! »

★ **Của cô Thanh-Nguyên, Việt-Nam Ngân-hàng,
117 Nguyễn-Huệ, Saigon**

« Mừng Đệ-Tam Chu-Niên, Phổ-Thông Tạp-Chí »

Phổ-Thông tô thắm nước non nhà,
Góp mặt Văn-Đàn nức tiếng xa.
Liên-kết từ-chương vui hội-ngộ,
Chúc mừng Tạp-chí vững phong-ba.
Tâm-tơ reo-rất tình lưu-luyến,
Tư-tưởng dung-hòa ý thiết tha.
Ngon bút đắp xây nền Tri-đục,
Thi cùng tuổ-nguyệt nét Tinh-hoa !

★ **của cô Tâm-Tình (T.T.TH.) Sài Gòn**

Mừng Phổ-Thông « ba tuổi »

Ba năm góp mặt với đời,
Bao lời son sắt là lời nhiệt-tâm.
Phất-cờ Văn-hóa nhân-dân,
Trong gian-lao, chẳng ngại-ngần hiểm nguy.
Dày công khảo-cứu tâm-truy,
Bao nhiều tài-liệu còn ghi muôn đời.
Phổ-Thông báo của muôn người,
Phổ-Thông soi sáng một trời Việt-Nam !
Thi văn ngày một rõ ràng,
Phổ-Thông sống với muôn văn mền yếu !

★ **của Ô. Trần-Hà-Thanh, Giáo-Sư Huế.**

Mừng Phổ-Thông năm thứ 3 :
Thành-thị, thôn quê, tiếng Phổ-Thông !
Danh người không thẹn với Non-sông.
Mồ-hôi Nước mắt, phi giai-cấp.
Kim-cổ Đông-tây, kết đại-đồng !

Nhân-vật Xuân-thu, mà chuyện mới !
Chàng-trai Đất-Việt, ấy gương chung !
Mặc ai bề phải tranh xôi thịt,
Khen một mình ai một tấm lòng !

★ **của các bạn Thi, Lịnh, Mỹ-Phương, trường Gia-Long.**

Chúc chị Diệu-Huyền.

Phổ-Thông đầy 3 tuổi,
Tụi em làm thơ mừng.
Văn chương tuy cóc nhầy,
Nhưng lòng vui tung-bừng.
Chúc Phổ-Thông 100 tuổi,
Và chúc chị Diệu-Huyền.
Đừng răng long, tóc bạc,
Đừng mắt nụ cười duyên,
Chị nhé !

Đừng cốp má, khòm lưng,
Để viết mãi không ngừng
Cho tụi em nghe mãi

Chị «đáp bạn bốn phương».
Chị «Mình ơi», Mình hơi,
Với «ông Tú, chồng cưng !
Chị viết «Thơ lên ruột»,
Đọc lên ruột tung-tưng !
Và «Mồ-hôi nước mắt»,
Đọc say mê quá chừng !
Đầy «giấc mơ hoa» đẹp,
Đẹp-đẹp... và dễ thương !

Good - bye chị

và chúc (chị : anh) vui thật là vui
trong ngày kỷ-niệm Phổ-Thông
yêu quý.

XIN CÁO LỖI.— Còn nhiều bài thơ, và thư của nhiều bạn đọc có
nhã ý gửi đến chúng tôi, rất tiếc không còn chỗ để đăng, vậy xin
tất cả Quý bạn rộng lòng tha thứ cho. Chúng tôi xin thành-thật cảm
tạ thịnh tình của Quý bạn.

PHỔ-THÔNG Tạp-chí

TIN MỪNG

Được hồng thiệp của anh chị ĐẶNG-HỮU-BA báo
tin ngày 28-10-1961 sẽ làm lễ thành-hôn cho cháu
ĐẶNG-HỮU-LUU, kết duyên cùng cô PHẠM-THỊ
THAI con của bà LÊ-THỊ-TÝ tại Phan-Thiết.

Nhân dịp vui mừng, chúng tôi thành thật chia mừng
cùng anh chị và chúc cháu LUU và THAI trăm năm
hạnh phúc.

HOÀNG - THẮNG tức Đặng-Hữu-Hồ
ĐẶNG-HỮU-NHÂN



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ **DIỆU-HUYỀN**

★ **Một bạn đọc ở Xã Hòa-Tú (Ba-Xuyên)**

(do ông Thiệu-Sơn trả lời thư riêng của bạn)

- 1) Ông Việt tha Lê-văn-Thử chưa hề làm trạng-sur.
 - 2) Tôi đang sắp-xếp tài-liệu để chuẩn-bị tiếp-tục « Một đời người ».
 - 3) Tôi chỉ biết ông Tề-Xuyên đang viết cho Phổ-Thông, còn không biết ông có làm đâu hoặc viết cho báo nào khác nữa.
- Ông Tề Xuyên và tôi thành thật cảm ơn ông.

THIỆU-SƠN

★ **Ô. Phạm-văn-Kiên, Giáo-viên Giồng Trôm.**

Đây nguyên-tác bài thơ ông hỏi, mà nhiều người đương thời cho là của vua Duy-Tân.

NOCTURNE

Sur le Fleuve des Parfums

*Du soir la tiédeur alanguie
Berce mon âme en sa douleur,
Du fleuve la course alentie
Berce la barque avec douceur...*

*La barque obéit, endormie,
Aux coups réguliers du rameur,
Mon âme tressaille, meurtrie,
Aux coups de la vie dans mon cœur:*

*Et mon âme vogue, alangnie,
Au rythme alenti de mon cœur,
Et la barque vogue, alentie,
Au rythme alanguie du rameur.*

*La lune paraît, très pâlie,
Dans sa maladie de lanoueur,
Et répand sa mélancolie
Sur la nature et dans mon cœur.*

*Mon âme en sa mélancolie
Berce doucement sa douleur,
La barque en sa course alentie
Berce mon âme en sa langueur.*

F.G.H.

Và đây là bản dịch ra Việt-văn, của N.V. :

Hơi gió hiu-hiu của ban-đêm
Ru hồn ta trong cơn tê-tái,
Nước sông Hương lặng-lẽ, êm-đềm.
Ru chiếc thuyền ta bơi, êm-ái.

Thuyền ta thiu-thiu ngủ, lênh-dênh,
Theo nhịp mái chèo bơi, êm ái.
Tâm-hồn ta rên-rỉ, buồn tênh,
Theo cơn sóng trần-duyên tê-tái.

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh,
Trên lớp sóng trần-duyên tê-tái,
Thuyền ta bơi lướt qua, lênh-dênh,
Theo nhịp mái chèo bơi êm-ái.

Trăng soi trên đỉnh núi, đầu ghềnh,
Nhọt như vết thương lòng tê-tái,
Và trong cõi lòng ta mộng mênh,
Trăng rủ một cơn buồn êm-ái.

Tâm hồn ta rên-rỉ, buồn-tênh,
Ru vết thương lòng ta, êm-ái,
Thuyền ta trên mặt nước lênh-dênh,
Ru tâm-hồn ta thêm tê-tái.

NGUYỄN-VỸ

Về bài thơ trên, có nhiều tài-liệu gần chính thức cho rằng tác-giả là ông HENRI GUIBIER, Chủ sở Kiểm lâm ở Huế dưới thời Bảo-hộ Pháp. Nhưng một số các nhà trí thức nói quả quyết rằng tác-giả là vua Duy-Tân lúc 16 tuổi đang làm Vua ở Huế.

★ **Bạn Dương-dinh Dục, Quốc-học Huế**

Nhị-linh là một ký-giả thời tiền-chiến, Không phải em của nhà văn Nhất-Linh.

★ **Bạn Trịnh-quang-Ngọc, Vientiane, Lào.**

Về việc gửi tiền mua báo, xin bạn hỏi cách thức tại nhà Bưu-điện Vientiane. Mấy số báo bạn thiếu, hiện ở Toàn soạn không còn. Xin cảm ơn thư bạn.

★ **Bạn Lệ-Ngân, Huế**

Dòng-dõi Napoléon hiện nay còn Prince Napoléon và gia-quyển ở một tỉnh miền Nam nước Pháp. Ông đã già, làm điền chủ, được dân chúng Pháp tôn-trọng và quý-mến. Con cháu đông.

★ **Bạn T. T. TH. Saigon**

Chữ *Phim* đàn, có 2 nghĩa: 1— miếng gỗ hoặc ngà, dán vào chiếc đàn để căng thẳng sợi giây.

2— Cung đàn:

Mắt người còn chút của tin,

Phim đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa

(KIỀU)

— Bức tranh bìa P. T. Trung-Thu, vẽ theo khuôn-khổ bìa báo,

án xong rồi phá khuôn, không in thành khổ lớn được nữa. Bức tranh đẹp được như vậy, là nhờ in offset, phối-hợp các màu thành ra màu buồn man-mác của mùa thu.

★ **Cô Trần Tâm, Sadec**

— Cô muốn đính-hôn với một người có quốc-tịch Pháp, đó là quyền tự-do của cô, và không có pháp luật nào buộc cô phải vào quốc-tịch của người chồng.

— Nếu cô vào quốc-tịch Pháp, thì cô là công-dân của nước Pháp chứ không còn là công-dân Việt-nam nữa, vì vậy cô không được làm ở các công-sở của chính-phủ Việt nam, trừ ra một vài trường-hợp đặc-biệt chính-phủ bằng lòng thuê người cộng-sự ngoại-quốc. Muốn đứng tên một xưởng do vợ chồng tạo nên, hay làm chủ một môn bài để mua bán, cũng phải theo quy-chế dành riêng cho người ngoại-quốc.

★ **Ô. Hà-văn-Quản KBC 4895**

Cung, thương, lần bậc ngũ-âm

Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm một cương

Cung, thương, là hai âm nhạc. Ông Giáo dạy «cung thương...» là sai.

★ **Cô Phan thị Liên-Kiều, Hoài-An**

Cây *Houblon* dùng làm rượu bia, ở nước ta không có trồng vì khí-hậu nóng quá. Nó là loại giấy leo giống như giấy nho, giấy bí vậy.

★ **Ô. Trần-như-Hùng, Phan-Rang**

Ý-nghĩa mấy câu danh-ngôn trong Phổ-Thông:

— *Người đàn bà sẵn sàng tự nhận mình nói quấy khi họ nói phải hơn là khi họ nói quấy (Jan-Charles)*

Ý nói: người đàn bà thường thường hay tự mâu thuẫn, và nói không cần suy-nghĩ. Khi họ nói quấy, mình bảo là họ nói quấy thì họ nhất-định không chịu; vậy mà khi họ nói phải, mình bảo rằng họ nói quấy họ lại nhận là họ nói quấy.

— *Huyết-khí chi nộ bất năng hữu, nghĩa-lý chi nộ bất năng*

vô : Cái giận, vì huyết khí (vì nóng nảy) thì không nên có. Còn cái giận vì nghĩa-lý thì không nên không.

★ **Cô Vũ-Kim-Định, Phan-đình-Phùng, Nhatrang**

Tôi hoàn-toàn đồng-ý với cô. «*L'adversaire a perdu la première manche*», cô dịch : «*địch-thủ đã thua keo đầu rồi*» là đích-xác lắm.

Ông H.T. muốn áp-dụng nguyên-tắc mới, là dịch đúng nghĩa đen của ngoại-ngữ.

★ **Bà Phan-thị-Miêu, Tam-Kỳ**

Theo «*Hán-Việt tự-điển*» của Đào-duy-Anh :

Mô-tả : vẽ-vòi ra, hình dung ra (Peindre).

Miêu-tả : lấy nét vẽ hoặc câu văn để biểu-hiện cái chân-tượng của sự vật ra (Décrire).

— Về câu «*Dùi đục chấm mắm cáy*», bà nói đúng. Có chỗ thì nói : *Dùi đục chấm nước mắm*. Cũng không khác nghĩa mấy.

— *Cây dầy cóc được ăn* : Vàng, *cóc dầy* có nghĩa là «*chẳng*» theo tiếng Bắc. Ông bạn kia hiểu lầm.

— Đã cho gửi những số báo bà thiếu (52-59-62-63-64).

★ **Cô Lưu-thị Hoàng Anh, Kiến-Hòa.**

— Bệnh *Tinh-hồng-nhiệt* là một chứng bệnh sốt khi trong người nóng quá, nhiệt-độ lên cao, thường bị nổi những chấm đỏ ở cổ, và ngực (Fièvre Scarlate).

— Tôi có trao thư cô cho ð. H. F. xem. Câu văn của cô chép đó, không phải người ta bắt chước. Một câu nói thường, ai cũng có thể nói hoặc viết như thế.

★ **Bạn Mai-phước-Luật — Đà-nẵng.**

Bạn nên nghe lời mẹ già, xin học nghề để giúp đỡ gia-đình.

★ **Em Phạm phú Thứ, Đà-Nẵng.**

Em nên hỏi Bác-sĩ.

★ **Ô. Thanh Hiền, Bình Tuy.**

Tôi không thấy các tiệm sách ở Sài-gon bán loại sách thực-vật-học có nói đến cách ủ nấm, cũng không thấy đâu bán Spores để làm nấm rơm-

★ **Ô. M. Hoàng, Saigon.** Theo chỗ chúng tôi biết thì không có cuốn chuyên khiêu-dâm nào mà được giải thưởng Nobel. Còn các giải thưởng khác thì nhiều lắm, chúng tôi không được rõ.

★ **Ô. Phan-văn-Lang — Huế**

Ô. Nguyễn-Nghiêm, là anh con ông bác của N. V., chứ không phải anh ruột. Bị tử-hình năm 1932, sau cuộc bạo-động Cộng-Sản ở Quảng - Ngãi.

— Về họ *Phan*, bạn nói đúng.

— *Yaourt* là một món ăn bổ, làm bằng sữa tươi.

★ **Bạn Nguyễn-văn-Bò — Phan Rang.**

Bạn muốn bỏ tên ấy, đặt tên khác, thì phải làm đơn xin tòa-án. Nhưng chỉ đổi tên từ khi Tòa-Án cho phép, còn tên «*Bò*» đã ghi trong các văn-bằng và các giấy tờ cũ, không thể đổi được.

TIN BUỒN

Chúng tôi rất đau-đớn được tin ông NGUYỄN-TRUNG-HẬU (Thi-sĩ Thuận-Đức) đã tạ-thế tại Gia-định ngày 16-10-1961, Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng các bạn ký-giả Tam-Đức, Như-Lan và toàn thể tang-quyến, và cầu nguyện cho hương hồn nhà Thi-sĩ lão-thành được yên vui miền cực-lạc.

NGUYỄN-VỸ — THIẾU-SƠN
NGUYỄN-THU-MINH — PHƯƠNG-DUYÊN



**ĐẠI-BÔ
BÁC-SỸ TÍN**

CẦN DÙNG CHO NGƯỜI ỒM YẾU, MẤT MÁU,
SỐT RẾT XANH XAO, ĐÀN BÀ TRONG KHI,
DƯỜNG THAI HAY SAU KHI SẴN ĐẼ,
ĐẠI BÔ CHO NGƯỜI LAO-LỰC VÀ ĐAU MỐI MẠNH.

VIÊN BẢO CHẾ 343 D. LUC TÍN C. L.
CÓ BÁN TẠI CÁC ĐẠI-LÝ KHUYNH-DIỆP BÁC-SỸ TÍN

ANH 61



Nước ngọt **CÓN CỌP XÁ XI**
 Giải lao độc nhất vô nhị.
 Giải cảm; lọc máu, kiện n.
 Trị thấp, nhuận tràng, khai ố.
 Hưng cường thân thể nhược suy,
 Tiêu thực, diệt trừ tả lỵ,
 Đóg chai Hoà Tiến tân kỳ;
 Thượng phẩm trình bày tuyệt mỹ!

NƯỚC NGỌT CÓN CỌP mỗi chai
 là nguồn Vui Mạnh khoẻ dài tươi xuân

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại: 23.187



PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

LONDRES

LONDRES

THUỐC
 THƠM

12\$

KING SIZE
 ĐIỀU DÀI

AIP

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công-nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774— 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoang hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v.,*

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng văn Hồ)

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HOMOPTYSOL

Số bệnh *lao ra máu* ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khaki huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm kể trên đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.



HO BÁC-SỸ TÍN

Chuyên trị:

HO cảm HO gió HO đàm HO ho khan

VIÊN BẢO-CHẾ Có bán khắp nơi
1343, ĐI LỤC, TỈNH CHOLON

THUỐC MUỐI SÙI TÂM

VECENO

Chuyên trị:

**BÓN-Ợ CHUA-BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CORÚT**

**CÓ BÁN KHẮP
DƯỢC-PHÒNG AU-MỸ**

★ KHUYNH-DIỆP BÁC-SỸ TÍN chẳng những bảo-
vệ sức-khỏe mà còn giữ gìn GIỌNG CA ÊM ẦM,
TIẾNG HÁT THANH TAO, BỘ PHỔI TRONG
LÀNH.

★ Anh chị em CA NHẠC SĨ thường dùng KHUYNH-
DIỆP BÁC-SỸ TÍN nhều vào khăn tay hít cho hơi thở
khoan-khoái, khử trùng trong khí-quần, khỏi vướng đàm
trong cổ họng khi trình-diễn.

★ Anh chị em thường đi dự Đại-Nhạc-Hội hay Cải-
lương, Chớp bóng cũng cần dùng KHUYNH DIỆP BÁC-
SĨ TÍN nhều vào khăn tay hít để khỏi sợ NHIỄM BỆNH
của những người bị CẢM, HO ngồi quanh mình.

Nhà thuốc **VAN-XUAN**

Phát hành tại THUỐC BÓ.

HUYET-SON-DUONG

Sở tịch Đại-ty
và khách, rắng tại

Nhà thuốc **VAN-XUAN**
4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN

Rất cần cho
SẢN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MỐI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie **TANA**

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu